

Trong số này

## Dân chủ, hơn bao giờ hết

Cuộc đàn áp dãm máu ở Băng Cốc trong những ngày cuối tháng 5.92 này có lẽ không đủ làm sụp đổ cái "mô hình Thái Lan" trong tâm tưởng của những nhà cầm quyền Hà Nội; cũng như cuộc đàn áp ở Thiên An Môn cách đây gần ba năm đã không ngăn cản họ tiến gần hơn về phía các bậc đàn anh ở Trung Quốc. Song, đối với những ai không quen coi mạng người là rơm rác, đối với những ai không quen đem cái xấu xa của người khác ra để lấp liếm hoặc biện minh cho tội lỗi của bản thân mình, bài học Thái Lan cũng như bài học Thiên An Môn năm xưa cùng mang một ý nghĩa hiển nhiên, khó có thể bôi bác: một chế độ độc tài (đảng trị hay quân phiệt) không thể đáp ứng những đòi hỏi của người dân, và chứa trong bản thân nó những mầm mống đổ vỡ, xáo trộn sớm muộn cũng sẽ nổ ra, gây đau thương, mất mát không dễ gì hàn gắn. Cuộc đàn áp dãm máu của đám quân nhân cực hữu Thái Lan, (thêm một lần nữa, lại được biện minh bởi chiêu bài "chống cộng sản", xem tuyên bố của tướng Suchinda Krapayoon ngày 19.5), cho thấy hơn cuộc đấu tranh dân chủ hoá không thể đồng nghĩa với đòi hỏi giản đơn "lật đổ chế độ cộng sản" để thay vào đó một chế độ "chống cộng", với bất cứ giá nào.

Dân chủ, hơn bao giờ hết, là đòi hỏi của thời đại, của mọi dân tộc. Và, dù không trực tiếp, vẫn là chủ đề xuyên suốt những bài bình luận mà mặt báo này chuyên chở.

(Xem tiếp trang 3)

### Mục lục

2 Bạn đọc viết

#### Thời sự

- 1 Dân chủ hơn bao giờ hết (Diễn Đàn)
- 3 Việt Nam... đã qua... sắp tới
- 6 Hóa giá nhà hóa ra "tháo chạy chính trị"? (Hải Vân)
- 8 Quốc hội và hiến pháp 1992 (Nguyễn Ngọc Hiền)
- 11 Lễ tang hòa thượng Thích Đôn Hậu
- 12 L. A. bạo loạn (Nguyễn Lộc)
- 14 Suy tư từ tình hình Đông Âu (Bùi Mộng Hùng)
- 17 Phương Đông đi về đâu? (Nguyễn Quang)
- 20 Trông người biết ta (Lý Thanh)

#### Cộng đồng

- 22 Tưởng nhớ Phạm Văn Ký, Nguyễn Mạnh Hà (N.N. Giao)

#### Văn hóa Nghệ thuật

- 19 Sáng soi; Vườn màu (thơ, Lê Đạt)
- 23 Đọc "Nỗi buồn chiến tranh" (Hoài Vân)
- 24 Đọc Thế Uyên (Đặng Tiến)
- 27 Đọc Lê Thành Khôi (Nguyễn Trọng Nghĩa)
- 30 Giấc ngủ nơi trần thế (truyện ngắn, Nguyễn Thị Ám)
- 31 Khúc ngâm đứa chơi (thơ, Hoàng Phủ Ngọc Tường)



Chú thích: ...



## Lại bàn về trí thức

Mỗi lần tôi nhận được tờ Diễn Đàn Forum là tôi phải bỏ công việc đang làm dở. Phải đọc qua báo đã, xem có tin gì mới lạ về Việt Nam không, có bài nào hay ?

Tôi thấy báo Diễn Đàn viết rất công phu, nhiều ý kiến hay. Tôi ưa nhất là cách ẩn loát, giản dị và tân thời. Tôi có lời khen riêng các bác xếp chữ, dàn bài. Phải có một ê-kíp nhất tâm, nhất trí mới được cái kết quả như thế.

Trong số 6 có ba bài về trí thức. Vì tôi cũng quan tâm về trí thức nên tôi đọc ngay và có mấy cảm tưởng sau đây.

Bài Trí tuệ và phát triển, kể lại cuộc họp bàn tròn ngày 30 tháng chạp năm Tân Mùi vừa qua. Bài này phác lại cho ta một chương trình hoạt động, suy nghĩ về trí thức cho ban biên tập và bạn đọc khá đầy đủ. Nếu thực hiện được chương trình này thì cũng phải mấy năm.

Bài Trí thức và Dân tộc của bạn Tôn Thất Nguyễn Khắc Thiêm thì tôi thú thật không hiểu gì cả. Tôi xin trích một đoạn để độc giả đọc lại xem có đồng ý với tôi không :

*Luận đề : Nhờ ý thức và tính tổ chức mà một thành phần xã hội từ trạng thái “tự mình” hoán chuyển sang trạng thái “vì mình”. Và chỉ dưới hình trạng “tự mình và vì mình” – nói cách khác là “tự thân và tự giác” – mà thành phần đó mới có thể góp phần tích cực nhất của mình vào lịch sử chuyển hóa xã hội trong một chiều hướng tiến bộ.*

*Dĩ nhiên, đấy chẳng phải là do người viết nghĩ ra. Nó phát xuất từ một luận đề mác xít (từ khái niệm “vật thể tự nó” – noumène – của Kant sang đến tư tưởng như là một dạng thế “tự nó vì nó” hình thành thông qua một vận động biện chứng giữa phủ định của phủ định để trở về với “chính nó” của Hegel) : Đối với một đảng cầm quyền vẫn luôn luôn tuyên bố vững chắc rằng bản thân mình là một thành trì của chủ nghĩa vừa Mác vừa Lê thì luận đề này nhất thiết phải được chiêm nghiệm trong vấn đề trí thức / thành phần xã hội nêu ra ở đây.*

Nếu bạn Nguyễn Khắc Thiêm dám tự suy nghĩ lấy mình, không để ý tới Kant hay Mác-Lênin, nếu bạn cho chúng ta cái suy tưởng của chính bạn thì may chúng ta hiểu được. Còn cho được hiểu Kant thì phải hiểu suốt 23 thế kỷ sử ký, triết lý của Âu Tây, cho được hiểu Hegel thì phải hiểu thêm thế kỷ 19, cho được hiểu Karl Marx thì không những phải hiểu Hegel mà lại còn phải hiểu thêm các nhà kinh tế học của thế kỷ 19.

Tôi nói hiểu đây không phải hiểu qua loa vì đã đọc ABC du Communisme hay một tiểu luận về Hegel - hiểu tới nguồn, hiểu đến nơi đến chốn. Cả nước ta may có 1, 2 người như ông Trần Đức Thảo mới hiểu nổi.

Khi tôi đọc tới đoạn thứ 13 thì tôi hiểu hơn, nhưng lại không đồng ý với bạn hay với nhà sử học kia mà bạn nhắc tới. Tôi đọc :

*Bí kịch, nỗi bất hạnh của trí thức Việt Nam, của nước Việt Nam là ở chỗ nước ta chỉ có những nhà trí thức (intellectuels) chứ không có giới trí thức (intelligentsia). Do đó... ở Việt Nam chỉ có bè phái, phe nhóm chứ không có trường phái.*

Tôi tra quyển “Nouveau Petit Larousse” :  
*Intelligentsia : mot russe. Classe des intellectuels.*

Nhu vậy Intelligentsia không phải là trường phái trí thức mà chỉ là bè phái, phe nhóm, giới trí thức mà thôi.

Nhưng có phải dân ta không có giới trí thức, bè phái, trường phái không ?

Tôi thừa là có cả.

Các cụ nhà nho của ta không phải là trí thức, hợp thành một nhóm trí thức, một phái, một trường trí thức sao ? Phe nhóm của họ không nhỏ. Nó gồm hết các thư sinh, các khoa bảng. Các cụ tú đơn, tú kép, các cụ cử nhơn, phó bảng, tần sĩ, v.v... Nghĩa là toàn quốc, hầu hết tất cả các người biết đọc biết viết. Họ là một trường phái, có quy củ hẳn hoi, có thuyết lý rõ rệt (đạo Khổng Mạnh), có đảng đệ, có người lĩnh đạo, cầm đầu. Người cầm đầu là vua quan. Vua ra bài thi, làm chủ khảo, và có khi chấm bài nữa.

Trường phái này là cốt túy của nhà nước. Vì có trường phái này mà dân ta mới đánh được Chiêm Thành, chiếm được phần nam bán đảo Đông Dương. Nhưng cũng vì trường phái này mà ta mất nước. Tại vì cái văn hoá Tàu mà ông cha ta không hiểu thời thế, cứ bám chặt vào văn hoá Tàu, một văn hoá cổ dã 25 thế kỷ nay, không cởi mở, không trùu tượng, không khoa học, tĩnh.

Ta trách ông cha ta, nhưng ta cũng tự hỏi : chúng ta đang sống trong năm 1992, đã đủ sức, đủ ý muốn, đủ học lực để vượt cái văn hoá cổ dã không ? Ta học chữ Tây, chữ Mỹ, chữ Nga nhưng óc ta đã cải tổ chưa ?

Tôi không dám làm tranh lồng ai nhưng cứ xét cách cư xử, việc làm, cách suy tưởng của mấy chính quyền cận đại đây, từ nam chí bắc, tôi thấy các ông dẫn đầu dân ta vẫn suy tưởng, vẫn hành động như hồi Tự Đức, Minh Mạng.

Nguyễn Huy Bảo

## Nền kinh tế tham nhũng

Sо sánh với sự sụp đổ chính trị và kinh tế ở các nước Liên Xô cũ, tình hình Việt Nam có phần ổn định và phát triển khả quan hơn<sup>1</sup>, nhưng liệu chính sách “mở rộng trên mặt trận kinh tế và ngoại giao, nhưng khép chặt trên mặt trận chính trị” có phải là con đường cho tương lai không ? Chính sách này mang tên “thuyết Đặng Tiểu Bình”, hay “kinh tế xã hội chủ nghĩa thị trường” (économie socialiste de marché), “thuyết thị trường Lênin” (léoninisme de marché) hay gì gì đi nữa, cơ bản vẫn là một chế độ độc đảng, lãnh đạo toàn bộ các mặt của xã hội, không chấp nhận đối lập và sự cạnh tranh chính trị. Trong lúc ấy thì được thừa nhận hai điểm quan trọng của kinh tế thị trường là nhiều thành phần kinh tế và sự cạnh tranh giữa nhau tiến tới luật thị trường.

Đường lối kinh tế chính trị này thực sự không mới mẻ gì. Cái mới là được Đặng Tiểu Bình áp dụng lần đầu tiên trong một nước xã hội chủ nghĩa tập trung và bao cấp. Trên thực chất, chế độ độc đảng cộng với kinh tế thị trường đã được áp dụng từ những năm 1950, đặc biệt ở các nước Châu Phi và Châu Mỹ La tinh. Nền kinh tế này mang tên “kinh tế tham nhũng” (économie de corruption), và kết quả ngày nay ở các nước ấy không lấy gì làm phấn khởi. Một đảng độc quyền, không chấp nhận đối lập và bầu cử dân chủ, trên thực tế hoàn

(xem tiếp trang 32)

# Dân chủ, hơn bao giờ hết

(tiếp theo trang 1)

Có thể bắt đầu bằng cường quốc số một của thế giới hôm nay, nước vẫn tự hào với nền dân chủ lâu đời của mình. Philip Slater, Giám đốc mỹ thuật của nhà hát Santa Cruz County Actors' viết trong tờ Tạp chí Kinh Doanh Harvard (Harvard Business Review) số tháng 9-10.1990 rằng "Điều bất ngờ lớn nhất của một phần tư thế kỷ vừa qua là sự xuống cấp của nền dân chủ ở Hoa Kỳ". Có thể nào không nghĩ tới nhận định "khác thường" ấy ngày hôm nay, khi sức công phá của cuộc bạo loạn ngấm ngầm, nhưng không kém phần dữ dội ở thành phố Los Angeles, còn chưa dứt. Không hẹn, nhưng Nguyễn Lộc, trong *Thư Cali*, viết về những ngày nóng bỏng ấy, cũng đi tới một nhận định tương tự.

Một quá trình hai trăm năm chưa hoàn thiện thì ắt hẳn những bước di ban đầu từ bóng tối của nhiều năm chuyên chính không thể dễ dàng gì. Song, than khóc, trách móc về muôn vàn khó khăn của các nước Đông Âu và Liên Xô cũ, để trì hoãn cất bước, liệu có góp phần làm nhẹ những xáo trộn của một đổi thay mà mức độ dữ dội chỉ tăng theo những tháng năm chất chồng đồn nén? Những vấn đề kinh tế-xã hội búa đang đặt ra cho người dân Đông Âu. Nhưng đó là những vấn đề thực đặt ra cho một xã hội đang tự tìm phương cách xây dựng cuộc sống của mình, không còn (và không còn cần) ai nắm tay dẫn dắt. – Nhất là khi những người tự xưng là "tiên phong" nhất để đòi nắm quyền lãnh đạo cứ lần lượt bộc lộ là những kẻ bất tài, xấu xa, thậm chí truy lạc, chỉ quen một nghề dùng bạo lực để hòng "dẫn dắt" người khác – Với các bài của Bùi Mộng Hùng, Nguyễn Quang, và đóng góp của Lý Thanh, một bạn đọc từ Ba Lan, Diễn đàn số này mở lại hồ sơ "Đông Âu", dĩ nhiên trong hướng suy nghĩ về tương lai của chính Việt Nam. (Và cũng trong mong mỏi gợi hứng cho nhiều cây bút khác!). Một suy nghĩ nghiêm túc về vấn đề phát triển vẫn là một yêu cầu rất thời sự! Xem bài viết của Nguyễn Trọng Nghĩa về quyển sách của Lê Thành Khôi.

Chẳng ai có thể nói cuộc thảo luận vừa qua ở Quốc hội Việt Nam về bản hiến pháp 1992 là mẫu mực cho những cuộc thảo luận dân chủ của một cơ quan thật sự đại diện cho người dân. Sự kiện thò lò trong việc biểu quyết điều 18 (xem bài của Nguyễn Ngọc Hiền) là một ví dụ của sự áp đặt tùy tiện, thô bạo, ý kiến của thiểu số cầm quyền trong bộ máy đảng cộng sản Việt Nam<sup>1</sup> đối với ngay cả những viên chức cần mẫn của mình (dù ý kiến đó đúng hay sai). Nhưng, phải dùng tới biện pháp áp đặt ấy, tại diễn đàn ấy, chỉ chứng tỏ thế yếu của một chính quyền đang vẫy vùng trong những mâu thuẫn chăng chít giữa những ảo giác "tư tưởng" của nó với đòi hỏi của nền kinh tế, với tình hình hoang mang trầm trọng của cán bộ, đảng viên, mà vụ "hoá giá nhà" ở thành phố Hồ Chí Minh là một "diễn hình". Xin xem bài "Tháo chạy chính trị" của Hải Vân. Và mọi phương pháp đấu tranh chính trị, "hợp pháp" hay "không hợp pháp", dẫn tới sự lui bước của bộ máy trước những đòi hỏi tự do, dân chủ rất thực tế của người dân – về kinh tế, chính trị – đều góp phần tạo nên năng động đổi thay, làm sụp đổ những bức tường kiên cố nhất. Những điều "lý thú" mà Nguyễn Ngọc Hiền tìm thấy trong kỳ họp Quốc hội vừa qua, hẳn cũng chưa chấm dứt tác động, dù cho bản hiến pháp đã được thông qua như ý đồ của những phần tử lì lợm nhất trong bộ máy!

Nhất là, khi nhìn sang hàng xóm, sự thất bại của nhà cầm quyền Thái trong cuộc đàn áp cho thấy rằng dân chủ, hơn bao giờ hết, vừa là một nhu cầu cấp bách, vừa là một khẩu hiệu đấu tranh hữu hiệu.

Diễn Đàn

## viết nam...đã qua...sắp tới...viết nam...

### Luật sư Đoàn Thanh Liêm bị kết án 12 năm tù

Theo bản tin của AFP (20.5.92) trích dẫn báo *Sài Gòn Giải Phóng* (15.5.1992), thì ngày 14.5.1992, Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã kết án ông Đoàn Thanh Liêm 12 năm tù và ông Nguyễn Trí 8 năm tù vì tội "tuyên truyền chống chủ nghĩa xã hội".

Qua những đoạn trích dịch báo *Sài Gòn Giải Phóng*, được biết ông Đoàn Thanh Liêm là một luật sư, 58 tuổi, bị bắt từ tháng 4.1990 cùng với một nhà kinh doanh Mỹ mà ông làm cố vấn, là Michael Morrow bị coi là "làm gián điệp". Ông Morrow được trả tự do sau 3 tuần thẩm tra rồi bị trục xuất. Ông Đoàn Thanh Liêm bị giam giữ hai năm và nay bị xử hai tội :

— "dùng văn phòng tư vấn cho một công ty nước ngoài làm bình phong để liên lạc với những lực lượng Việt kiều phản động, nhận và tặng trữ sách báo phản động"

— "soạn những tài liệu tuyên truyền tâm lý chiến cố ту tưởng chống phá chế độ xã hội chủ nghĩa, đòi Đảng (cộng sản) từ bỏ độc quyền chính trị, đòi Quốc hội tự giải tán, và tuyên truyền đa nguyên chính trị".

Ông Nguyễn Trí bị kết án vì tội "tuyên truyền chống chế độ xã hội chủ nghĩa". Báo *Sài Gòn Giải Phóng* không đưa thêm chi tiết nào khác về ông Trí, còn theo một vài nguồn tin Việt Nam ở nước ngoài, ông là một nhà thơ.

Mặt khác, liên tiếp trong hai ngày 5 và 6.5.1992, báo *Sài Gòn Giải Phóng* đăng loạt bài nhan đề "Đập tan cuồng vọng đen tối của các thế lực phản động ngay từ trong trứng nước", cho biết "trong thời gian sắp tới", sẽ đưa ra xử công khai "hai vụ án phản động" :

— Nhóm "Liên minh Hùng gia Đại Việt" gồm một số sĩ quan cấp úy cũ của quân đội Sài Gòn, trong đó có Trịnh Văn Thương (trung úy) và Nguyễn Thanh Văn (vượt biển năm

# việt nam...đã qua...sắp tới...việt nam...

1984) bị bắt tháng 6.1991 vì « tổ chức một số người di “ đấu tranh ” đòi giải quyết ruộng đất » và “ chuyển dần thành hình thức biểu tình (...) đòi dân sinh, dân chủ, rồi đa nguyên đa đảng ». Nhóm này cũng bị lên án rái truyền đơn và viết khẩu hiệu trên những tờ giấy bạc.

— Nhóm “ Diễn Đàn Tự do ”, trong đó có ông **Đoàn Việt Hoạt**, nguyên trợ lý Viện trưởng Viện đại học Vạn Hạnh. Nhóm này bị bắt tháng 11.1990 và bị truy tố vì “ hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân ”. Đọc kỹ bài báo thì thấy hoạt động đó chủ yếu là ra tờ báo Diễn đàn tự do, kêu gọi “ toàn dân đấu tranh cho dân chủ ở Việt Nam ”.

## Bình luận

Cách đây nửa năm, khi bác sĩ Nguyễn Đan Quế bị Toà án Thành phố Hồ Chí Minh tuyên án nặng, những nguồn tin từ Sài Gòn cho biết đây là do sự “ làm quá ” của những lực lượng bảo thủ trong Thành ủy, đi ngược với chủ trương hoà dịu của Trung ương, và vụ này sẽ được đưa ra xử lại. Sáu tháng đã trôi qua, không có gì xảy ra, lại thêm vụ án luật sư Đoàn Thanh Liêm. Nguồn tin kể trên là tin vẹt ? Hay chính quyền trung ương quá bất lực ?

Bất luận thế nào, án tù 12 năm và những tội trạng nêu ra để kết án luật sư Đoàn Thanh Liêm, nửa năm sau vụ án bác sĩ Nguyễn Đan Quế, chứng tỏ chính quyền Việt Nam tiếp tục vi phạm nghiêm trọng quyền tự do tư tưởng. Nó triệt tiêu mọi lời tuyên bố về cởi mở, về từng bước cải tổ chính trị trên cơ sở cải tổ kinh tế vân vân và vân vân.

Nhân đây, cũng cần nêu ra vài nhận xét và thông tin liên quan :

1) **Vụ Michael Morrow** : Khi bắt ông Morrow, chính quyền đưa tin Morrow là đầu mối của một màng lưới gián điệp, mà những người như luật sư Liêm hay ông Đỗ Ngọc Long (vẫn bị giam, chưa xét xử) bị tố là đồng loã. Ngày nay, hồ sơ vụ án không hề đá động gì tới việc gián điệp nữa. Tháng tư năm 1991, mấy ngày sau khi bắt nhà văn Dương Thu Hương, ông Đào Duy Tùng, uỷ viên Bộ chính trị, cũng thông báo với Uỷ ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tác giả *Những thiên đường mù đính líu vào một “ vụ gián điệp nghiêm trọng ”*. Bệnh đâu cũng có dịch, đâu cũng có gián điệp tiếp tục hoành hành ở mọi cấp. Cần nói thêm là trong thời kỳ Mỹ tiến hành chiến tranh ở Việt Nam, Michael Morrow là một nhà báo độc lập và đã sáng lập ra một hằng thông tấn nhỏ. Năm 1969, chính thông tấn này đã phanh phui vụ tàn sát Mỹ Lai (Sơn Mỹ).

2) Cùng bị bắt với Michael Morrow, Đoàn Thanh Liêm là các ông **Nguyễn Hộ, Tạ Bá Tòng** (*Câu lạc bộ những người kháng chiến cũ*), và những đảng viên cán bộ mặt trận như Hồ Hiếu, Đỗ Trung Hiếu. Tội trạng của Morrow — và có lẽ đây mới là tội thực của ông, trong con mắt của phe bảo thủ — còn là đã giới thiệu cho một phóng viên tạp chí FEER (*Tạp chí Kinh tế Viễn Đông*) đến phỏng vấn ông Tạ Bá Tòng (tháng 3.1990). Các ông Tạ Bá Tòng, Hồ Hiếu, Đỗ Trung Hiếu đã được trả tự do. Ông Nguyễn Hộ, theo tin của chúng tôi, vẫn còn bị quản thúc.

## Xuống lương tối thiểu

Theo tuần báo Vietnam Investment Review, Reuter đưa lại trong bản tin ngày 31.3, chính phủ Việt Nam sẽ hạ mức lương tối thiểu bô buộc cho các xí nghiệp nước ngoài, từ 50 đôla hiện nay xuống khoảng 30 đôla. Nhiều xí nghiệp nước ngoài yêu cầu điều này vì theo họ mức lương tối thiểu ở các nước lân cận thấp hơn 50 đô la nhiều. Thực tế, theo một điều tra của chính phủ, cho tới nay cũng chỉ có 25% trên tổng số 15.000 lao động Việt Nam làm việc cho các xí nghiệp ngoại quốc lãnh lương từ 50 đôla trở lên, 60% lãnh từ 31 tới 49 đôla còn 15 % khác được trả dưới 30 đôla. Người lao động ở các xí nghiệp Việt Nam có lương tối thiểu không quá 5 đôla/ tháng.

## Giảm cấm vận

Tiếp theo việc mở đường điện thoại trực tiếp Mỹ-Việt, chính phủ Hoa Kỳ đã giảm cấm vận đối với Việt Nam trong các mặt hàng “ nhu yếu ” như thuốc men, dụng cụ y tế, phân bón, giống cây lương thực, quần áo, đồ dùng trong nhà và trong ngành giáo dục. Một khác, các tổ chức không chính phủ được quyền thực hiện những dự án giúp đỡ Việt Nam. Những biện pháp giảm cấm vận này được đưa ra cuối tháng 4.92, tiếp theo “ những đáp ứng tích cực của phía Việt Nam trong vấn đề MIA/POW ”(AFP 30.4)

## Cưỡng bức hồi hương (tiếp theo)

Việt Nam và Anh đã ký kết ở Hà Nội ngày 12.5.1992 một thỏa thuận về việc đưa trở về nước những thuyền nhân Việt Nam không được thừa nhận là “ tị nạn chính trị ” hiện ở trong các trại tị nạn ở Hồng Kông. Theo một người phát ngôn của bộ ngoại giao Anh, chiến dịch hồi hương cưỡng bức này sẽ bắt đầu trong vài tuần tới. Ngày 14.5, 6.000 thuyền nhân Việt Nam ở Hồng Kông đã biểu tình và ngày 18.5, 50 người đã bắt đầu một cuộc tuyệt thực phản đối thỏa thuận nói trên. Trên tổng số khoảng 56.000 người trong các trại này, mới có 3.600 người được công nhận là “ tị nạn chính trị ”, 20.000 người khác đã bị bác đơn xin tị nạn. Còn khoảng hơn 30.000 hồ sơ sẽ được chính quyền địa phương xem xét trong 18 tháng tới. (AFP 13, 14.5, Reuter 18.5)

## Lý Quang Diệu và “ con rồng ” Việt Nam

Phát biểu với phóng viên Reuter tại thành phố Hồ Chí Minh, nguyên thủ tướng Singapore Lý Quang Diệu tỏ ý tin rằng Việt Nam có thể trở thành một con rồng châu Á, cho dù vẫn giữ thể chế cộng sản. Nhưng theo ông, Malaixia và Thái Lan sẽ thực hiện được điều đó trước, còn Việt Nam phải ít nhất là mười năm nữa. Ông cũng cho rằng mô hình Đài Loan — chuyển từ một nền kinh tế nông nghiệp sang cơ khí nhỏ rồi công nghiệp hoá — thích hợp với Việt Nam hơn là mô hình Singapore, chủ yếu phát triển nhờ dịch vụ.

Trong chuyến đi thăm và làm việc tại Việt Nam cuối tháng 4 vừa qua, ông Lý Quang Diệu đã gặp tổng bí thư Đỗ Mười, thủ tướng Võ Văn Kiệt và các ông Phạm Văn Đồng và Nguyễn Văn Linh, cố vấn của ban chấp hành trung ương đảng cộng sản Việt Nam. (Tuổi Trẻ 28.4)

# việt nam...đã qua...sắp tới...việt nam...

## Đà Nẵng tiếp du lịch đường biển

Trong tháng 4 vừa qua, khách sạn nổi Europa (của hãng Hapag-Lloyd) chở 550 du khách châu Âu (và một đoàn thủy thủ gần 400 người) đã cập bến cảng Tiên Sa - Đà Nẵng. Đây là chuyến tàu du lịch thứ năm vào cảng Tiên Sa từ đầu năm đến nay, đưa số khách du lịch đến Đà Nẵng bằng đường biển lên trên 2.000 người.

Trong những tháng tới, hãng Hapag-Lloyd đã ký hợp đồng đưa 3 chuyến tàu khác đến cảng Tiên Sa, từ đó khách du lịch đi thăm viếng Hà Nội và Sài Gòn trước khi trở lại Đà Nẵng để xuống tàu. Cho tới nay, mỗi năm Đà Nẵng tiếp khoảng 30.000 du khách ngoại quốc, chủ yếu bằng đường bộ và đường bay nội địa. (Thời báo Kinh tế Sài Gòn 7.5)

## Peugeot trở lại Việt Nam

Hãng Peugeot đang chuẩn bị một nhà máy lắp ráp xe hơi tại Việt Nam. Ông Marc Seguin, giám đốc Peugeot Việt Nam hy vọng đề án sẽ thành hình trong năm 1992 và cho biết nhà máy sẽ sản xuất kiểu xe Peugeot 405 và các xe vận tải nhẹ, với dự kiến sản lượng 2.000 xe/năm trong những năm đầu.

Hiện nay, Peugeot chiếm 1/5 thị trường xe hơi Việt Nam và chỉ mới xây dựng những cơ sở sửa chữa và nhập phụ tùng xe. (TBKTSG 30.4)

## Mekong Star

Mekong Star là nhãn hiệu xe ôtô CKD2 do hai công ty Saf Young International (Nam Triều Tiên) và Saeil Machinery (Nhật Bản), liên doanh với những nhà máy của bộ công nghiệp Việt Nam, đã bắt đầu lắp ráp từ tháng 5.92 tại thành phố HCM. Ngoài nhà máy này, liên doanh Mekong Corporation (vốn đầu tư 10 triệu đôla) đang thiết lập một cơ sở sản xuất thứ hai tại Hà Nội.

Cũng tại Hà Nội, tập đoàn Daewo cũng vừa bắt tay xây dựng một nhà máy lắp ráp xe, liên doanh với một xí nghiệp của bộ quốc phòng (vốn đầu tư 6 triệu đôla). Nhà máy này sẽ bắt đầu sản xuất từ đầu năm 93, với công suất 400 xe buýt, xe tải mỗi năm (sau đó sẽ tiến tới lắp ráp xe du lịch).

Ngoài ra, công ty Đài Loan Ching Feng Investment vừa được giấy phép thành lập một xí nghiệp lắp ráp và sản xuất xe gắn máy (vốn đầu tư 55 triệu đôla) với hai phân xưởng tại Hà Nội và Đồng Nai. Công suất dự kiến 250.000 xe/năm, và từ năm thứ 5 trở đi sẽ sản xuất tại chỗ một số lượng phụ tùng bằng 25% giá trị xe thành phẩm. (Sài Gòn giải phóng 4.5, Tuổi Trẻ 5.5)

## Malaixia - Việt Nam

Thủ tướng Mahathir Mohamad dẫn đầu một đoàn đại biểu chính phủ Malaixia gồm bốn bộ trưởng (ngoại giao, năng lượng-bưu điện-viện thông, nông nghiệp, thương mại và công nghiệp), năm thống đốc địa phương, đã đến thăm Việt Nam một tuần lễ từ ngày 19 đến 24.4. Cùng đi với đoàn, còn có khoảng 100 nhà kinh doanh Malaixia, và một đoàn 36 nghệ sĩ múa. Malaixia là nước ủng hộ Việt Nam nhiệt thành nhất trong các nước ASEAN và là bạn hàng trao đổi khoảng 100

triệu đôla/năm với Việt Nam. Trong chuyến đi, công ty Renong Bhd. Co, một công ty lớn bậc nhất Malaixia, đã ký một hợp đồng thiết kế công nghiệp trị giá 65 triệu đôla với thành phố HCM và mở một văn phòng đại diện ở Hà Nội.

## Trung Quốc - Việt Nam

Bộ ngoại giao Việt Nam đã ra tuyên bố ngày thứ hai 18.5.1992 để phản đối việc Công ty Quốc doanh Dầu ngoài khơi Trung Quốc đã ký kết với công ty Mỹ Crestone Energy Corp. một hợp đồng tìm kiếm dầu trên vùng Tu Chính, cách Vũng Tàu 280 dặm và cách quần đảo Trường Sa 140 dặm về phía nam, nằm trên thềm lục địa Việt Nam. Bản tuyên bố cho rằng hợp đồng vi phạm chủ quyền của Việt Nam và đe doạ sự ổn định trong vùng. Bản tuyên bố cũng nhắc lại rằng trong cuộc gặp của hai tổng bí thư Đỗ Mười và Giang Trạch Dân tháng 11.1991, hai bên đã thoả thuận sẽ giải quyết các tranh chấp lãnh thổ bằng thương lượng và trong khi chờ đợi sẽ không làm gì để tình hình thêm phức tạp. Tuy nhiên, ngày 20.5, Trung Quốc lại phản bác tuyên bố đó và xác nhận chủ quyền của họ trên hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa. Trong thời gian đó, ông Nguyễn Văn Linh, cựu tổng bí thư đảng cộng sản Việt Nam và cố vấn của ban chấp hành trung ương đảng đã đi thăm Trung Quốc trong một chuyến đi dài 17 ngày, kết thúc ngày 19.5. Trong chuyến đi này, ông đã gặp Giang Trạch Dân cũng như thủ tướng Lý Bằng.

## Chợ chiều

Theo một bài báo Nhân Dân ngày 13.5, những năm gần đây số người mới vào đảng cộng sản Việt Nam xuống kinh khủng, số thanh niên muốn vào đảng càng ít hơn nữa. Từ 1980 đến 1991, ở Thái Bình số đảng viên bị trục xuất ra khỏi đảng nhiều gấp 4,5 lần số đảng viên mới vào. Tuổi trung bình của đảng viên ở tỉnh này là 47 tuổi, 10,2% trên 60 tuổi và 32,7% đảng viên đã về hưu. Trong số thanh niên công nhân ở tỉnh, chỉ có 15% tỏ ý muốn vào đảng. Những con số điển hình nói trên được đưa ra trong một hội nghị về tình hình các đảng bộ ở đồng bằng Bắc bộ, do ban tổ chức trung ương chủ trì.

Trước đó, báo Nhân Dân đã có lần đưa số đoàn viên cộng sản từ 4,7 triệu cách đây năm năm đã xuống chỉ còn 2 triệu hiện nay. (AFP 13.5)

## Tin ngắn

► Sau khi 4 nhà băng Pháp và 2 nhà băng nước ngoài khác đã được phép hoạt động ở Việt Nam, tới lượt bốn ngân hàng Nhật Fuji Bank, Mitsui Taiyo Kobe and Kobe Bank, Tokai Bank, và Bank of Tokyo đã xin mở văn phòng đại diện ở Việt Nam. (MOCI, 20.4.1992)

► Từ tháng 5, một đường bay mới đã nối liền thành phố HCM với tỉnh Quảng Châu (Trung Quốc), hoạt động mỗi tuần hai chuyến (thứ năm và thứ bảy).

► Đường bay trực tiếp Paris - Hà Nội của hãng Air France đã chính thức khai mạc ngày thứ bảy 2.5. Đây là đường bay thường xuyên đầu tiên từ một thủ đô Tây Âu tới

# ...đã qua...sắp tới...

Hà Nội. Việt Nam đang thương lượng với hãng máy bay Mỹ Delta Airlines để mở đường bay giữa hai nước.

— Việt Nam sẽ thiết lập quan hệ ngoại giao với Vương quốc Hồi giáo Oman và với Nhà nước các Thủ lĩnh Arập Thống nhất (Etat des Emirats Arabes Unis – EAU – ). Quyết định này đã được công bố trong chuyến đi thăm Koweit, Oman và EAU của thứ trưởng ngoại giao Nguyễn Dy Niên cuối tháng 4.92.

— Cầu chữ Y, xuống cấp nặng nề sau 70 năm hoạt động, hiện đang được công ty Pháp Freyssinet phục chế theo một phương pháp hiện đại “*dopage à la précontrainte additionnelle*” cho phép vẫn mở cầu cho giao thông trong khi làm việc. Công trình trị giá 12,8 triệu FF này hoàn toàn do phía Việt Nam trả tiền.

— Ngân hàng Việt Nam đã đưa ra lưu thông giấy bạc 10.000 đồng từ ngày 5.5.1992. Theo ông Đỗ Quế Lương, Phó Thống đốc ngân hàng, đây chỉ là một biện pháp kỹ thuật nhằm giải quyết khó khăn của những doanh vụ lớn bằng tiền mặt mà phải dùng các giấy bạc có giá trị thấp. Theo ông Lương, giá cả sẽ không bị ảnh hưởng của việc lưu thông giấy bạc mới này, vì khối lượng tiền tệ trong xã hội không thay đổi.

— Nam Triều Tiên và Việt Nam đã thoả thuận mở văn phòng liên lạc ở hai thủ đô, coi như một bước chuẩn bị cho việc thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức giữa hai nước.

— Hoàng tử Norodom Chakrapong, con trai hoàng thân Sihanouk, phó thủ tướng Campuchia, đã đến thăm chính thức Việt Nam trong 5 ngày, từ 11 đến 16.5.

— Công ty Canada Liquigaz/SNC Lavalin đã ký một hợp đồng trị giá 256 triệu đôla để thu hứng khí tự nhiên toát ra trong việc khai thác các mỏ dầu ở ngoài khơi biển Vũng Tàu.

## 100 NGHỆ VIỆT NAM VỀ NGƯỜI

— Báo Văn Nghệ đã công bố kết quả cuộc thi truyện ngắn. Khoảng 10 tác giả được giải thưởng. Truyện ngắn *Vũ điệu của cái bô* của Nguyễn Quang Thân (đăng trên Diễn đàn số 5) được tặng một giải nhì. Chúng tôi sẽ lần lượt giới thiệu một số tác phẩm xuất sắc được giải.

— Sau khi được tin Phùng Gia Lộc, tác giả bài bút ký *Cái đêm hôm ấy... đêm gì?*, từ trần (xem số trước), anh chị em ban biên tập, quản lý và kỹ thuật báo *Diễn Đàn* đã đóng góp 2 000 FF gửi về giúp gia đình nhà văn quá cố.

— Nhà văn Dương Thu Hương vừa được tặng giải thưởng Hellman-Hammett 1992 (trị giá 10 000 US\$). Giải này hàng năm được trao tặng cho khoảng 20 nhà văn nạn nhân của sự đàn áp chính trị hoặc chủng tộc. Hellman là một nữ văn sĩ tiến bộ, tác giả nhiều vở kịch nổi tiếng. Bạn của bà, nhà văn Hammett, tác giả tiểu thuyết trinh thám, đã từng là nạn nhân của chủ nghĩa MacCarthy. *Tiểu thuyết vô đề* của Dương Thu Hương cũng vừa được xuất bản bằng tiếng Pháp (*Roman sans titre*, Ed. Des Femmes, bản dịch Phan Huy Đường)

# Hóa giá nhà

hóa ra

## “Tháo chạy chính trị”?

Cuộc chạy đua ở các cấp chính quyền để bán nhà, bán đất nhà nước — một hiện tượng tăng tốc từ một năm nay ở Việt nam — đang gây công phẫn trong người dân, đặc biệt trong dư luận cán bộ đảng viên cộng sản sinh sống lương thiện. Vấn đề được nêu ra ở kỳ họp Quốc hội tháng 12.1991, buộc thủ tướng Võ Văn Kiệt, ngày 9.3 vừa qua, phải đưa ra một số biện pháp cấp bách để “*ngăn chặn việc mua bán đất trái luật pháp*” và tuyên bố “*không công nhận giá trị pháp lý của quyết định Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc bán hóa giá nhà cấp 1, 2 và biệt thự*” là loại nhà ở có giá trị trao đổi cao.

Thật ra, trong điều kiện quỹ nhà ở do nhà nước quản lý xuống cấp nhanh chóng, tổn thất về tài sản ngày càng trầm trọng, chủ trương tư hữu hóa là một giải pháp hợp lý nếu Nhà nước dành toàn bộ vốn thu được vào những chương trình xây cất nhà cho người hiện nay không có. Mặt khác, bán hóa giá nhà (với giá thấp hơn giá thị trường) cho người đang sử dụng (chủ yếu là cán bộ viên chức nhà nước) cũng là điều chính đáng. Đặc biệt, đối với những người đã hy sinh một phần đời mình cho đất nước được độc lập, đó không chỉ là hành động tình nghĩa : nó còn tạo nên yếu tố ổn định tâm lý cần thiết trước một viễn cảnh chính trị bấp bênh.

Song, với một chính quyền chuyên chính mà bản thân lại mất kỷ cương, như ở ta hiện nay, mọi chính sách dù chính đáng và hợp lý đến đâu đi nữa đều có thể biến dạng, đưa tới kết quả ngược lại với mục tiêu đề ra. Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã từng nói lên lo ngại này, và trong lãnh vực nhà đất nó đã là thực tế.

Nghiêm trọng nhất là những gì xảy ra ở Thành phố Hồ Chí Minh, khi lãnh đạo thành phố đã cố tình ém đi trong nhiều ngày lệnh của chính phủ đình chỉ việc hóa giá nhà. Trong những ngày đó, Sở nhà đất thành phố đã bán hóa giá, một cách trái phép, gần một ngàn ngôi nhà mà hơn một phần tư là biệt thự ! Trong dư luận cán bộ đảng viên, nhiều người đã cho rằng hành động chiếm đoạt của công trong sáu ngày đêm đó — từ 13 đến 19.9 — bởi bộ phận có quyền thế ở thành phố là biểu hiện của một cuộc “tháo chạy chính trị” trước viễn cảnh mất chính quyền. Sau khi có quyết định sửa sai của chính phủ, người duy nhất đến nay bị mất chức là giám đốc Sở nhà đất, tức là cấp thừa hành. Dư luận vẫn chờ bước xử lý tiếp theo đó đối với cấp lãnh đạo, tức là thường vụ thành ủy Đảng cộng sản.

Điều đáng chú ý là dấu hiệu “tháo chạy chính trị” đầu tiên đó đến từ Thành phố Hồ Chí Minh, từ một chính quyền địa phương có những thái độ chính trị lén gian và cực đoan hơn chính quyền trung ương. Vừa qua, đảng bộ thành phố đã nổi bật với một kiến nghị đưa nguyên tắc chuyên chính vô sản

vào trở lại bản dự thảo hiến pháp mới ! Song người ta không thể không tự hỏi : thái độ chính trị đao to búa lớn thường nghe thấy ở Thành phố Hồ Chí Minh có tác dụng gì, hay chỉ nhảm mà mắt, che lấp thực tiễn không mấy gì cách mạng trong nhiều lãnh vực mà nhà đất là điển hình.

## Hải Vân

### Những việc làm sai trái

Bản báo cáo của chính phủ trình bày ở kỳ họp quốc hội tháng 3 vừa qua nêu rõ những việc làm sai trái của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khi tiến hành hóa giá nhà cấp 1, 2 và biệt thự :

– Ủy ban nhân dân thành phố đã vượt quá thẩm quyền khi tự quyết định bán hóa giá nhà cấp 1, 2 và biệt thự ; quyết định này vi phạm pháp lệnh về nhà ở, theo đó Hội đồng bộ trưởng là cơ quan thực hiện quản lý nhà nước về nhà ở trong phạm vi cả nước. Đến nay Hội đồng bộ trưởng chỉ có chủ trương bán hóa giá nhà cấp 3 và 4 (thực hiện từ năm 1986) và chưa có quyết định đổi với nhà cấp 1, 2 và biệt thự. Loại nhà này chỉ giao cho cán bộ, công nhân viên ở, chưa phải là được cấp theo tiêu chuẩn : bán hóa giá do đó sẽ gây bất công lớn.

– Ủy ban nhân dân thành phố, sau một thời gian thí điểm, đã ra quyết định, ngày 30.7.1991, bán đại trà nhà cấp 1, 2 và biệt thự. Phải đợi đến giữa tháng 9, thủ tướng Võ Văn Kiệt mới ra lệnh đình chỉ quyết định này. Tính từ khi có chủ trương thí điểm (tháng 1 1991) đến ngày 13. 9, ngày Ủy ban nhận được lệnh của chính phủ, thì Sở nhà đất thành phố đã bán hóa giá 465 nhà trong đó có 115 biệt thự.

– Ủy ban nhân dân thành phố đã đợi bốn ngày (17.9) trước khi thông báo lệnh đình chỉ của chính phủ, và mãi đến hai ngày sau (19.9) các cấp thi hành mới nhận được lệnh đó. Chỉ trong sáu ngày, Sở nhà đất đã hóa giá 991 nhà ở, trong đó có 265 biệt thự, tức hai lần số nhà đã hóa giá trước khi có lệnh đình chỉ.

– Ủy ban nhân dân thành phố đã để xảy ra tham nhũng, tiêu cực tràn lan trong việc bán hóa giá nhà : kể cả sửa sổ liệu gốc, sửa ngày tháng, sửa giá, định giá bán thấp hơn hai, ba lần giá trị thật sự, có khi thấp hơn đến mươi lần. Đó là trường hợp của một biệt thự 130m<sup>2</sup> bán cho một cán bộ lão thành với giá 94 triệu đồng (khoảng 10.400 đôla) : nhà này được bán lại mười ngày sau đó với giá 120 triệu đồng, và bán đi một lần thứ ba, ba tháng sau, với giá 1,43 tỷ đồng (khoảng 130.000 đôla)

– Ủy ban nhân dân thành phố đã không nộp tổng số tiền bán nhà thu được vào ngân sách nhà nước, và đã dùng tiền đó vào những mục đích không liên quan đến chương trình phát triển nhà ở.

Hội đồng bộ trưởng, ngày 9.3.1992, đã ra quyết định hủy bỏ quyết định bán hóa giá nhà cấp 1, 2 và biệt thự của Ủy ban nhân dân thành phố, thu hồi toàn bộ số nhà đã bán, hoàn lại số tiền cho người mua, và tiếp tục kiểm tra những việc làm tiêu cực để xử lý.

### Sóc Trăng bán cả trụ sở cơ quan

Ngoài Thành phố Hồ Chí Minh, thị xã Sóc Trăng cũng là một địa phương đã tiến hành bán hóa giá nhà một cách sai trái. Vụ việc chỉ được tỉnh Hậu Giang đưa ra ánh sáng khi Sóc Trăng tách ra thành tỉnh riêng. Theo báo cáo của đoàn thanh tra, thị xã Sóc Trăng đã hóa giá 116 căn nhà trong đó có 45 trụ sở cơ quan, và số nhà bán sai chủ trương lên đến 63 trường hợp.

Có trường hợp trụ sở của một đảng ủy phường bán cho chính bí thư phường đó (trong khi ông này đã có nhà) với khoản chênh lệch 40 lượng vàng giữa giá mua và giá trị thực sự. Một số trường hợp khác, dựa vào thân thế, được "miễn giảm" đến hơn 90% giá bán.

Ngày 3.4.1992, Ủy ban nhân dân Hậu Giang đã ra quyết định không công nhận việc bán hóa giá nhà của thị xã Sóc Trăng. Tuy nhiên đã nhiều lần trong quá khứ, lãnh đạo thị xã có thái độ không tuân thủ quyết định của cấp trên.

### Giá nhà đất ở Hà Nội và Sài Gòn

Trên thị trường mua bán nhà hiện nay, giá cả chênh lệch chủ yếu tùy theo vị trí và khả năng sử dụng nhà vào mục đích kinh doanh. Tại Hà Nội, giá trung bình 1m<sup>2</sup> nhà mặt tiền ở Hàng Ngang, Hàng Đào khoảng 1,2 lượng vàng ; ở các khu buôn bán khác trong nội thành giá từ 0,5 đến 1 lượng vàng/1m<sup>2</sup>. Các biệt thự xây thời Pháp thuộc ở nội thành giá từ 4 đến 6 chỉ vàng/m<sup>2</sup>. Giá nhà cấp 4 (thực chất là giá mua đất, giá nhà không đáng kể) ở nội thành, trung bình 1,5 chỉ/m<sup>2</sup> ; ở ven nội là 0,5 chỉ/m<sup>2</sup>.

Tại thành phố Hồ Chí Minh, giá trung bình nhà biệt thự ở các quận 1 và 3 là 7 đến 8 chỉ vàng /m<sup>2</sup>. Các cửa hàng ở khu buôn bán sầm uất có giá trị 1,5 lượng vàng/m<sup>2</sup>.

Nhiều người cho rằng năm 1992 giá nhà ở Hà Nội và Sài Gòn sẽ còn tăng do chính sách mở cửa của Nhà nước. Song theo Thời báo kinh tế Sài Gòn (12.3.92), cần tính đến một số dự báo như sau :

– năm 1992, sẽ có 83.000 người Việt Nam đi định cư ở nước ngoài, lượng nhà cần bán tương đối nhiều, nhất là ở Thành phố Hồ Chí Minh.

– có thể lượng người nước ngoài vào Việt Nam làm ăn lâu dài sẽ tăng gấp đôi so với năm 1991, nhưng họ vẫn chưa được phép mua đất, mua nhà mà chỉ được thuê để ở và làm việc.

– chỉ số giá cả thị trường năm 1992 có thể giảm đi từ 20 đến 30% so với năm 1991, sẽ tác động đến giá nhà bởi vì lạm phát giảm thường làm giảm nhu cầu mua và đầu cơ nhà đất.

– nhà nước sẽ có chính sách mới về nhà đất và có thể sẽ bán một khối lượng nhà gấp hai, ba lần so với năm 1990, chủ yếu là nhà cấp 3, 4 và khu chung cư mới xây.



Chính Trị

# Quốc hội và Hiến Pháp 1992

Nguyễn Ngọc Hiền \*

Tôi theo dõi một cách thích thú những buổi thảo luận tại Quốc hội về dự thảo hiến pháp 1992. Tôi thấy đó là đặc điểm của khoá họp lần này, một bước tiến của chính Quốc hội. Ít ra cũng đã có những cuộc thảo luận. Ít ra cũng đã có những ý kiến khác với ý kiến của những tác giả thảo ra hiến pháp. Một chút nước mặn cũng là biển. Một chút tiến bộ cũng là tiến bộ : tôi muốn làm một người quan sát dứt khoát từ bỏ thái độ bi quan.

Vậy thì những vấn đề gì đã đưa đến thảo luận hăng hái nhất trong kỳ họp bàn hiến pháp vừa qua ?

**1** Trước hết là một chuyện bất ngờ : dự thảo 3<sup>(1)</sup> định đưa ra Quốc hội biểu quyết bị rút lui, nhường chỗ cho dự thảo 4. Bốn dự thảo ! Ai muốn tưởng tượng không khí đấu tranh nội bộ chắc là có cơ sở để tưởng tượng. Huống hồ dự thảo 4 có điều gì về “đi tới” so với dự thảo 3, nhưng lại có nhiều điểm “đi lui” một cách đáng tiếc, rất đáng tiếc.

Đi tới : giải pháp Hội đồng Nhà nước bị chỉ trích ở trong nước và rõ cuộc bị dẹp bỏ. Báo chí nhận xét một cách đắc thắng : Đảng đã vạch ra dự án, ai cũng tưởng là đã “đóng đinh rồi. Thế mà không phải vậy”<sup>2</sup>. Một Chủ tịch nước và một Ủy ban thường vụ Quốc hội được đề nghị thành lập để thay thế cho Hội đồng Nhà nước. Thế nhưng vấn đề được nêu ra là : đây là một thay đổi có thực chất, hay chỉ là chuyện thay tên trong giấy khai sinh ? Nếu Ủy ban thường vụ được trao cho nhiều quyền quá, thì phải chăng Ủy ban đó sẽ biến thành “Hội đồng Nhà nước thứ hai”<sup>3</sup>.

Đại biểu Lý Chánh Trung (Thành phố HCM), đại biểu Phạm Văn Lợi (Tây Ninh) lưu ý Quốc hội không nên dựng lại Hội đồng Nhà nước dưới một hình thức khác, lại càng không nên biến Ủy ban thường vụ thành một “Quốc hội mini”<sup>3</sup>. Ở thời đại tin học này, không chừng Quốc hội cũng có haiphàn như một bộ máy vi tính, phần cứng và phần mềm, hard và soft, Quốc hội cứng và Quốc hội xốp. Đi sâu hơn vào pháp lý, đại biểu Trương Nghiệp Vũ (Bình Thuận) bác bỏ quyền ra pháp lệnh của Ủy ban thường vụ, chỉ công nhận quyền ra sắc lệnh của Chủ tịch nước. Phân biệt như vậy là đúng quá ; cho nên một số đại biểu đã “rất băn khoăn về quyền ra pháp lệnh của Ủy ban thường vụ... vì Quốc hội sẽ tiến tới chuyên trách và làm việc thường xuyên, việc duy trì một cơ quan thường trực như vậy dễ sinh lạm quyền”<sup>5</sup>. Phóng viên của báo Phụ Nữ TPHCM tường thuật : “Hầu như các ý kiến đều tập trung phân tích sự biến tướng của tổ chức Hội đồng Nhà nước thành Ủy ban thường vụ Quốc hội (quyền hạn, nhiệm vụ giống như Hội đồng Nhà nước trước đây), là một cấp quyền lực bên trên Quốc hội. Nếu không sửa đổi về chi tiết, Chủ tịch nước, và đặc biệt là Chủ tịch Quốc hội chỉ là hình thức. Như vậy, chưa có một tiến bộ nào về thể chế Nhà nước”<sup>6</sup>. Đó là lý do khiến

\*(Luật gia, Montréal)

các đại biểu Tô Đình Cơ (Bình Định), Ca Lê Thuần, Lý Chánh Trung (TPHCM) đã tích cực đề cao vai trò của Chủ tịch Quốc hội do Quốc hội bầu ra, giới hạn quyền lực của Ủy ban thường vụ Quốc hội mà có đại biểu đề nghị hãy gọi thẳng thừng là Ủy ban thường trực<sup>7</sup>, chẳng việc gì mà phải vụ.

Rốt cuộc, khi biểu quyết, các đại biểu này không thắng nổi, nhưng đó là chuyện khác. Chuyện đáng nói là các ông đã bênh vực quan điểm của mình một cách thắng thắn, đã có những lời lẽ rắn chắc để đe chừng chuyện đe sinh đỏi, chuyện thay tên đổi họ giữa Hội đồng Nhà nước với Ủy ban thường vụ, chuyện thịt lợn với thịt heo.

**2** Vấn đề quan trọng thứ hai là sự tranh chấp giữa nguyên tắc “tập trung dân chủ” với nguyên tắc “thủ trưởng”. Nói một cách nôm na, tập trung dân chủ ở đây được hiểu theo nghĩa là làm việc tập thể, quyết định gì cũng phải biểu quyết theo đa số. Theo nghĩa đó, ông Thủ tướng cũng chỉ là người có chức mà thôi, không có quyền lực lớn nhất, lớn hơn hội đồng các ông bộ trưởng. Cứ như thông thường mà mọi người đều thấy, thì ai có quyền tất phải gánh trách nhiệm. Và ngược lại ai gánh trách nhiệm thì phải có quyền. Quyền và trách nhiệm luôn luôn đi đôi với nhau và cắt nghĩa cho nhau. Nhờ vậy mà làm việc mới có hiệu quả, bởi kẻ có quyền tất nhiên ý thức được trách nhiệm của mình, biết rằng mình làm bậy thì chính mình, chứ không có ai khác, phải chịu hậu quả. Còn như quyền mà không được định rõ, ai cũng có quyền như ai, thì trách nhiệm cũng loãng ra như đường tan trong nước, hễ làm bậy là phải tay tập thể : “Chúng ta, nói như báo Thanh Niên, đã trả giá đắt cho kiểu làm chủ ‘cha chung không ai khóc’”<sup>8</sup>. Cho nên đại biểu Huỳnh Văn Bính (Đồng Nai) chỉ trích tính cách “né tránh sự thật” của dự thảo Hiến Pháp. Ông nói : “Chúng ta đã quá mất thời gian cho việc họp bàn vì cơ chế tập thể”<sup>9</sup>. Đại biểu Nguyễn Đông Kinh (Khánh Hoà) tiếp theo : “diều hành bộ máy nhà nước cần phải nhanh chóng, dứt khoát vì công việc diễn biến từng giờ, mà lại phải chờ họp bàn vì cơ chế tập thể nên không có hiệu quả, lại mất thì giờ. Cái gì cũng phải bàn, ‘chờ bàn’”<sup>10</sup>. Ông nói thêm một câu chí lý : “sự lãnh đạo của Đảng, hoạt động của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, theo nguyên tắc tập trung dân chủ thì còn được, còn sự điều hành của chính phủ thì dứt khoát phải theo cơ chế thủ trưởng”<sup>11</sup>. Ông nói đúng : Đảng với Nhà nước, hai bên không giống nhau về bản chất, về tổ chức, về sinh hoạt, về kỷ luật, về cách điều hành, làm sao đem nguyên tắc bên này sang áp dụng cho bên kia được !

Áp dụng tại Việt Nam, nguyên tắc tập trung dân chủ, theo lời ông Huỳnh Văn Bính, đưa đến “tình trạng một địa phương có quá nhiều “chủ tịch”, ai cũng lớn cả nên không ai nghe ai, không điều hành được bộ máy nhà nước”<sup>12</sup>. Đại biểu Nguyễn Đức Hanh (Thái Bình) tiếp lời : “Chúng ta đã phải

trả giá cho cơ chế làm chủ tập thể và cấp dưới không nghe cấp trên, còn cấp trên thì không cách chức được cấp dưới ”<sup>13</sup>. Trong bao nhiêu năm nguyên tắc đó đã được áp dụng ở trung ương, trong Hội đồng bộ trưởng và trong mối tương quan giữa trung ương với địa phương, giữa Hội đồng bộ trưởng với Ủy ban nhân dân các cấp. Gần đây, ai cũng thấy cần phải trao quyền lại cho thủ tướng để vị này có quyền quyết định ở cấp chính phủ, và có quyền bổ nhiệm những người cầm đầu ở các cấp địa phương theo hệ thống dọc, có trên có dưới, tránh tình trạng sứ quân, lãnh chúa ở mỗi tỉnh, mỗi huyện. Dự án 3 đưa ra lần trước đã đổi tên Ủy ban nhân dân ra Ủy ban hành chánh chính là để đặt các ông chúa địa phương trong hệ thống hành chánh trên dưới, trên bổ nhiệm dưới, dưới chịu trách nhiệm với trên. Để sự việc rõ ràng hơn nữa, có đại biểu đưa ra ý kiến dùng lại danh xưng tỉnh trưởng, huyện trưởng, quận trưởng, xã trưởng thay vì chủ tịch này, chủ tịch nọ<sup>14</sup>. Xu thế đó là xu thế đang lên, đang thắng, và đã thắng ở dự án 3. Có sao hiến pháp lần này lại đi thụt lùi, tái lập lại cái tên Ủy ban nhân dân, trở về với cái “ cơ chế chậm chạp, trì trệ ” mà các đại biểu Lê Tài (Quảng Bình), Nguyễn Hồng Phúc (Kiên Giang), Nguyễn Đông Chinh (Khánh Hòa), Nguyễn Đức Hợp (Thái Bình), Lý Chánh Trung (TPHCM) đã lần lượt chỉ trích<sup>15</sup>? Trong hiến pháp lần này, thủ tướng không có quyền bổ nhiệm các ông chủ tịch Ủy ban nhân dân, tỉnh và thành phố. Đại biểu Nguyễn Đông Chinh đã hết lời năn nỉ, thậm chí ông cho rằng “ nếu thủ tướng được quyền bổ nhiệm chủ tịch, phó chủ tịch tỉnh, thành phố thì đây là cuộc ‘cách mạng’ thay đổi cơ cấu tổ chức bộ máy Nhà nước ”<sup>16</sup>. Chỉ có thế ! Mà không được ! Báo Lao Động đã viết một bài rất nỉ non về bước đi lui này. Việc cải tổ bộ máy hành chánh, theo bài báo, “ là nguyện vọng thiết tha của toàn dân vì chúng ta đã phải chịu quá nhiều phiền toái trong cơ chế quan liêu bao cấp. Bao cấp thì chúng ta đã xoá bỏ về cơ bản để tiếp cận cơ chế thị trường. Nhưng quan liêu thì vẫn còn đất tồn tại vì hệ thống tổ chức hành chánh và chúng ta chưa có sự sửa đổi cơ bản... ”. Dự thảo 3 đã đưa ra những cải cách quan trọng về tổ chức bộ máy hành chánh ở địa phương trong khi, theo tờ trình của chủ tịch ủy ban sửa đổi hiến pháp, thì dự thảo 4 lại hầu như trở về với cơ chế hiện hành. Nghĩa là vẫn với Hội đồng nhân dân bầu ra Ủy ban nhân dân, là Ủy ban nhân dân là cơ quan hành chính “ Nhà nước địa phương ” và “ quyết định của Ủy ban nhân dân phải được thảo luận tập thể và quyết định theo đa số ”. Chúng tôi thấy có sự khác nhau cơ bản về phần này giữa Dự thảo 3 và Dự thảo 4. Dự thảo 3 là một bước tiến trong việc cải cách bộ máy nhà nước theo hướng xây dựng một nhà nước pháp quyền thống nhất từ trung ương đến tận cơ sở, theo đó thủ trưởng cơ quan hành chánh cấp trên có đủ quyền hạn cần thiết để điều khiển cơ quan hành chính cấp dưới. Còn theo Dự thảo 4 thì tổ chức chính quyền địa phương cơ bản sẽ vẫn như hiện nay ”.

Tác giả bài báo đưa thêm một luận cứ xác đáng : thị trường thì thống nhất mà nhà nước thì chia năm xẻ bảy, chống chơi làm sao nổi ! Và kết luận : “ Chúng ta đã bỏ vua từ lâu, nhưng lè làng thì lại còn quá nhiều, nhiều đến nỗi người dân khi phải giải quyết các công việc hành chính thường phải biết cách chiều lụy “ ông làng ” cho được việc. Quá nhiều cấp địa phương đều có quyền “ đại biểu ” cho nhân dân nên nhân dân cũng gặp quá nhiều phiền hà khi “ đại biểu ” cấp này khác ý “ đại biểu ” cấp kia. Ai cũng có quyền làm chủ, ai cũng dân

chủ, rốt cuộc chẳng có ai làm chủ, và người dân cũng khổ sở vì mình có quá nhiều “ đầy tớ đời mới ”<sup>17</sup>.

Bước đi lui của hiến pháp 1992 đã đưa đến một khái niệm lầm lạc : Khái niệm “ Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực của Nhà nước ở địa phương ” (điều 119). Dự thảo 3 không nói như vậy, mà nói đúng hơn “ Hội đồng nhân dân là cơ quan đại biểu của nhân dân ở địa phương ”. Quyền của Quốc hội là do từ dân, bắt nguồn từ dân, không từ một Nhà nước nào cả. Quyền của Hội đồng nhân dân cũng vậy, là do từ dân ở mỗi địa phương. Nói như điều 119 là nhập nhằng năm khái niệm khác nhau : khái niệm quyền lực, khái niệm Nhà nước, khái niệm đại diện (représentation), khái niệm ủy quyền và khái niệm dân chủ. Cơ quan quyền lực ! Tỉnh hay là tiểu bang trong liên bang ? Chắc là phải như vậy đến một con trâu. Và một lá cờ lau. Của ông Đinh Tiên Hoàng.

**3 Vấn đề quan trọng thứ ba liên quan đến một huy ky :** quyền sở hữu. Đất dai thuộc quyền sở hữu của toàn dân ; cá nhân chỉ có quyền sử dụng. Rút kinh nghiệm từ những thất bại ngày trước và những thành công gần đây trong việc mở rộng quyền sử dụng đất của nông dân, dự thảo 3 đã công nhận không những quyền sử dụng ổn định lâu dài mà cả quyền để thừa kế của quyền sử dụng đó. Quyền để thừa kế này bị biến mất trong hiến pháp !

Có lẽ đây là vấn đề thảo luận lý thú nhất, ít khi thấy. Đại biểu Mai Thị Lý (TPHCM) phân tích : “ Ở các lĩnh vực khác, Nhà nước công nhận quyền sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, nhưng với nông dân lại không công nhận. Đất dai cũng là tư liệu sản xuất của nông dân, ở đó người nông dân trải qua mấy đời khai phá từ thế hệ này đến thế hệ khác nên họ có quyền để thừa kế cho con cháu ”<sup>18</sup>. Đại biểu Nguyễn Như Cốc (Hoà Bình) nói thêm : “ Có những hoa quả mà đời cha trồng đời con mới được hưởng, tại sao người nông dân không được quyền trao quyền thừa kế những thành quả lao động của mình ? ”<sup>19</sup> Báo Lao Động xem đây là vấn đề sống chết của nông dân, bởi vì “ quyết như thế nào đó sẽ kích thích sức sản xuất của giai cấp nông dân, hoặc sẽ triệt tiêu động lực sản xuất quan trọng này ”. Bài báo viết thiết tha : “ (Quyền thừa kế) có ý nghĩa rất sâu xa, nó gắn bó và trở thành thuộc tính của người nông dân. Người nông dân tự hào về mảnh đất của ông bà để lại bao nhiêu thì cũng tha thiết muốn để lại cho con cháu toàn bộ sự nghiệp của mình trên mảnh đất mà mình đã tốn bao nhiêu công sức để bồi đắp. Vì thế việc bỏ bớt “ quyền để thừa kế ” sẽ tạo nên tâm lý bất lợi đối với người nông dân, họ sẽ thấy mình không làm chủ hoàn toàn mảnh đất của mình, và sẽ đi đến thái độ tiêu cực như đã từng xảy ra ”<sup>20</sup>.

Thảo luận sôi nổi. Biểu quyết 313/422 đại biểu tán thành ghi thêm nguyên tắc để quyền thừa kế trong điều 18. Thế là đa số tán thành rồi, chứ gì ! Không ! Nhiều đại biểu lại phản đối và không chờ chủ tọa cho phép cứ tự động phát biểu ý kiến của mình. Ngồi mà tưởng tượng quang cảnh này cũng đã thấy thú vị rồi. Trước tình hình sôi động đó, đại biểu Đỗ Mười, tổng bí thư, xin phát biểu. Ông đọc lại toàn văn đoạn cuối điều 18 đã được biểu quyết và bày tỏ sự ủng hộ của ông với các nội dung đã được ghi trong đó. Vỗ tay. Tôi xin ghi rõ tường thuật của báo chí : “ Rất nhiều tiếng vỗ tay vang lên khi đại biểu Đỗ Mười phát biểu xong ”<sup>21</sup>. Tôi để ý chữ “ rất nhiều ”. Bạn đọc có để ý như tôi không ? Rất nhiều, nghĩa là không phải tất cả. Tôi cho như thế là có dân chủ. Đó là chuyện của ngày 6.4.

Năm ngày sau, chuyện có bỗng thành không. Chiều 11.4, phe thua hôm trước đòi bầu lại điều 18. Quyền thừa kế bay mất như một giấc mơ ! Phe thắng hôm trước phản đối. Đại biểu Lê Minh Tùng (An Giang) phản nàn : " Đây là điều đã biểu quyết rồi, nếu biểu quyết lại là vô tình chúng ta vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ " <sup>22</sup>. Đại biểu Trần Thị Sứ (Long An), rồi đại biểu Nguyễn Văn Phúc (Kiên Giang) chất vấn : " Lần trước, Quốc hội đã biểu quyết với số 313/422 đại biểu tán thành quyền thừa kế đất dai, nay biểu quyết lại với số 302/411 đại biểu không tán thành, vậy thì con số nào là chính xác ? Có phải tiếp tục bàn nữa hay không ? " <sup>23</sup>.

Tôi nhấn mạnh hai chữ "rất nhiều" tiếng vỗ tay là vì thế.

4 Trong một bài phỏng vấn của báo Tuổi Trẻ, chủ tịch Quốc hội Lê Quang Đạo đã nhận xét rằng "hiến pháp đã được thông qua trong một không khí cởi mở và dân chủ" <sup>24</sup>. Báo Phụ Nữ cũng ghi nhận như vậy : "Có thể có nhiều ý kiến sẽ không được đa số chấp thuận, nhưng ngay sự đề xuất trên diễn đàn này cho thấy con đường dân chủ hoá đã lấy được hơi thở của cuộc sống" <sup>25</sup>. Đây là điều có ý nghĩa, và cũng vì điều đó, chỉ vì điều đó thôi mà tôi viết bài này. Như là một người trí thức, tôi đặt tất cả tầm quan trọng trên sự tôn trọng quyền ngôn luận, quyền phát biểu ý kiến, tôi không mong gì nhiều, chỉ mong muốn có thể, bởi vì khả năng của tôi chỉ có thể, và tất cả sự cống hiến của tôi cũng chỉ có thể. Trên đây, tôi chỉ trích dẫu những lời phát biểu tượng trưng cho một xu thế, không trích dẫn những phát biểu ngược lại. Đây không phải là một thái độ thiếu trung thực, mà là một hành động chân thành : chính những ý nghĩ không chính quy mới làm cho tư tưởng nảy nở, xã hội tiến bộ.

Từ đó, tôi động đến điều huyết mạch của hiến pháp mà bất cứ ai có một chút hiểu biết đều thấy rằng nếu không được quan niệm một cách hợp lý thì hiến pháp gì rồi cũng chỉ có một giá trị pháp lý rất tương đối. Tôi muốn nói điều 4 quy định "đảng lãnh đạo". Không có nguyên tắc gì là bất di bất dịch ; cũng không có nguyên tắc nào được áp dụng muôn đời như một, cứ thế là thế ! Thế giới đã thay đổi quá nhiều, xã hội Việt Nam đã mang một bộ mặt khác hẳn, "đảng lãnh đạo" ở ngưỡng cửa 2000 không thể nào là "đảng lãnh đạo" như thời 1980, 1959, 1946, 1930, hay như thời tháng mười 1917. Ai chê Nho giáo dở, tôi không chê. Dở, là đã giải thích và áp dụng một cách ù lỳ, xuẩn ngốc, không thích nghi với thời đại, đưa đến ngu dân, thoái hóa. Cùng một luồng gió Nho giáo, có sao Nhật Bản thì Minh Trị, Trung Quốc thì Mao ?

Cho nên tôi thấy rất hứng thú khi có đại biểu, mà lại là đại biểu của Nghệ An !, ông Phạm Như Cương, nhận xét chí lý : " Một khi đã đưa vai trò lãnh đạo của Đảng vào trong hiến pháp thì phương thức lãnh đạo của Đảng không chỉ dành cho những đảng viên mà còn cho toàn dân thừa nhận. Đảng lãnh đạo bằng phương thức nào ? ". Ông Cương đề nghị nên có hẳn một chương về vai trò lãnh đạo của đảng trong hiến pháp. Đại biểu Phạm Văn Kiết (Kiên Giang) cho rằng làm như vậy là có lợi cho chính Đảng <sup>26</sup>.

Tôi cũng đọc lui đọc tới bài phát biểu của tổng bí thư Đỗ Mười trong ngày họp đầu tiên của Quốc hội, mà tôi xin trích ở đây một đoạn dài :

"Đảng luôn luôn đòi hỏi các tổ chức Đảng, mà trước hết là các cấp ủy Đảng, phải tự giác đặt mình dưới sự giám sát của nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động trong

khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Toàn thể đảng viên đều phải sống và làm việc theo đúng Hiến pháp và pháp luật. Đó là những điều đã được nhân dân ta, mà đại diện cao nhất là Quốc hội thừa nhận, ghi vào Hiến pháp. Đảng Cộng sản Việt Nam nguyện làm hết sức mình để xứng đáng với điều ghi nhận đó. Khi điều đó đã trở thành một thể chế hiến định thì phải tạo môi trường chính trị, pháp lý thuận lợi để nhân dân thực hiện được quyền giám sát trên thực tế đối với sự lãnh đạo của đảng. Tôi nghĩ rằng chúng ta phải làm được như vậy, và điều đó chỉ có lợi, có lợi cho chính bản thân Đảng và có lợi chung cho đất nước " <sup>27</sup>.

Đọc với thiện chí nghĩ rằng tổng bí thư có hoài bão đổi mới đảng trước tình thế không cuồng được nữa, tôi không thấy một cánh cửa nào khép lại trong đó cả, tôi chỉ thấy rất nhiều cánh cửa mở ra, chờ đón những ý nghĩ mới. Thế nào là đảng "tự giác đặt mình dưới sự giám sát của nhân dân" ? Nhân dân là cả mấy chục triệu người, giám sát là thế nào, bằng phương cách gì ? Thủ tổng bí thư trả lời : "phải tạo môi trường chính trị, pháp lý thuận lợi để nhân dân thực hiện được quyền giám sát trên thực tế đối với sự lãnh đạo của đảng". Thế nào là tạo môi trường chính trị, pháp lý thuận lợi ? Từ ngày khởi đầu ý nghĩ dân chủ trên thế giới, dù chỉ là dân chủ tư sản hay dân chủ xô-viết, dân chỉ có một môi trường chính trị, pháp lý thuận lợi mà thôi là phát biểu ý kiến, là bầu phiếu. Tổng bí thư lại nói rất rõ : giám sát sự lãnh đạo. Và không phải là giám sát chung chung, khơi khơi, mà là giám sát trên thực tế. Tức là gì nếu không phải là bầu phiếu trên sự lãnh đạo, cho biết ý kiến của mình về sự lãnh đạo đó, xem lãnh đạo đó có "xứng đáng" hay không ? Ý niệm xứng đáng là ý niệm tôi đọc trong phát biểu của tổng bí thư. Tất cả vấn đề là luật pháp hoá, thể chế hoá ý niệm đó.

Càng đọc đoạn văn của tổng bí thư, tôi càng thấy không có cách giải thích nào khác hợp với tiến hoá của xã hội, bảo đảm được tương lai của đất nước và của chính bản thân đảng. Chỉ có cách giải thích đó mới gó rỗi được cái mó bòng bong luận lý, ngôi thứ lẩn lộn, mà ai cũng thấy dù nói ra hay không nói ra : đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ. Chỉ có cách giải thích đó mới phù hợp với châm ngôn dân là gốc, nghĩa là bất cứ chuyện gì, kể cả chuyện lãnh đạo của đảng cũng phải được dân phát biểu, dân bầu. Giải thích nhu vậy mới thấy đầu thấy đuôi, thấy gốc thấy ngọn, thấy lãnh đạo không phải là lãnh đạo sự làm chủ, và làm chủ chính là làm chủ sự lãnh đạo. Tôi không thêm một ý gì mới, tôi chỉ đọc đoạn văn của tổng bí thư với thiện chí chân thành của một người mở cánh cửa sổ đang hé mở để nhìn thằng tương lai trước mắt.

Đó là ý thứ nhất tôi muốn nói. Ý thứ hai cũng chẳng mới lạ gì, toàn là những chuyện từ lâu. Chính đảng đã nói từ lâu rằng phải tách đảng ra khỏi Nhà nước. Phải công nhận một cách thẳng thắn rằng hiến pháp 1992 chưa làm được điều đó. Trong các cuộc thảo luận tại Quốc hội, đại biểu và chính quyền đều nhắc đi nhắc lại nhu cầu tạo ra một bộ máy Nhà nước "gọn", "nhẹ", "hữu hiệu", "thích nghi" với kinh tế thị trường. Duy trì hai bộ máy song song, bộ máy đảng và bộ máy Nhà nước, từ đầu não trung ương đến tận móng tay móng chân thôn xã, chắc chắn không gọn, chẳng nhẹ, không hữu hiệu, cũng chẳng thích nghi. Chỉ cồng kềnh. Một bộ máy Nhà nước chỉ gọn, nhẹ, khi nào chính sự lãnh đạo cũng gọn, nhẹ, lãnh đạo từ trung ương là đủ. Tôi không phản đối nguyên tắc "đảng lãnh đạo", bởi lẽ giản dị là ở đâu cũng thấy đảng lãnh

đạo. Ai lãnh đạo Nam Triều Tiên trong suốt thời kỳ tư bản cất cánh nếu không phải là “ đảng ” quân đội ? Nếu không phải là quân đội thì ai lãnh đạo Thái Lan từ 1932 cho tới tận ngày nay ? Ai lãnh đạo Indônêxia trong thực chất nếu không phải là tướng tá ? Và Đài Loan, ai nữa, nếu không phải là Quốc Dân Đảng, từ khói thủy ? Không hay hổm gì để bắt chước các ông ấy, nhưng ít ra, đảng các ông vẫn trưởng tồn lãnh đạo mà không cần đặt bộ máy đảng song song cho đến tận hang cùng ngõ hẻm. Không thấy có việc các người trách nhiệm trong chính quyền ở bộ, ở tỉnh, ở huyện, ở xã cứ nhất nhất phải bẩm báo, “ lấy ý kiến ” của “ đảng ” trong từng quyết định, từng hành động. Các ông ấy không hay hổm gì, nhưng chắc chắn chính quyền của các ông ấy gọn, nhẹ, hữu hiệu hơn. Cho nên vấn đề không phải là “ đảng lãnh đạo ”. Vấn đề là lãnh đạo là gì, lãnh đạo như thế nào. Nếu có ai chỉ trích tôi thiếu dân chủ, về điều này, tôi xin nêu trường hợp nước Nhật : vẫn một đảng lãnh đạo từ 1945 đến nay, liên tục, chẳng hề mất quyền, mà gọn, nhẹ, hữu hiệu, thích nghi. Và dân chủ. Mà đâu có cần bộ máy song song !

Việt Nam không phải là Nhật, nhưng Việt Nam của kinh tế thị trường cũng không phải là Việt Nam của thời chiến tranh du kích. Cứ xem Nhà nước như là đứa bé mới tập đi, phải có người dẫn dắt từng bước, thì Nhà nước đó làm sao điều động nổi kinh tế thị trường, trị được thế lực tư bản mạnh như hùm sói ? Nhà nước như vậy chỉ có thể là miếng mồi ngon cho các sấu bên ngoài và các sấu bên trong. Cho nên bàn về Nhà nước mà không bàn về sự lãnh đạo thì hiến pháp chỉ mới phơn phớt trên ngọn; chưa động đến gốc. Chỉ khi nào tập trung tí tuệ để bàn về đoạn văn của tổng bí thư Đỗ Mười với một cái trán khác cái trán của họ Mao, họ Đặng, với một cái nhìn trung thực và sáng suốt vào một xã hội mới đang thành hình, khi đó hiến pháp mới hết là hiến pháp của cái vỏ trứng gà đang vỡ để thành hiến pháp của con gà con đang mổ trứng chui ra.

Nguyễn Ngọc Hiền

1. Xem Diễn đàn số 5, tháng 2.1992.

2. Luật gia Trần Quốc Thuận, thư ký Hội đồng nhân dân thành phố HCM, trả lời phỏng vấn của báo Tuổi Trẻ 23.4.1992.

3. Tuổi Trẻ Chủ nhật 5.4.1992.

4. Chữ của ông Lý Chánh Trung, Thanh Niên 5.4.1992.

5. Phụ Nữ, 8.4.1992.

6. Phụ Nữ, 4.4.1992.

7. Tuổi Trẻ, 31.3.1992.

8, 9, 10, 11, 12, 13, 14. Thanh Niên, 12.4.1992.

15. Phụ Nữ TPHCM, 4.4.1992.

16. Tuổi Trẻ, 11.4.1992.

17. Hồng Đăng, Hai điều cần xem lại, Lao Động Chủ nhật, 5.4.1992.

18, 19. Tuổi Trẻ, 28.3.1992.

20. Hồng Đăng, đã dẫn.

21. Thanh Niên, 5.4.1992.

22, 23. Tuổi Trẻ, 14.4.1992.

24. Tuổi Trẻ, 18.4.1992.

25. Phụ Nữ, 8.4.1992.

26. Tuổi Trẻ, 28.3.1992.

27. Tuổi Trẻ Chủ Nhật, 29.3.1992.

Căng thẳng giữa Phật giáo và chính quyền  
trong dịp

## LỄ TANG

### ĐẠI LÃO HOÀ THƯỢNG THÍCH ĐÔN HẬU

Đại lão Hoà thượng Thích Đôn Hậu, Phó Pháp chủ kiêm Giám luật Hội đồng chứng minh trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, đã viên tịch ngày 23.4.1992 tại chùa Linh Mụ, Huế, thọ 88 tuổi.

Theo bản tin của AFP đánh đi từ Hà Nội ngày 3.5.92, tang lễ của Đại lão Hoà thượng Thích Đôn Hậu đã diễn ra ngày 3.5.92 ở Huế trong sự yên tĩnh mặc dù trước đó có sự căng thẳng giữa chính quyền và một số nhà lãnh đạo Phật giáo, phát xuất từ việc chính quyền Việt Nam muốn tang lễ của Đại Hoà Thượng có tính cách chính thức vì lẽ ông đã tham gia đấu tranh chống Pháp và chống Mỹ.

Một bộ phận của giới lãnh đạo Phật giáo đã chống lại chủ trương đó của chính quyền vì, theo họ, nó không phù hợp với ý muốn của người quá cố.

Theo các nguồn tin phương Tây ở Huế, một nhà sư đã doạ sẽ tự thiêu và bốn nhà sư đã tuyệt thực ở chùa Linh Mụ là nơi Đại Hoà Thượng Đôn Hậu trụ trì. Cuối cùng, lễ tang Đại Lão Hoà Thượng đã do Giáo hội Phật giáo tổ chức, với sự tham dự của Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ.

Nhân dịp ghé lại Huế, một Phật tử Việt kiều ở Pháp đã tham gia tang lễ cùng với hàng nghìn đạo hữu. Những nhận xét của ông cũng trùng hợp với nội dung bản tin của AFP.

Đại lão Hoà thượng Đôn Hậu là một bậc chân tu đồng thời là một nhà lãnh đạo có nhiều uy tín của Phật giáo Việt Nam. Ông sinh năm 1905 và đi tu năm 1932. Trong những năm 30, ông đã viết nhiều bài nghiên cứu về Phật lý dặng trên tờ Viên Âm xuất bản ở Huế do cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám chủ trương. Năm 1947, ông bị Pháp bắt giam vì đấu tranh cho độc lập. Năm 1963, ông tham gia chống chính quyền của ông Ngô Đình Diệm trong vụ đàn áp Phật giáo. Năm 1968, ông vào bụng tham gia Liên minh các Lực lượng dân tộc dân chủ và hoà bình Việt Nam, rồi trở thành Cố vấn Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam.

Mùa xuân năm 1975, ông trở về Huế, trụ trì ở chùa Linh Mụ. Sau đó, ông được đề nghị vào Quốc hội và tham gia Đoàn chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Từ năm 1977, sau những vụ chính quyền bắt bỏ tống ni và Phật tử, ông đã nhiều lần bày tỏ sự bất bình và càng ngày càng có thái độ bất hợp tác với chính quyền, nhất là chính quyền địa phương ở Bình Trị Thiên.

Hiện nay, chính quyền còn giam giữ một số tu sĩ và Phật tử như Thích Tuệ Sỹ, Lê Mạnh Thát (Trí Siêu). Theo tin báo Bông Sen (tháng 5-6.92, Hoa Kỳ), các hoà thượng Thích Quảng Độ và Thích Huyền Quang đã được trả tự do ngày 25.3.92 sau mười năm bị quản thúc tại quê quán.

Thư Cali

# L.A. bạo loạn

Ngày 20 tháng 5, 1992

Anh TS thân mến,

Vâng, đến hôm nay thì không khí của Thành phố Thiên thần (Los Angeles) đã dịu lại. Cái nóng đến rát mặt, cháy lòng, và biến sản nghiệp, ước mơ của bao nhiêu người thành mây khói đã giảm xuống nhiều. Ít ra là ở ngoài mặt. Ngoài nhìn lại những ngày cuối tháng 4, đầu tháng 5 ấy, khó có ai tránh được việc kiểm tìm một nguyên ủy, một lý giải, hay một bài học nào đó...

Chỉ tiếc rằng tôi không có đủ sức để làm theo ý một câu hát của Phạm Duy :

*Xin đi lại từ đầu,  
Chưa đi vội về sau...*

Vì, từ đầu ở đây phải chăng là từ thời những đứa con khốn nạn của lục địa Đen bị ruồng bắt, bán buôn như một thứ súc vật, chuyên chở qua đường biển sang lục địa châu Mỹ mà những người phương Tây đã ngộ nhận một cách hanh tiến rằng họ đã "tìm ra" ?

Hoặc từ đầu là năm 1968, khi mục sư Martin Luther King, vị lãnh tụ tuyệt đối tin vào đường lối đấu tranh bất bạo động của phong trào đòi dân quyền cho người Mỹ gốc châu Phi, bị bắn gục ở Memphis, Tennessee ?

Hay từ đầu là ôn lại một chút kỷ niệm riêng của hai mươi năm trước mà tôi vẫn còn nhớ rõ, như hôm qua :

Tôi đến thăm làm quen một mục sư người Mỹ da đen ở Los Angeles, một thành viên của tổ chức đấu tranh cho dân quyền Southern Christian Leadership Conference của cố mục sư King. Ông chìa tay ra bắt, cười thật tươi, tự giới thiệu tên ông. Ngưng một tí, ông thêm : cái họ (family name) Tây Âu này là do chủ nô người Âu của ông cha tôi ban cho các cụ. Câu nói cho thấy niềm đau trăm năm vẫn còn mới nguyên, như vết roi chủ nô vẫn còn hằn rõ, không cần đến kỹ thuật thu hình video hiện đại nhắc nhở.

Thôi thì tạm đi trở lại với buổi xế chiều ngày thứ tư 29.4.1992. Ngày chánh án Stanley Weisberg công bố bồi thẩm đoàn đã đi đến phán quyết về vụ bốn viên cảnh sát Lawrence Powell, Theodore Briseno, Timothy Wind và Trung sĩ Stacey Koon, của Foothill Division, thành phố Los Angeles đánh đập một người lái xe, sau khi họ chặn bắt anh ta (ngày 3.3.1991). Vụ đánh đập này tình cờ được một người thu hình không chuyên nghiệp ghi lại qua 81 giây trên băng video, cuộn băng tài tử được nhiều người xem nhất từ trước đến giờ.

Đến khoảng 3 giờ chiều, nhiều đài truyền hình trực tiếp phát đi cảnh người trưởng đoàn bồi thẩm tuyên đọc phán quyết. Lần lượt, các bị cáo đều được tha bổng cả 10 trong 11 tội mà họ bị cáo buộc. Chỉ có một tội của cảnh sát viên Laurence Powell

là bồi thẩm đoàn không nhất trí được, và do đó chánh án tuyên bố hủy bỏ việc xét xử tội ấy.

Đối với những người thật sự quan tâm theo dõi vụ án, nằm trong bối cảnh căng thẳng của những mâu thuẫn và xung đột chủng tộc ở Mỹ, phán quyết này chính là "cộng rơm làm gãy lưng con lạc đà", là một tái khẳng định của những gì nhiều người ước đoán, trong căm giận : sẽ không có công lý cho một thanh niên da đen, nhất là khi các bị cáo lại là nhân viên công lực người da trắng.

Xin mượn lời của một độc giả báo *Los Angeles Times* : "Là một thành viên của chủng loại người, tôi thấy nhục nhã với cái phán quyết vô tội trong vụ án (đánh đập Rodney) King. Bạn có nhiều cơ hội bị bỏ tù vì đánh đập con chó của bạn hơn là bạn đánh đập một con người. Đáng buồn thay." (Los Angeles Times 1.5.1992). Ác nỗi, Rodney King, nạn nhân trong vụ đánh đập man rợ này là con người, nhưng anh lại là một African American da đen. Phải nói là rất nhiều người bàng hoàng, không muốn tin cái quyết định của toà án là có thật. Phil Goehring, cảnh sát trưởng thành phố Fullerton, Orange County, nói : "Với tư cách một công dân, hơn là một cảnh sát viên chuyên nghiệp, tôi bị 'sốc' vì người ta đã không kết được một tội hình sự nào."

Với người quen thuộc với thủ thuật toà án ở đây, họ cho rằng vụ án coi như đã quyết định xong rồi ngay từ hôm 26.11.1991, khi chánh án Wesberg công bố các phiên toà sẽ diễn ra ở Simi Valley, Ventura County. Bởi lẽ, đa số cư dân của Simi Valley là những người đã từ bỏ Los Angeles, tránh xa những "vấn đề" của thành phố này, trong đó có vấn đề thiếu an ninh, tệ nạn xã hội, v.v... Nói chung, họ không thiện cảm với, nếu không nói là sợ, đám dân nghèo của Los Angeles, và dân da đen nói riêng. Dựa các phiên xử về đây, các bị cáo sẽ có nhiều cơ hội được xét xử bởi một bồi thẩm đoàn có nhiều thiện cảm với họ hơn. Dưới mắt nhìn của bồi thẩm đoàn – với 10 trong 12 người là Mỹ da trắng – anh da đen Rodney King có nhiều vẻ là một bị cáo hơn bốn người da trắng làm nghề đại diện pháp luật kia. Có người, sau vụ phán quyết đã nói khéo : Xử ở Simi Valley, Rodney King không bị bỏ tù là may mắn rồi !

Sự kiện người Mỹ trung lưu sợ một anh Mỹ da đen cùng khổ không những là một thực tế, đôi khi nó còn là một ám ảnh được dùng như một vũ khí chính trị. Chắc anh còn nhớ, năm 1988, ứng cử viên Georges Bush đã dùng hình ảnh Willie Horton, tên tù sát nhân, trong một dịp "đi phép" cuối tuần đã hiếp một phụ nữ ở Maryland, để buộc tội ứng cử viên đối lập Michael Dukakis là nhẹ tay với tội ác. Horton là người da đen, lúc ấy đang ngồi tù ở Massachusetts, nơi Dukakis làm Thống đốc. Nhiều nhà bình luận chính trị đồng ý là cái quảng cáo tranh cử ấy của phe Bush đã giáng đòn chí mạng vào phe Dukakis. Ấy là nhờ vào cái ẩn dụ mang tính kỳ thị năm đằng sau.

Vì công lý pháp định và công lý xã hội đã quá chênh lệch, tầng lớp cùng khổ ở *inner city* của Los Angeles đã chọn cách của họ để bày tỏ thái độ. Và khi khói lửa đã bốc lên, nước dâ vỡ bờ, những thành phần bất lương, cơ hội,... cũng nháo vỡ ăn cắp. Kể cả những vị, thừa cơn hỗn loạn, châm lửa vào cơ sở kinh doanh của mình để lanh tiền bảo hiểm. Đã đến tình cảnh đó rồi thì còn lý lẽ, phải trái nào để mà bàn nữa đâu anh ? Không ít người đã bị hành hung tàn nhẫn, chợ búa, cửa hàng, cơ sở phục vụ, y tế, v.v... cũng bị vạ lây. Số người mất việc lên đến mấy vạn, trong đó khoảng một vạn việc làm coi như sẽ mất vĩnh viễn.

Đến hết ngày chủ nhật 3.5, với sự có mặt của tổng số gần một vạn vệ binh quốc gia (national guards), hơn 3.000 bộ binh và thủy quân lục chiến (marines), và vài ngàn nhân viên an ninh địa phương, tiểu bang và liên bang, trật tự coi như được tái lập. Giới nghiêm được bãi bỏ từ tối thứ hai 4.5.

Kết quả thiệt hại của những ngày bạo loạn ấy vẫn còn đang được tổng kết. Người ta ghi nhận có 58 người chết. Non 3.000 người bị thương, từ nặng đến nhẹ. Có hơn 5.000 toà nhà, công trình lớn nhỏ bị thiệt hại hay tiêu hủy hoàn toàn. Thiệt hại vật chất có thể lên đến hàng tỉ đôla. Bà con người Việt cũng đã chia một phần thiệt hại. Trong số người bị đâm đòng hành hung cũng có người Việt, nhưng hình như không ai bị thiệt mạng.

Anh TS thân,

Mặc dù rằng mấy ngày bạo động vừa qua là vụ xáo trộn đô thị lớn lao và thiệt hại nặng nề nhất trong lịch sử hiện đại Mỹ, nhưng hầu như những người có trách nhiệm ở Mỹ lại quan tâm nhiều hơn đến các nguồn gốc sâu xa dẫn tới tình trạng ghê gớm đã xảy ra, cũng như cố gắng tìm kiếm một lời giải quyết dài lâu cho vấn đề này.

Cho đến giờ, tâm trạng chung là bi quan. Vừa rồi, một cuộc thăm dò dư luận của báo *Los Angeles Times* cho thấy : hai phần ba dân chúng Los Angeles tin rằng bạo loạn rồi sẽ xảy ra nữa.

Rõ ràng đây không còn là lúc để người này, phe nhóm này tìm cách đổ lỗi cho người khác hoặc phe nhóm khác. Trong bài phỏng vấn với ký giả Robert Sheer của tờ *Los Angeles Times* (15.5.1992), Mục sư Jesse Jackson nói : “ Chúng ta phải làm gì thực, và làm gấp ”, vì theo ông, “ vấn đề của 35 năm trước đã trở thành một tình thế của hôm nay. Một tình thế khác với một vấn đề vì nó nằm ở một mức độ cao hơn ”. Một việc cần làm, theo ông, là phải bắt cho được những nhịp cầu ngang qua những cái vịnh ngăn cách con người và các nhóm cùng sống trong cộng đồng. Jesse Jackson đưa ra con số : Vùng Trung-Nam Los Angeles có 55% dân số là người da đen, 45% Hispanic. Trong số những người bị bắt trong các vụ bạo động, 51% là Hispanic, 37% là người da đen, và 12% là da trắng.

Tưởng cũng cần ghi ra đây thêm vài con số về tình trạng kinh tế của khu Nam Los Angeles, trung tâm điểm của các vụ bạo loạn vừa qua : Theo kết quả điều tra dân số năm 1990, mức độ nghèo khó là 30,3%, tức gần gấp ba lần mức độ toàn quốc gia (11%), so với con số 27% của năm 1965 lúc cuộc bạo loạn khu Watts xảy ra. Trong khi thu nhập trung bình của mỗi hộ ở Los Angeles là 30.925 đôla/năm, Nam Los Angeles chỉ đạt được 19.382 đôla. Và 10% số hộ sống lây lắt ở mức 5.000 đôla (so với con số 4,7% trên toàn nước Mỹ).

Trên cái nền cũ kỹ của nạn kỳ thị chủng tộc, hai thập niên vừa qua Los Angeles đã thu nhận thêm một số lớn dân từ tứ phương tụ lại. Gần là các nước Mỹ La tinh, người dân trốn chạy ra khỏi nạn nghèo đói, áp bức, hoặc các vụ xung đột đẫm máu của El Salvador, Peru, Nicaragua, Columbia... xa hơn thì có Việt Nam, Đại Hàn, Philippines... rồi dân Đông Âu, Liên Xô cũ... cho đến Nam Phi. Theo một thăm dò qua các học khu (school districts) của Los Angeles, số ngôn ngữ mẹ đẻ của các cháu bé lên đến hơn một trăm. Trong điều kiện kinh tế ngày càng khó khăn, từng đó người bâu vào chiếc bánh không đủ lớn tất càng làm sự căng thẳng tăng lên, sự cọ xát, va chạm giữa các nhóm sắc tộc càng có cơ sinh ra những tia lửa, trên cánh đồng khô cháy của thất học, tuyệt vọng, bệnh tật, và nguy hiểm

hơn cả là nơi lớp thanh thiếu niên chưa một lần được đối xử như những con người có nhân phẩm.

Thêm vào đó, các nhóm nhập cư mới, do vị thế xã hội không đến nỗi thấp tận đất đèn của họ nơi quê hương gốc, rất khó mà cảm thông, và có được cách ứng xử phù hợp với thành phần cùng khổ của người Mỹ gốc châu Phi, hoặc những người Hispanic cư trú lâu đời hoặc mới nhập cư vào Los Angeles. Vụ một thiếu phụ người gốc Triều Tiên bắn chết một cô bé gái người da đen ngay trong cửa hàng thực phẩm-bách hoá nhỏ của bà ta đã tạo ra căng thẳng giữa hai nhóm sắc tộc. Ra toà bà chủ tiệm buôn kia chỉ bị án treo, và đó cũng là một mồi lửa.

Khi đã đặt vấn đề lên mức độ ấy, những ngày bạo loạn vừa qua chỉ còn là cái phần nổi của băng sơn. Vấn chưa đáng kể, vì nó chỉ là tín hiệu của một sức công phá khủng khiếp đang lao tới. Dù chậm nhưng nếu không có cách ngăn chặn hoặc chuyển hướng thì nhất định sẽ phải đến.

Phần chìm của băng sơn kia ít ra mang hai nét đặc thù của đại đô thị Mỹ : (1) nó là hình ảnh xung đột của hai nước Mỹ, một giàu có, thịnh vượng và một nước Mỹ thuộc “thế giới thứ ba”, nghèo nàn, tăm tối và lạc hậu, và (2) cái lò luyện đa chủng tộc (multi-racial), đa văn hoá (multi-cultural) đã không vận hành thông suốt, trong hoà hợp và giao lưu mà lại làm nổi bật ra, đào sâu thêm những dị biệt, bất đồng, ghen ghét.

Thực ra, hai vấn đề vừa nói lại như hai song sinh (hoặc đúng hơn, là hai con đì thú cộng sinh). Los Angeles, và nước Mỹ, đang kêu đòi những giải pháp toàn cục cho hai vấn đề này.

Hôm nay, hai con thú dữ ấy lại tạm nằm yên, một phần vì những đau đớn tự hoại của nó sau một cơn thịnh nộ điên cuồng, một phần vì sự kèm chế chung quanh. Câu hỏi còn lại là liệu chính quyền liên bang, tiểu bang, thành phố, và hết thảy Angelenos thuộc mọi nhóm sắc tộc có thật lòng thật dạ nỗ lực và hợp sức với nhau để trừ khử hai con đì thú kia trong thân xác và linh hồn của Los Angeles hay không.

Tập thể bà con người Mỹ gốc Việt chúng ta ở đây cũng có một vị thế và vai trò rất lớn trong nỗ lực chung ấy. Một nỗ lực đòi hỏi những kế hoạch giáo dục, vận động, ngoại giao thật thận trọng, ráo riết và kiên trì. Vì thực tình mà nói, chúng ta chưa có nhiều kinh nghiệm hành xử trong một môi trường vừa phong phú, vừa phức tạp như ở đây.

Anh TS thân mến,

Chuyện mình bàn ở đây quá lớn, có một nguồn gốc phức tạp và lâu đời, chỉ dám lan man vài điều suy nghĩ riêng tư. Có điều tôi thực lòng mong sao nỗi lo một cuộc bạo loạn kế tiếp sẽ không bao giờ thành hiện thực. Từng cố gắng nhỏ và riêng phần hi vọng sẽ kết thành một sức đẩy lớn, làm đổi thay được tình thế.

Như sắp tới đây dân Los Angeles sẽ đi đầu phiếu về Dự luật tu chính F, để mong cải tổ cơ chế cảnh sát thành phố. Trong đó, quyền cắt cử và bãi miễn cảnh sát trưởng được nằm trong tay người dân – qua đại biểu của họ – nhiều hơn. Hoá ra, cuối cùng xã hội vẫn phải trả lại cái quá trình dân chủ trong hiện thực. Sau hơn hai trăm năm qua, quá trình ấy vẫn còn đang tiếp diễn.

Tình thân,

Nguyễn Lộc

# Suy tư từ tình hình Đông Âu

*Comment se pourrait-il qu'une partie connaît le tout ? I*

Bức tường Berlin sụp đổ. Một luồng hy vọng tràn ngập Đông Âu. Ba năm sau, hồn hởi đã đi qua. Còn lại thực tại, di sản của chế độ xã hội chủ nghĩa toàn trị kiểu Stalin : kinh tế lạc hậu, xã hội điêu tàn, tư duy trì trệ, lớp người có tri thức có khả năng hoạt động hữu hiệu trong một nền kinh tế thị trường, trong một môi trường chính trị đầy biến động thua thót như lá mùa thu... Ngổn ngang những vấn đề, và toàn là vấn đề cấp bách.

1. Xây dựng lại kinh tế thật vô vàn gian nan. Không một nước nào không bị lâm vào tình trạng suy thoái kinh tế trầm trọng. Từ 1988 tới nay ở các nước Đông Âu không kể Liên Xô cũ, (Bulgari, Hungari, Ba Lan, Rumani Tiệp khắc, Nam Tư) sản xuất sút mất 25%. Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế bao gồm 24 nước OCDE trong bản báo cáo tháng 12.1991 nhận định về trạng huống Đông Âu cho rằng : “ Chưa thấy dấu hiệu rõ rệt của một chuyển hướng ”<sup>2</sup>.

Vấn đề chính là cải tổ cấu trúc kinh tế, thay đổi thể chế để tạo điều kiện cho đầu tư có hiệu suất. Trở ngại còn rất nhiều, vì thiếu vốn, vì gánh nặng khu vực quốc doanh gây sức ép trong công cuộc đổi mới. Tuy nhiên dứt khoát thay đổi thể chế, cấu trúc kinh tế, xã hội là điều kiện tiên quyết cho phát triển. Những nước biết sớm lo cải tổ như Hung, Tiệp đã chớm thấy hy vọng thoát ra giai đoạn suy thoái trong năm 1992 hay 1993<sup>2</sup>. Đối với các nước đó con đường tiến tới gần sự phồn vinh các nước Tây Âu đã bắt đầu khai thông.

Gặp thời buổi khan hiếm vốn đầu tư như hiện nay, mục tiêu chính có khi bị lãng quên. Norman Walter, người trách nhiệm bộ phận nghiên cứu của Deutsche Bank đã phải nhắc nhở rằng khủng hoảng kinh tế Đông Âu sẽ còn kéo dài nếu các nước Tây phương “ cứ tiếp tục chú tâm vào thông lượng tài chính, vào kinh tế vĩ mô hơn là lưu tâm đến kinh tế vi mô, đến việc cải tổ cấu trúc và thể chế trong các nước đó ”. Thiết nghĩ ý kiến này không chỉ có giá trị cho riêng Đông Âu.

Đã bước vào kinh tế thị trường, chậm thay đổi kịp thời thể chế, cấu trúc kinh tế ngày nào thì thiệt hại cho sản xuất, cho người lao động ngày nay. Chẳng hạn như chưa cải tổ hệ thống ngân hàng, tín dụng, hệ thống phân phối, thị trường bán sỉ nông sản, thì người nông dân phải trả giá rất đắt ngay. Miền Nam mới điêu đứng vì thiên tai bão lụt năm 1991 đó, năm nay trúng mùa hết cây mía “ lên tiếng ” không ai tiêu thụ, lại đến lượt hạt lúa đông xuân, đến cây đậu phộng “ báo động ”, người nông dân được mùa mà bị thua lỗ nặng, “ cựt vốn ” ngay vào lúc phải chuẩn bị làm mùa tới<sup>3</sup>.

Theo báo cáo trạng huống của ủy ban kinh tế Cộng đồng kinh tế Âu châu và Liên hợp quốc CEE-ONU đề ngày 2.4.92

trở ngại lớn cho công cuộc chuyển đổi cấu trúc kinh tế là thói quản lý nhập nhằng của các xí nghiệp quốc doanh<sup>2</sup>. Thời bao cấp thì lo che đậy chỗ yếu kém của mình, đến thời mở cửa lại khuếch đại khó khăn để trốn thuế. Thêm tình trạng tài chính mập mờ, vay nợ lẫn nhau, nợ nần chồng chất<sup>4</sup>. Việt Nam ta về mặt này có kém gì Đông Âu. Tổng số tiền các công ty nợ lẫn nhau không thanh toán nổi trong cả nước lên tới 10.000 tỷ đồng tương đương với 1 tỷ đôla, và năm 1991 trong chín tháng đầu năm thuế thất thu lên đến 600 tỷ đồng (tổng số thuế dự thu cả năm cho ngân sách là 2.930 tỷ). Tại sao tình trạng này cứ kéo dài ? Đó là một câu hỏi không tránh né được nếu muốn giải quyết vấn đề đến gốc rễ.

2. Xã hội xáo trộn trầm trọng. Năm 1989, thất nghiệp còn chưa đáng kể, nay tỷ số thất nghiệp tại Đông Âu cũng tương tự như ở Việt Nam, tùy nơi, từ 6 đến 12% quần chúng lao động, riêng ở Nam Tư tới 20%. Và trước mắt “ thất nghiệp sẽ cứ tiếp tục tiến triển dù là sản xuất có bắt đầu tăng lại ” (báo cáo CEE-ONU)<sup>2</sup>. Vào thị trường lao động, nền giáo dục dưới chế độ cộng sản để lộ tất cả những yếu kém về chất lẫn về lượng. Đào tạo, phổ biến kiến thức cần thiết cho hệ kinh tế thị trường, cho xã hội mới trở thành vấn đề cấp bách. Yêu cầu phổ cập tri thức hiện đại rộng rãi để tạo điều kiện thuận lợi cho xã hội nói chung cho cá nhân mỗi công dân nói riêng thích nghi với một tình hình kinh tế, xã hội dao động biến chuyển vấp phải vấn đề tài chính eo hẹp của một nền kinh tế què quặt. Nhà nước không thể tránh né trách nhiệm của mình trong việc giải quyết mâu thuẫn giữa sự kiện tiền bạc là tiêu chuẩn lựa chọn người được học trong kinh tế thị trường với sự bất bình đẳng căn bản khi để cho tiền bạc và thế lực thành tiêu chuẩn chọn lọc duy nhất, không có lỗi cho người dân thường đi đến tri thức. Cam nhận một nền giáo dục bất bình đẳng là tạo một hố ngăn cách trong xã hội tương lai, một trở ngại cho phát triển của dân tộc.

Một bất bình đẳng khác tiềm tàng trong một số hình thức tích lũy của cải. Tiệp bán đấu giá tư hữu hóa một số xí nghiệp, nhưng ai là người mua ? “ ... người có sức mua nếu không là apparatchick (quan chức trong chế độ cộng sản cũ), không là người của ma-phi-a địa phương thì là ngoại quốc. ”<sup>5</sup>. Một báo cáo do bốn tổ chức quốc tế – Quỹ tiền tệ quốc tế FMI, OCDE, Ngân hàng thế giới và Ngân hàng Âu châu cho tái thiết và phát triển (BERD) – thực hiện vào cuối 1990 nhấn mạnh rằng ở Liên Xô “ tài sản có thể sẽ tập trung trong tay một số người nắm tiền hay có thế lực chính trị ” và Grigory Iavlinski, cố vấn của Boris Eltsine đã từng tuyên bố “ có phải tư hữu hóa đâu, đúng ra là bán đổ bán tháo tài sản Nhà nước ”<sup>6</sup>. Từ ngữ dân gian ta giàu hình ảnh hơn, nôm na gọi sự kiện ấy là “ vặt lông nhà nước mà ăn ”. Vặt hết vật tư, thiết bị đến vặt cơ sở nhà đất. Vừa rồi ở thành phố Hồ Chí Minh xảy ra những vụ tham nhũng lạm dụng phép được bán nhà đất cho cán bộ, định giá bán biệt thự thấp hơn giá trị thật từ hai đến ba lần, có những trường hợp kiếm lời hơn một tỷ ba trăm triệu đồng trong vài ngày<sup>7</sup>.

Làm giàu “ trên đầu trên cổ nhân dân ” còn có thể có tác dụng, nếu từ đó này sinh ra một lớp nhà kinh doanh hình thành một nhóm rõ nét trong xã hội có lý tưởng tích cực hướng về tương lai tin tưởng vào nhiệm vụ của mình. Vấn đề cần phải đặt ra là một nhóm như thế có thể thoát thai được hay chẳng từ những người lạm dụng thế lực chính trị, những con buôn phe phẩy, những kẻ buôn lậu, vốn tất cả mảnh khoé chỉ là ăn bám trên kinh tế quốc doanh, không hề nghĩ đến đầu tư sản xuất lâu dài ? Có thể kinh doanh nghiêm túc được chẳng khi mà nhà nước chỉ có danh mà không có thực, không tạo nên nổi một thị trường thực sự, có thể chế, mà để cho xã hội, kinh tế hỗn loạn vì bọn tham nhũng tha hồ hối mại quyền thế, ăn cắp của công,

gian lận thuế má, làm lũng đoạn kinh tế quốc dân một cách vô tội vạ ?

3. Chính quyền cộng sản sụp đổ đột ngột để lại một khoảng trống chính trị lớn. Sau những năm dài sống dưới chế độ độc tài độc đảng, chính trường thiếu hẳn một lớp nhà chính trị có kinh nghiệm có bản lĩnh. Ở Hung, các đảng phái chảm thiếu nhân vật để ra làm bộ trưởng, nhưng tìm không ra cán bộ cấp trung gian có kinh nghiệm, không còn cách gì hơn là chiêu dụ cán bộ cộng sản vào ban tham mưu của mình. Những mặt trận đối lập trước kia, liên kết với nhau trên cơ sở chống đối, lúc được chính quyền không còn nhất trí để hình thành một tổ chức chính trị có bề thế, vỡ vụn ra thành chính đảng nhỏ không tập hợp nổi đông đảo quần chúng, có nơi như ở Rumania, chính đảng và chính khách lưu vong trở về nước nhưng cũng chẳng đem nổi một luồng máu mới cho sinh hoạt chính trị<sup>8</sup>. Ngay ở Ba Lan, thời mà B. Geremek tiếc nuối, cái thời “99% dân chúng ủng hộ công đoàn Đoàn Kết” đã qua, ngày nay nội bộ công đoàn không giữ nổi đoàn kết và đã chia năm xẻ bảy. Trong quốc hội hiện có tới 29 chính đảng. Chính phủ Olszewski – thành lập được nhờ liên minh giữa bảy đảng bảo thủ – chỉ là một chính phủ thiểu số bấp bênh, thiếu hậu thuẫn để mà thực hiện những cải cách kinh tế cấp bách và cần thiết.

Đời sống ngày thêm chật vật, mà chính trường chảm khác khác trò múa rối ; người dân không thấy tác động thực tiễn ngăn nạn thất nghiệp, chặn sự giảm sút mức sống của họ. Lòng tin tưởng vào các chính trị gia mất dần. Ở Ba Lan, thăm dò dân ý vừa rồi cho thấy đến 56% ý kiến tin là chính phủ liên minh Olszewski không hoạt động nổi. Ở Hung mới cách đây hai năm đảng Diễn dân chủ (MDF) được đa số đưa lên nắm chính quyền ; ngày nay nếu có bỏ thăm thì họ chỉ còn được 15% tín nhiệm ; có nơi như ở Komarom một khu vực thuộc miền bắc Hung, cử tri ngao ngán đến nỗi đầu phiếu sáu lần mà vẫn không bầu nổi đại biểu quốc hội vì không bao giờ đạt nổi tỷ số tối thiểu 25% cử tri tham gia<sup>9</sup>.

Một Nhà nước có chương trình hành động được đa số nhân dân ủng hộ và vì vậy ổn định được chính trị là điều kiện cốt yếu trong công cuộc thực hiện những chuyển đổi cần thiết.

Nhưng không nên l lẫn lộn sự ổn định tích cực đó với sự tồn tại của một chính quyền kiểu như chế độ cộng sản Ba Lan mà hồi tháng hai 1989 khi còn chưa ai tin được là nó sẽ mau chóng sụp đổ, Adam Michnik đã tiên đoán rằng : “ Cấu trúc chính quyền đã ruỗng nát, rỗng từ trong rỗng ra do sự thiếu khả năng, sự bất lực của nó ; nó sẽ xup đổ một ngày nào đó thôi ”<sup>10</sup>. Khi một chế độ độc đảng khư khư ôm giữ lấy thể chế nhập nhằng giữa đảng và Nhà nước để cho những bè phái có chức có quyền dựa vào mà hối mại quyền thế, làm cho chính sách chống tham nhũng và buôn lậu của Nhà nước hầu như bất lực, khi mà nạn tham nhũng cứ tiếp tục ngang nhiên hoành hành, mặc dù đã làm thất thoát tài sản của nhân dân trên 25.000 tỷ đồng – gồm có 1.947 triệu đôla, xấp xỉ tổng số thu ngoại tệ của cả nước trong năm 1991 – khi mà giá trị hàng hóa buôn lậu trong năm 1991 lên tới 240 triệu đôla và khi tại hội nghị tổng kết công tác quản lý thị trường vừa qua, phó ban chỉ đạo quản lý trung ương Lê Minh Đào cho biết các cơ quan đơn vị nhà nước, của Bộ thương mại và du lịch cùng nhiều đơn vị “ chưa tiện nói tên ” tiếp tục buôn lậu ở mức độ nghiêm trọng chiếm tới 80% tổng số

buôn lậu hiện nay<sup>11</sup>, thì tình trạng được mệnh danh là ổn định chính trị chỉ có tác dụng tạo điều kiện cho những kẻ tham nhũng bám vào quyền chức để cản trở mọi công cuộc đổi mới cần thiết. Vì thế làm trở ngại sự hình thành một lớp nhà chính trị có năng lực lèo lái vận mệnh dân tộc, làm cản trở sự thiết lập một thị trường đích thực cùng sự thoát thai của lớp nhà kinh doanh chân chính.

4. Tình hình bấp bênh, trật tự đổ vỡ. “ *Những gì vững chắc đều tan biến mất, những gì thiêng liêng đều bị uế tạp* ”<sup>12</sup>.

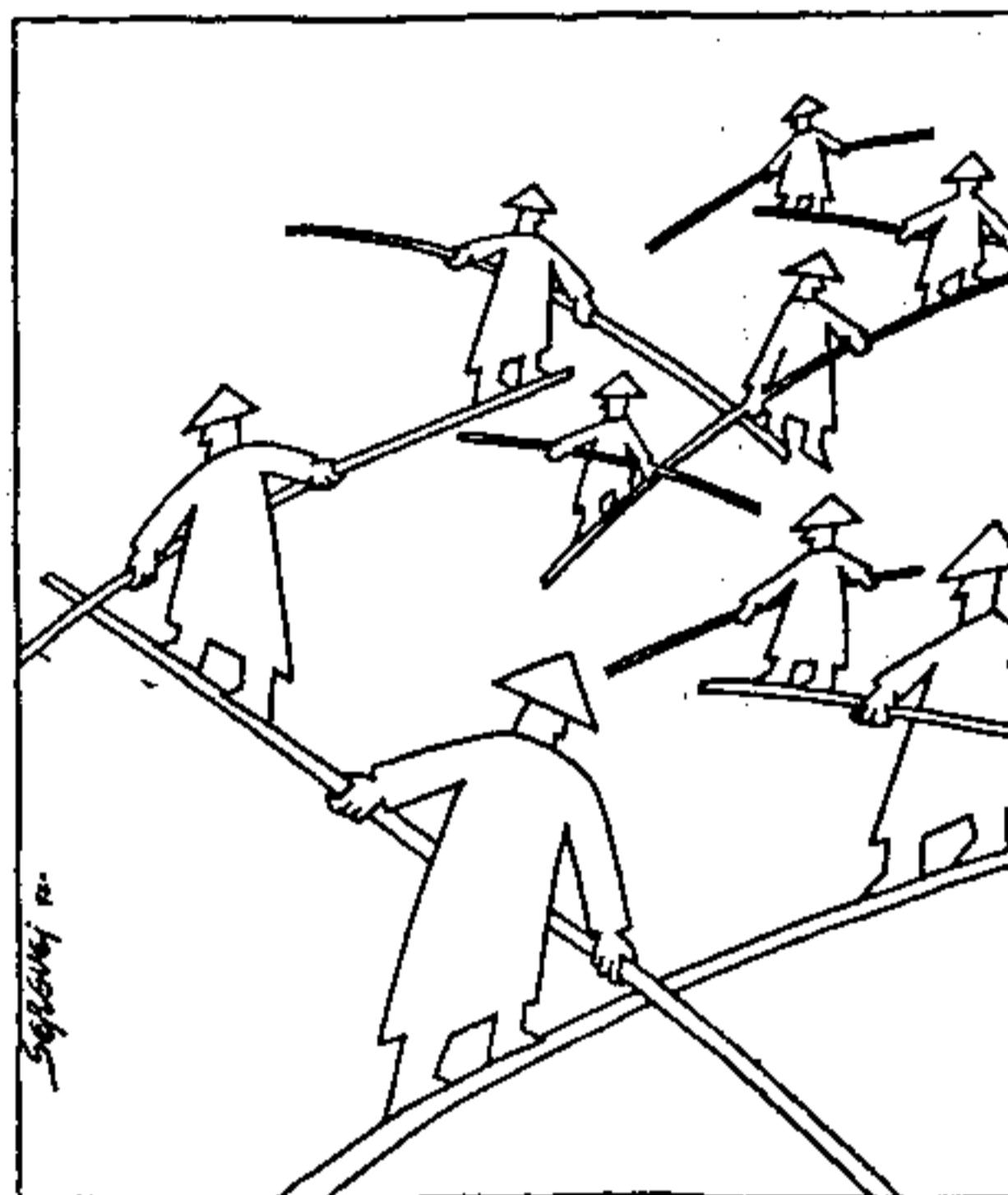
Tương lai không biết ra sao, việc làm kiếm cơm có thể mất một sớm một chiều, không còn một số cơ chế tương trợ của xã hội để mà nương dựa, mất đi hàng loạt điểm mốc để định hướng. Lòng người hoang mang.

Trong bối cảnh thiếu nề nếp sinh hoạt dân chủ, thiếu thảo luận những vấn đề căn bản thiết thân đèn đời sống, nhiều loại phản ứng xuất hiện.

Con người co cụm bấu víu vào những tập thể gần gũi, quy khó khăn hiện tại của mình vào lối kề khác. Óc địa phương, tinh thần loại trừ người lạ nảy nở. Chính trị cũng cuốn theo xu hướng này đi đến chiến tranh tai hại như ở Nam Tư, ở Azerbaijan. Nhưng ở những nơi đó còn có thể phần nào lý giải được vì tinh thần dân tộc – vốn là chính đảng – bị đàn áp đè nén trong nhiều năm. Điều khó hiểu hơn là địa phương chủ nghĩa cũng nặng nề ở Việt Nam ; và trong hàng ngũ những người tham gia cách mạng lại có chiều nặng hơn trong dân thường. Kỳ thị, phân chia Nam, Bắc – một cán bộ miền Bắc chẳng hạn được chỉ định làm phó giám đốc tại một cơ sở trong Nam thường bị địa phương gây khó dễ đến không thể làm việc nổi – và kỳ thị giữa những vùng sát bên nhau chung sống trong nhiều năm – gấp việc chia tách vừa qua gây nên những cuộc tranh chấp gay gắt, có những nơi thà bỏ dở công trình đang xây dựng hơn là thỏa thuận với nhau trong việc phân chia ngân quỹ.

Quay trở về với địa phương chủ nghĩa hẹp hòi, trong khi xu hướng tất yếu là mở rộng giao lưu hàng hóa con người và tư tưởng, là một dấu hiệu khủng hoảng văn hóa : con người hoang mang không còn biết đâu là hướng đi, bám lấy những tập tục cổ lỗ của mình. Tiểu thuyết **Mảnh đất lấm người nhiều ma** của Nguyễn Khánh Trường đã mô tả sinh động những khía cạnh của hiện tượng này và ảnh hưởng tai hại của nó cho con người, cho xã hội tại một làng trung du Bắc bộ.

Chế độ xã hội chủ nghĩa hiện thực có thói đánh lạc hướng dư luận hầu tránh né đề cập thẳng thắn và dân chủ những vấn đề hóc búa thực tại – Việt Nam thì đổ lên đầu tư bản chủ nghĩa mưu toan diễn biến hòa bình – thói này vẫn tiếp tục ở Đông Âu. Chính khách Đông Âu đang theo lối cũ mặc dù trước kia thề sống thề chết “ làm khác bọn cộng sản ”, họ sách động phong trào vơ dưa cả nắm đổ khó khăn hiện nay lên đầu tất cả những ai có liên hệ đến đảng cộng sản, vi phạm nguyên tắc tự do tư tưởng căn bản của tinh thần dân chủ. Ví dụ điển hình là điều 260 luật “ thanh lọc ” (lustrace) ở Tiệp, qui định phạt tù những ai phổ biến ý thức hệ cộng sản. Hồi tháng 10.91 luật ấy đã cấm không cho bất cứ ai có dính líu đến chính quyền cộng sản cũ lĩnh một chức vụ công cộng nào trong một thời gian 5 năm, mặc dù vấn đề luật có hợp hiến hay không chưa được giải quyết, đến



tháng 12 lại bước thêm một bước với điều 260 nói trên. Luật ấy được thông qua do áp lực của Đảng công dân dân chủ (ODS) mà chủ tịch là bộ trưởng tài chính Vaclav Klaus. Với mục tiêu loại những người cộng sản như Lis, Sabata, Samalik,... có uy tín vì đã vào tù ra khám nhiều phen khi lãnh đạo phong trào phản kháng chế độ Husak; loại phái tả và cánh tả của khối giữa ở Tiệp và nhất là loại Phong trào cho một xứ Slôvắc dân chủ (HZDS) do Vladimir Meciar lãnh đạo có khả năng được 30% cử tri tín nhiệm, trong khi dự đoán ODS chỉ được khoảng 20%<sup>13</sup>.

Lợi dụng lòng khao khát được trấn an của quần chúng, người hùng ở nhiều nơi lập lờ đánh lộn một nhà nước dân chủ, mạnh vì được sự ủng hộ của đa số nhân dân với độc tài cá nhân, tìm cách thiết lập một chế độ tổng thống chất chứa mầm mống độc tài để tạo một giang sơn cho bản thân mình.

Tuy chế độ toàn trị xã hội chủ nghĩa hiện thực đã một đi là không trở về nhưng nguy cơ chuyên chế, độc tài, cá nhân hay/và quân phiệt, dân chúng lầm than vẫn lẩn quất đâu đây.

5. Cho tới nay, số lớn những giải pháp đem ra thực hiện, hoặc đã thất bại, hoặc đang đánh mất lòng tin của dân chúng. Một phần nào, lý do tiềm tàng trong lối đề cập vấn đề.

Đặt vấn đề kinh tế là đúng. Đặt vấn đề chính trị là hoàn toàn hợp lý. Nhưng cái sai là khi phải giải quyết một cuộc khủng hoảng toàn diện văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị... lại đặt vấn đề phiến diện, thiên lệch. Thiên về thay đổi chính trị mà giữ nguyên bộ máy của đảng, để nó mặc sức cản trở mọi thay đổi căn bản cấu trúc kinh tế đã đưa ông Gorbatchev đến thất bại. Đổi mới kinh tế nhưng khu khu bảo thủ về chính trị đã đưa đến cuộc đổ máu Thiên An môn ở Trung quốc và như đã trình bày ở đoạn trên phương thức này chất chứa mầm mống làm cho nền kinh tế què quặt, bất công xã hội nặng nề chẳng khác thời tư bản thế kỷ thứ 19, và vì đó chế độ chỉ có thể là chuyên chế, trấn áp.

Sống với thực tế đổi mới cả kinh tế lẫn chính trị, dân chúng Đông Âu cũng chán nản, dâm ra lạnh nhạt không còn muốn tham gia ngay cả những hình thức chính trị cơ bản nhất như đi bầu đại biểu.

Xét cho cùng, họ có lý: vừa tránh khỏi ông mồ lại gặp phải ông má. Xã hội chủ nghĩa hiện thực đem chính trị thống trị mọi mặt đời sống, đè bẹp con người. Những con người ấy vừa thoát ra khỏi độc tài toàn trị lại rơi phải thống trị kinh tế của chủ nghĩa tư bản, ngấm ngầm hơn nhưng chẳng kém vô nhân, chỉ biết nhìn qua lăng kính lợi nhuận. Một lần nữa, người dân lại thấy mình bị lường gạt.

Hướng đi của xã hội, dù không nói rõ ra, vẫn tiềm tàng, đè nặng trên nhiều mặt đời sống hàng ngày. Vì thế mà người dân đen nhận thức rất rõ ràng. Khi hướng đi phù hợp với nguyện vọng của họ (như hồi 1945 ở nước ta, như những năm 80 ở Ba Lan) thì muôn người như một không nề hy sinh, thì giờ, tài sản và cả đến tính mạng. Khi hướng đi không đúng với ước mong thì phản ứng của những người dân thấp cổ bé miệng là ù ra, phản kháng một cách thụ động. Trong khi công cuộc xây dựng xã hội mới đang cần sự tham gia tích cực của mọi tầng lớp nhân dân thì một số lớn người dân Đông Âu đâm ra thất vọng, chán nản không thèm đi bầu phiếu như ở Hung, ở Ba Lan hiện nay. Vì trên thực tế họ đã bị loại ra khỏi quyền quyết định những điều thiết thân nhất với họ.

Giá trị căn bản, hướng đi của một xã hội là những lựa chọn chính trị thuộc về lĩnh vực văn hóa. Đổi mới cả kinh tế lẫn chính trị mà coi nhẹ các mặt văn hóa, xã hội — lập lờ không đặt

rõ vấn đề thắt lưng buộc bụng để làm những gì và để cho những ai — không để gì lừa gạt mãi được đa số dân chúng phải cơ cực dài dài mà chẳng biết có được hưởng kết quả của những hy sinh nặng nề mà mình đang gánh chịu hay chẳng.

6. Muốn được mọi tầng lớp nhân dân cùng tham gia xây dựng xã hội tương lai thì xã hội đó phải là một xã hội nhân bản, không một tầng lớp nào bị lấn áp loại trừ một cách có hệ thống, trong đó mỗi con người cá nhân được tôn trọng và được hưởng trọn vẹn quyền của một công dân. Xã hội dành không gian cho tình người, cho con người được tự chủ trong tương quan, trong hành động của mình, không bị hoàn toàn chi phối trên mọi mặt đời sống bởi những hệ thống vô nhân thống trị toàn diện xã hội — bất luận đó là một hệ thống chính trị, kinh tế, tôn giáo hay chi khác. Trong hướng đó thì mục tiêu kế hoạch, kinh tế hoặc chính trị, luôn luôn phải giữ vị trí đích thực của chúng, nghĩa là những phương tiện hướng về mục đích tạo điều kiện tinh thần và vật chất cho con người cá nhân sinh sống và phát triển toàn diện, hài hòa. Chấp nhận cho phương tiện hay một mặt trong đời sống của con người khuynh loát mọi mặt khác đến tự biến thành mục đích tối hậu là nuôi dưỡng mầm mống toàn trị.

Nói như thế không có nghĩa là phủ nhận tầm quan trọng của kinh tế — phải trả lại cho kinh tế những gì thuộc lĩnh vực kinh tế, cũng như trả cho chính trị, những gì thuộc về chính trị — nhưng cũng không vì đó mà để kinh tế thống trị mọi mặt đời sống. Văn hóa thẩm định giá trị, hướng đi của xã hội ; không thể để kinh tế biến văn hóa thành phương tiện phục vụ cho chính nó.

Tạo dựng một xã hội có chỗ đứng cho mọi tầng lớp nhân dân thì hiển nhiên dân chủ là điều kiện tất yếu để cùng nhau giải quyết ôn hòa mọi tranh chấp, mọi mâu thuẫn. Không nên ngộ nhận, như có lúc dân Đông Âu ảo tưởng rằng tự do dân chủ đồng nghĩa với phồn vinh, để rồi thất vọng.

Cần nhận định rõ ràng dân chủ tự nó không đem lại giàu có sung túc. Dân chủ chỉ đặt những qui ước minh bạch được đa số tán đồng để tạo ra một không gian tự do. Trong khoảng không gian đó con người được sinh hoạt tự do, tạo dựng một cuộc sống theo ý mình mà không phạm đến tự do của kẻ khác. Đó là con đường ít đổ vỡ nhất, ít đau khổ nhất để mọi tầng lớp nhân dân tích cực tham gia vào công cuộc đưa xã hội, đưa dân tộc hài hòa tiến lên từ những mảnh vụn đổ nát do xã hội chủ nghĩa hiện thực để lại.

#### B.M.H (tháng 5.92)

1. Sao mà một bộ phận lại có thể thấu hiểu nổi cả tổng thể ? , Blaise Pascal, Pensées II 72.

2. Françoise Lazare, *L'Europe de l'Est en attente de croissance* (Đông Âu trong đợi chờ phát triển), Le Monde 14.4.1992.

3 Thanh Tuyền, S.O.S.Nông sản tràn đồng chẳng ai mua, Tuổi Trẻ 19.3.1992.

4 Erik Izraelewicz, *Prague et la transition de velours* (Praha và cuộc chuyển tiếp nhung), Le Monde 1.10.1991.

5. E. I., *Vente aux enchères à l'Eden...* (Bán đấu giá ở Eden...), Le Monde 1.10.1991.

6. Françoise Lazare, *Affairisme à la soviétique* (Phe phẩy kiểu Liên Xô), Le Monde 29.5.1991.

(xem tiếp trang 19)

# Phương Đông đi về đâu ?

Nguyễn Quang

Hai năm rưỡi sau ngày bức tường Berlin sụp đổ, câu nói của Gramsci<sup>1</sup> khôn thay vẫn giữ nguyên vẹn tính chất thời sự : « Cái cũ đang hấp hối, cái mới để chưa ra ; trong buổi giao thời ấy, đột hiện đủ thứ triệu chứng bệnh hoạn ». Trước khi rời chính quyền (nói cho đúng : chính quyền rời ông), ông Mikhail Gorbachev cũng nói na ná như vậy : « Những cơ chế chính trị – kinh tế mới chưa khởi động thì các cơ chế cũ đã ngừng vận hành ». Quả thực, khỏi các nước “ xã hội chủ nghĩa ” cũ đang phải đương đầu với ba thách thức lớn : kinh tế, chính trị, dân tộc.

## Tan tàn tân

Về mặt kinh tế, Liên Xô (cũ) giống như một võ sĩ quyền Anh hạng nặng đang bị K.O. đứng. Sau sáu tháng thuốc thang theo đơn của thầy lang Eltsine, không chừng võ sĩ sẽ lăn kềnh do ván : lạm phát xấp xỉ 30 % mỗi tháng, và còn tăng nữa “ giá như máy in tiền giấy có thể quay nhanh hơn ” ; nạn thất nghiệp còn ở mức thấp — 2 triệu trên dân số 150 triệu — chỉ vì “ những người thất nghiệp chưa có thói quen đăng ký ” ; 39 triệu người Nga — hơn một phần tư dân số — ăn lương dưới “ mức nghèo khổ ” chính thức ; sản xuất năm 1991 giảm 20 %, và từ đầu năm 1992 đến nay, sụt tiếp 15 % ; đồng rúp trước đây, theo hối suất chính thức, ngang giá với đồng đôla, nay thì một Mỹ kim ăn 140 rúp<sup>2</sup> : cạn ngoại tệ, Nhà nước bán tháo bán đổ vật tư quân sự (xe tăng, máy bay, tàu ngầm...), cơ nghiệp khoa học (cho thuê tên lửa, bán bằng sáng chế, bán đấu giá những buồng du hành không gian — *capsules spatiales*...), bán luôn cả những nhà khoa học (chất xám chảy sang Tây phương, có lẽ rồi sẽ sang cả Trung Đông...). Nghiêm trọng hơn nữa : theo đúng mô hình của Quỹ tiền tệ quốc tế (FMI), muốn chặn đứng lạm phát át phải hạn chế phát hành tiền tệ và ổn định ngân sách, với hệ quả là kinh tế suy thoái (*récession*) ; tổ chức lại nền kinh tế có nghĩa là dẹp bỏ những xí nghiệp lỗ lā, phân bổ lại lao động, và trung hạn phải chấp nhận là 25 % lao động sẽ lâm vào cảnh thất nghiệp (trong khi ngân quỹ quốc gia không có khả năng tài trợ bảo hiểm thất nghiệp, trợ cấp xã hội).

Tình hình các nước “ chư hầu ” cũ tuy không thê thảm như vậy, song cũng chẳng sáng sủa hơn mấy. Dù một vài nước (Hung và Tiệp Khắc) còn xoay xở được, nhờ những đặc thù lịch sử văn hoá, nói chung năm nước Trung và Đông Âu (gọi tắt là PECO 5 theo thuật ngữ của tổ chức OCDE) vẫn

không thoát ra khỏi cái “ vòng ” kim cô bốn cạnh của kinh tế thị trường (tức là bốn chỉ số then chốt : tăng trưởng, thất nghiệp, lạm phát và cán cân chi trả — xem bảng dưới đây). Nói ác miêng như Bronislaw Geremek, “ Phương Đông muốn đi sang phương Tây, song còn ở phương Nam ”, nghĩa là tìm sự phồn vinh của Tây phương, trước mắt Đông Âu chỉ gặp sự chậm tiến của phương Nam.

Phương Nam, với tất cả sự yếu kém về trình độ dân chủ của nó : Eltsine, Walesa, thậm chí Vaclav Havel, đều tấp tểnh muôn chuyên quyền ; Iliescu, Milosevic thì chơi trò mị dân, dân tuý ; các quốc hội dân cử thì triền miên tranh cãi trong khi các đội dân vệ tranh đua cát cứ xung hùng ; quần chúng thì đồng bóng, hôm trước dồn 87 % phiếu bầu cho một ông trời con (Gamsakhourdia ở Georgia) hôm sau cầm súng chống lại... Sự hỗn loạn ấy, có thể mô tả chính xác bằng hình ảnh của Adam Michnik : “ một bọn cướp xông vào tấn công một nhà thương điên ”<sup>3</sup>. Nền dân chủ Đông Âu là một nền dân chủ cà lăm cà nhắc như vậy, người ta có thể hoài nghi về sự trường tồn của nó. Không phải vì Đông Âu có thể quay trở lại chế độ toàn trị (*totalitarisme*), nhưng không thể loại trừ khả năng biến chất thành chuyên chế (*dérives autoritaires*), với những nguy cơ đua đòi dân tuý (*populiste*) và quốc gia chủ nghĩa...

Chủ nghĩa quốc gia chính là sự thách đố thứ ba mà các nước Đông Âu phải đương đầu. Dưới chế độ toàn trị trước đây, ngôn từ quốc gia chủ nghĩa có ý nghĩa phản kháng vì nó khẳng định sự kế thừa di sản lịch sử và văn hoá bị hệ tư tưởng thống trị phủ nhận (với những kinh kệ theo kiểu : *đi lên xã hội cộng sản, thế giới đại đồng, sẽ không còn giai cấp, không còn quốc gia...*), và lớp đầu thánh đã mang lại cho diễn từ quốc gia chủ nghĩa một *nhân hiệu trình toà sáng giá* (trường hợp phong trào Pamiat ở Nga, và ngay cả Soljetnitsine). Nhưng khi “ cái máy làm đông lạnh Lịch sử ” là chế độ xã hội chủ nghĩa hiện thực ngừng chạy rồi, thì quả lắc lịch sử chạy ngay sang phía bên kia, thậm chí chạy tít tối tận thái cực, với sự phân liệt của vùng Caucase và vùng Balkans, đẩy lùi lịch sử trở về thế kỷ 19. Để mô tả quang cảnh “ Châu Âu bộ tộc ” này, Adam Michnik dùng một hình ảnh rất đạt : « Một thứ

4 chỉ số kinh tế  
của 5 nước Trung và Đông Âu

	SẢN XUẤT SUY SỤP [1]	THẤT NGHIỆP còn hạn chế [2]	LẠM PHÁT bùng nổ [3]	MẤT CÂN BẰNG chi trả [4]
Bulgari	-23	11,5	714	-1
Tiệp Khắc	-16	7	57	0,2
Rumani	-14	3	228	-1,2
Ba Lan	-9	12	61	-21
Hungari	-8	8	36	+0,5

[1] Biến thiên tổng sản lượng quốc dân năm 1991, tính bằng %.

[2] Tỉ lệ thất nghiệp biến đổi từ 1989 đến 1991 (tính % dân số lao động)

[3] Cán cân chi trả tính bằng tỷ đôla

[4] Tỉ lệ tăng giá hàng hoá tiêu thụ trong năm 1991, tính bằng %

*homo balkanicus* (người Bancǎng) đã được ghép vào loại *homo sovieticus* (người Xôviết) truyền thống để trở thành mẫu người phổ biến của Đông Âu »<sup>3</sup>.

## Ván bài dân chủ

Đứng trước bức cảnh đen tối ấy, có người đặt lại vấn đề dân chủ hoá. Trước tiên phải kể đến những người chống dân chủ, nghĩa là, ngoài những phần tử “bảo thủ” chủ trương tái lập trật tự cũ (số này không là bao), còn có những người chủ trương “cải cách” theo “mô hình Trung Quốc”<sup>4</sup> [cải tổ kinh tế mà không cải tổ chính trị]. Kế đến là một số người tiếp tục khẳng định lý tưởng dân chủ nhưng lại đòi thiết lập một *chính quyền mạnh*: chẳng hạn nhu thị trưởng Moscou, Gavril Popov. Ông này đòi ở trên thượng đỉnh của Nhà nước phải có “một tầng lớp nhỏ của giới trí thức được để yên để làm việc, nghĩa là trong giai đoạn chuyển tiếp, không phải thường kỳ ra tranh cử, do đó không phải chịu sự thưởng phạt thông qua lá phiếu của cử tri”<sup>5</sup>. Cần nói thêm là vấn đề tranh cãi ở đây không phải là định hướng kinh tế (mọi người đều đồng ý chuyển sang kinh tế thị trường), mà là sự chọn lựa những phương tiện chính trị (chuyển tiếp dân chủ) để thực hiện mục tiêu ấy. Sự phê chuẩn cuối cùng vẫn căn cứ vào kết quả kinh tế, nhưng đối tượng tranh chấp rõ ràng là chính trị: mặc nhiên hay hiển ngôn, những người dân chủ bị buộc phải chứng minh rằng *dân chủ* không đồng nghĩa với *vô hiệu* và *vô chính phủ*. Và họ phải chứng minh điều đó trong một hoàn cảnh hết sức khó khăn: theo ý kiến chung, chí ít cũng phải mười năm mới có thể lành mạnh hoá một nền kinh tế và một xã hội đã bị hủ hoá sâu sắc; thế mà, vẫn theo ý kiến chung, việc thành bại sẽ an bài trong vòng hai năm trước mắt. Nói vậy rồi (và điều này đặt ra cho mọi lựa chọn chính trị), thử hỏi chế độ dân chủ liệu có khả năng thành công trong quá trình đối phó với ba sự thách đố: dân tộc, kinh tế, chính trị?

**1.** Thoạt nhìn có vẻ nghịch lý, nhưng có thể nói: **dân tộc** là vấn đề phụ. Phụ đây không phải là nó không quan trọng bằng hai vấn đề kia, nhưng vì phải có thời gian dài nó mới có thể được giải quyết. Quá khứ cho thấy rõ: sự trấn áp theo kiểu Staline chỉ có thể làm đông lạnh vấn đề chứ không giải quyết dù chỉ một chút xíu. Diễn biến ở Nam Tư cho phép đặt câu hỏi: liệu có một giải pháp chính trị cho vấn đề dân tộc hay không? trừ phi phải trả lại nền tảng của nó, tức là đạo lý chính trị. Theo Paul Thibaud, chỉ có thể chữa trị “chủ nghĩa quốc gia, chủ nghĩa địa phương và xu hướng loại trừ của chúng” bằng cách trả lại “quá trình tạo dựng” nghĩa là các thành phần của cộng đồng cùng nhau bàn thảo xem vì sao cần phải sống chung. Nói khác đi, đó là một vấn đề chính trị hiểu theo nghĩa từ nguyên: việc nước. Và đúng về mặt này, dân chủ xem ra là chính thể thích hợp hơn mọi chế độ độc đoán để giải quyết câu hỏi cơ bản ấy.

**2.** Vấn đề kinh tế đặt ra với những dữ liệu phức tạp, chồng chéo. Một thời thượng hiện nay là ai cũng chấp nhận luật chơi kinh tế thị trường, nên xin tạm gác những vấn đề “vô duyên” như công bằng, đạo lý... để đề cập vấn đề “nghiêm chỉnh”: phân phối và sản xuất. Chúng tôi cho rằng phân phối chủ yếu là một vấn đề kỹ thuật (nghĩa là, tới một mức phát triển nào đó, bất luận chính thể nào chấp nhận kinh

tế thị trường cũng có thể xử lý vấn đề phân phối), ngược lại sản xuất có khía cạnh xã hội học. Theo ước tính xem ra có căn cứ của OCDE thì nếu ta xét trường hợp nước Cộng hoà dân chủ Đức — tức là nước xã hội chủ nghĩa thành công nhất về mặt kinh tế — năng suất của một người lao động ở Đông Đức chỉ bằng 1/4 năng suất Tây Đức, và cứ theo đà phát triển bình thường, muốn bằng 1/2 năng suất Tây Đức phải đợi tới năm 2015. Sự thật là mấy chục năm bao cấp đã làm tiêu tan khái niệm “đạo lý lao động”. Hợp đồng xã hội giữa Nhà nước và người lao động mặc nhiên được tóm tắt vào mấy chữ: lương ít làm kém, làm kém lương ít. Huych toet hơn, người ta nói (câu này ở trên cửa miệng mọi người, ở Mạc tư khoa cũng như ở Hà Nội): *Nhà nước giả bộ trả lương và chúng tôi giả bộ làm việc*. Khi ông Gorbatchev (và nay ông Eltsine) tìm cách cải tổ, phá vỡ cái vòng lẩn quẩn đó bằng cách gắn liền lương bổng với sản lượng và lợi nhuận, thì đa số những người lao động không ủng hộ. Những người chủ trương kinh tế thị trường hy vọng làm được những điều mà các biện pháp nửa vời của *perestroika* đã thất bại, nhờ những kích thích tố vật chất và tâm lý (lương, bổng, chia lời, san sẻ trách nhiệm...). Hy vọng đó hợp lý — bất luận đường lối chính trị ra sao, miễn là chấp nhận luật chơi thị trường. Ở cấp độ này, chế độ dân chủ không có lý do gì làm dở hơn những chế độ chuyên chính. Ở một cấp cao hơn, nghĩa là trong những lãnh vực đòi hỏi tính sáng tạo, thì chế độ dân chủ nhất định sẽ làm tốt hơn, như chúng tôi đã viết trên cột báo Diễn Đàn<sup>4</sup>.

**3.** Còn vấn đề **chính trị** (tách rời chính trị và kinh tế có phần nào vô đoán)? Những người thù nghịch với ông Gorbatchev có lý khi họ nói rằng *glasnost* (trong suốt, công khai) và *perestroika* (tái tạo) chính là cặp bài trùng đã phá tan chính thể xô-viết. Nhìn thẳng sự thật, cá nhân tự lập, tự do tư tưởng, tự do phát biểu, tự do hành động...người Liên Xô một khi đã nếm mùi tự do rồi sẽ không dễ gì khoanh tay trước một chính quyền muốn trở lại quá khứ. Trong ý nghĩa này, vấn đề **Dân chủ hay Độc tài**? ngày nay không còn đặt ra ở các nước Đông Âu nữa. Nguy cơ duy nhất, như đã nói, là trong trường hợp kinh tế thất bại, nhân dân quá cực khổ, có thể vì tuyệt vọng và thiếu trưởng thành chính trị sẽ hiến thân cho một nhà tiên tri mị dân thường xuất hiện trong một tình thế khủng



Tại Quốc hội Nga, Tây phương nói với Quỹ tiền tệ quốc tế:  
“ Điều đáng mừng là dân chủ dường như đã bắt rẽ!! ”

hoảng. Song liều thuốc duy nhất hiệu nghiệm cho một xã hội chưa trưởng thành chính trị là thêm dân chủ, chứ không phải thêm chuyên quyền.

Cho nên, câu hỏi thực sự đáng bàn là : có nên phát động *perestroika* (như Gorbatchev đã làm) để rồi hệ thống xô-viết phải sụp đổ hay không ? « Gorbatchev đã làm nên Lịch sử. Song, cũng như mọi nhà cách mạng, ông ta đâu biết mình đang làm ra cái Lịch sử nào » (J.-C. Casanova). Khởi đầu, Mikhail Gorbatchev là một cán bộ của bộ máy (một *apparatchik*) muốn cải tổ, đi tìm một con đường trung dung, kết hợp thị trường và kế hoạch hoá. Nhưng bản chất một chế độ toàn trị là nó triệt tiêu mọi giải pháp trung dung, cho nên muốn cải tổ, Gorbatchev chỉ còn cách phá nó đi, kinh qua một kịch bản mà ngày nay nhìn lại, phải thấy là nó đã diễn ra suôn sẻ một cách đáng ngạc nhiên. Thể loại kịch bản ấy cho phép ta tiên liệu — song không ai dám định trước ngày tháng — số phận nào sẽ dành cho “con đường Trung Quốc”. (còn nữa)

Nguyễn Quang  
(N.G. biên dịch \*)

**Giờ chót :** Khi chúng tôi viết bài này (18.5), có tin đồn áp ở Thái Lan. Sự kiện này càng xác định rằng từ Thiên An Môn tới Băng Cốc, cho dù Ngân hàng thế giới và FMI chấm điểm thế nào chăng nữa, công cuộc dân chủ hoá không thể tách rời phát triển kinh tế và xã hội<sup>4</sup>.

\* Nguyễn Quang, biên tập viên *Điển Đàn*, chuyên viết tiếng Pháp. Theo yêu cầu của những bạn đọc ở trong nước, cũng như ở Đông Âu và Bắc Mỹ, và với sự đồng ý của tác giả, chúng tôi đăng bản dịch Việt ngữ. Tiếng Pháp nhuần nhuyễn của nguyên tác làm cho người dịch đau đầu. Và đau lòng vì phải lược bỏ những ý nhị ngôn ngoại của văn bản. Ấu đó cũng là cái giá phải trả để ý kiến của tác giả đi tới số đông bạn đọc.

<sup>1</sup> Xem *Didactique et démocratie*, Đoàn Kết số 430.

<sup>2</sup> Cũng nên nói thêm, điều này có lợi cho những nước con nợ của Liên Xô, như Việt Nam.

<sup>3</sup> Hội thảo L'Europe et les tribus (tháng 3.1992 ở Palais de Chaillot, Paris) và Où va l'Est ? (tháng 4.1992 ở trường Sorbonne). A. Michnik đã dùng hình ảnh này để mô tả tình trạng chiến tranh 1981 ở Ba Lan. *Bọn cướp* là chính quyền cộng sản Ba Lan, *nha thương* là công đoàn Solidarnosc (mà Michnik là một người lãnh đạo). Trong cuộc đối thoại với đại tướng W. Jaruzelski (phần cuối cuốn hồi ký *Les chaînes et le refuge*, J.-C. Lattès, 1992), ông nhắc lại Solidarnosz gồm ba luồng văn hoá tư tưởng: xu hướng công giáo quốc gia, xu hướng công đoàn dân túy, xu hướng trí thức dân chủ.

<sup>4</sup> Số muộn cũng cần phân tích và tổng kết con đường Trung quốc. Tạm thời, xin đọc Nguyễn Ngọc Giao, *Dân chủ là điều kiện của phát triển* (*Điển Đàn* số 8, tháng 5.1992), và N.Q., *La démocratie, pourquoi faire ?* (*Dien Dan Forum*, số 3, tháng 5.1992).

<sup>5</sup> G. Popov, *Que faire ? Un projet pour la Russie*, Belfond 1992.

<sup>6</sup> Theo một cuộc thăm dò dư luận, năm 1987, chỉ có 5 % số người được hỏi đặt hy vọng vào “kết quả tốt” của *perestroika*.

## Suy tư ..... (tiếp theo trang 16)

7. Xem *Hóa giá* nhà Diễn Đàn số này và *Kết quả bước đầu sửa sai việc bán hóa giá nhà ở thành phố Hồ Chí Minh*, Tuổi Trẻ 11.4.92.

8. Paczkowski Andrej, *Des partis, mais quels partis ?* (Bàn về chính đảng, mà chính đảng nào ?), Europe de l'Est : la transition, Problèmes politiques et sociaux số 636, 6.7.1990.

Sylvie Kauffmann, *La tentation populiste* (Sự cám dỗ của chủ nghĩa dân túy), Le Monde 12.9.1990.

9. *Mauvaise passe pour la Pologne* (Giai đoạn khó khăn cho Ba Lan), Le Monde 24.4.1992

Yves-Michel Riols, *La Hongrie désenchantée* (Hungary vỡ mộng), Le Monde 10.4.1992.

10. Mink Georges, *Dynamique des systèmes post-communistes* (Động thái của các hệ thống hậu cộng sản), Problèmes politiques et sociaux số 636.

11. Tâm Chánh, *Một số cơ quan đơn vị Nhà nước lại đi buôn lậu*, Tuổi Trẻ 3.3.1992.

12. Tác dụng phân rã của quá trình hiện đại hóa kiểu tư bản chủ nghĩa theo Marx và Engels trong “Tuyên ngôn đảng cộng sản”.

13. Catherine Monroy, *Difficile "lustration" en Tchécoslovaquie* (Cuộc “thanh lọc” khó khăn ở Tiệp), Le Monde 25.2.91.

### Lê Đạt

### Sáng soi

Ánh mang tình em đi  
Qua những đèo lẻ nắng  
Những sông trưa không đỡ  
Những đường mưa ngàn trắng

Ánh mang tình em đi  
Qua những đồi sim chín  
Những sắc cây mơ già  
Mùa rừng hoa mua tím

Ánh mang tình em đi  
Qua những mùa đất lạ  
Những sớm chim dị hình  
Những chiều sương bạc má

Dòng gió mù trời  
Em bóng sáng soi  
(1967)

### Vườn màu

Tuổi dậy pastel phô lụa  
Tranh Gauguin chiềng thổ cẩm phơi đào  
Đường nắng cánh xen đèn hội má  
Vườn màu hoa con gái  
bướm phù dâu  
(1972)

# Trông người - biết ta

Lý Thanh (Ba Lan)

## 1. Sơ qua tình hình Đông Âu sau bầu cử tự do

Thắng lợi của phong trào dân chủ ở Đông Âu và các cộng hòa sau Liên Xô đã là sự kiện lịch sử không thể đảo ngược được. Các chính thể cộng sản sụp đổ sau vài mươi năm xung hùng xung bá một phần thế giới. Không ít đồng bào trong và ngoài nước coi đây như một ví dụ để đánh giá tình hình Việt Nam. Tính tất yếu của cuộc cách mạng dân chủ cũng được đề cập nhiều. Nhưng thực tế tình hình Đông Âu diễn biến ra sao, khó khăn thuận lợi của tiến trình dân chủ thế nào?

Đông Âu còn là điển hình hay sẽ là bài học tốt cho chúng ta những người Việt mang khát vọng xây dựng một tổ quốc tự do dân chủ và phát triển.

Khủng hoảng của nền kinh tế tập trung xã hội chủ nghĩa bắt đầu từ những năm 70 là nguyên nhân chính dẫn đến sự bùng nổ của các phong trào dân chủ, những năm 50-60 ở Hungaria, Tiệp Khắc và Ba Lan đã có dấu tranh nhưng nặng tính chất chống Xô Viết hơn là đòi lật đổ chính quyền cộng sản. Tất nhiên các tổ chức chính trị đối lập, sức ép thế giới, ý thức đấu tranh lớn dần của quần chúng và ... M. Gorbatchov cũng góp phần không nhỏ. Nhưng chủ nghĩa cộng sản phá sản về kinh tế dần đến chính trị, dù muốn hay không đã phải từ bỏ quyền lực nhà nước. Ở những nước có đổi mới mạnh, biết hòa hoãn thương lượng, các lãnh đạo cộng sản biết thời thế, cuộc cách mạng xảy ra không đổ máu (Ba Lan, Tiệp Khắc, Hungaria) khác với những nước khác, do đặc thù nhiều dân tộc, tổ chức nhà nước hoặc độc tài sắt máu (Liên Xô, Nam Tư, Rumani) dẫn đến chiến tranh hoặc đổ vỡ khốc liệt.

Nhưng ở tất cả các nước sau cộng sản Đông Âu, các chính quyền dân cử sau bầu cử tự do đều đang phải gánh vác sự sụp đổ của kinh tế xã hội chủ nghĩa nhiều năm. Khắp nơi người ta nói đến mô hình Tây Âu, tư nhân hóa, kinh tế thị trường tự do, bảo vệ dân tộc tính sau nhiều năm cộng sản hóa, xô viết hóa. Nhưng thiếu một đường lối kinh tế nhanh và hiệu quả, thiếu viện trợ nước ngoài, cho vay tín dụng, giảm nợ từ phía Cộng đồng kinh tế Âu châu (EEC) và các nước giàu có khác, tiến trình xây dựng dân chủ bị đe dọa.

Trong năm 1992 nếu thiếu 20 tỷ đôla viện trợ, cải cách kinh tế của Đông Âu sẽ được đặt dưới một câu hỏi lớn. Ngoài Ba Lan, Hungaria, Tiệp Khắc đã giành được kết quả khả quan chống lạm phát, các nước vùng Ban-căng (Hungaria, Rumani, Nam Tư đang "cháy giá", ở các cộng hòa sau Liên Xô giá bán lẻ tăng 10%/tháng (1991). Mức tăng trưởng kinh tế tính theo phần trăm/năm của Đông Âu năm 1991 là -12%/năm,

các cộng hòa sau Liên Xô là -10,6% ; dự đoán năm 1992 khả quan hơn, Đông Âu 2,1% ; cộng hòa sau Liên Xô -3,9%.

Chính trị ổn định xét về hình thức bề ngoài, mâu thuẫn quyền lợi giữa các tầng lớp, sắc tộc, tệ nạn xã hội, tội phạm hình sự bắt nguồn từ quá khứ bây giờ lộ ra. Chính quyền mới, đường lối mới nhưng phần đông công chức vẫn là những người hôm qua ngồi đó. Không dễ đổi mới cả dân tộc. Tâm lý dân chúng, nhất là những người đã quen với cách làm việc cũ, thường là thất vọng và chán ngấy.

Thất nghiệp tăng, các trợ cấp xã hội bị cắt giảm. Như sau cơn mưa, đất trời tuy có thoáng đãng hơn thì các nhóm cựu hữu bài ngoại lại nổi lên như nấm. Không kể Đông Đức cũ có thể nghe nói đến Mặt trận quốc gia ái quốc của J. Pasznin (Nga), Hội vương miện thánh (Hungaria), các nhóm Cộng hòa ở Tiệp, Cộng đồng quốc gia Ba Lan, đảng Quốc gia Ba Lan của Tejkowski ở Ba Lan... Các chính phủ mới thường không làm gì hữu hiệu để ngăn chặn những tổ chức bài ngoại hay phát xít mới này, chưa kể nhiều bọn côn đồ vô tổ chức đánh người nước ngoài tùy ý tùy chỗ. Người Việt nhỏ bé yếu ớt, dễ nhận dạng rất hay là đối tượng tấn công của bọn chúng.

## 2. Tình hình Ba Lan - một bài học

Nhìn vào Ba Lan một nước gần 40 triệu dân nổi tiếng từ Công đoàn Đoàn Kết Solidarnosc, ta thấy gì sau hai năm cách mạng :

Nền cộng hòa thứ 3 từ 12.1989 đến nay thay ba thủ tướng mỗi vị đều có sáng kiến riêng lúc đương chức. Thủ tướng đầu tiên T. Mazowiecki coi đồng minh và bạn hàng quan trọng nhất của Ba Lan là Pháp, thủ tướng sau J. K. Bielecki thì chọn Đức, ông đương chức là J. Olszewski thì chọn Italia. Tổng thống Lech Walesa có hướng về Mỹ nhưng không rõ ràng. Bên trên cuộc chiến giành quyền lực liên miên chưa dứt Ba Lan hiện có 250 đảng và tổ chức chính trị hợp pháp (được vào sổ) trong đó có 65 đảng ra tranh cử nghị viện và chỉ 29 đảng có ghế. Tự do dân chủ được nói đến mọi nơi mọi chỗ trên miệng các chính khách, trong các văn kiện nhà nước và dĩ nhiên mỗi người hiểu theo một kiểu. Quốc hội hai viện luôn mâu thuẫn với tổng thống. Các chức vụ chủ chốt của Nhà nước như thủ tướng chính phủ, chánh án tòa tối cao, tòa án hiến pháp, chủ tịch tối cao công tố viện (NIK), v.v... liên tục thay nhân sự do sự hợp-tan của các đảng phái trong nghị viện.

Trong các đảng chiếm nhiều ghế nhất có Liên minh dân chủ (Unia demokratyczna) của cựu thủ tướng T. Mazowiecki, Đại hội tự do dân chủ (Kongres liberalno-demokratyczny) của cựu thủ tướng thứ nhì J. K. Bielecki, Liên hiệp thiên chúa giáo quốc gia (Zjednoczenie chrzecjansko-narodone) của giáo sư W. Chrzanowski, Đại hội Ba Lan độc lập (Konfederacja Polski Niepodlegle) của giáo sư sử học L. Moculski, Liên hiệp dân chủ cánh tả SLP (cộng sản cũ) và Liên minh trung tâm (Porozumienie centrum) của S. J. Kacrynski v.v... Các đảng phái hợp lại tan, đảng nào cũng nắm chắc lý lẽ. Unia demokratyczna chiếm 64 ghế trên tổng số 460 trong nghị viện thì luôn đóng vai đối lập ý dù số ghế cao nhất, bên cạnh đó SLP vốn thừa kế cả người lẫn của từ đảng Công nhân thống nhất Ba Lan năm xưa chiếm số đông thứ nhì sau Unia cũng luôn phủ quyết phá quấy nghị trường.

Bên dưới các cuộc đình công biểu tình từng là vũ khí hữu hiệu chống cộng sản nay nhầm vào chính phủ. Tuyệt thực

không còn là chuyện lạ và là “độc chiêu” của công nhân đường sắt và nông dân.

Chương trình cải cách kinh tế, mang tên L. Balcerowicz (nhà kinh tế không đảng phái) nhằm tư nhân hóa nền kinh tế quốc doanh, chuyển sang kinh tế thị trường tự do, xây dựng thị trường chứng khoán, chống lạm phát đang gấp phải chống đối ghê gớm. Theo điều tra xã hội của CBOS chỉ 5% dân Ba Lan đồng ý tiếp tục chương trình Balcerowicz không sửa đổi gì, 80% dân Ba Lan đánh giá điều kiện sống tồi, 90% thấy một sự căng thẳng bao trùm xã hội. Thiếu những quyết định dứt khoát và hợp lý trong kinh tế dẫn đến sự mất niềm tin. Theo tivi Ba Lan 26.2.92, tới 92% dân chúng coi tình hình đất nước xấu đi... Khái niệm dân chủ không được đánh giá tốt đẹp như thời cùng nhau xuống đường đấu tranh. Người dân dễ tin nhưng dễ nản một phần vì khoảng cách giữa mức sống Ba Lan với các nước Tây Âu quá xa. Tự do đi lại nhưng không có tiền để đi. Như tổng giám mục Ba Lan Jozef Glemp chia sẻ nhận định : “*Người nghèo thì không thể hoàn toàn tự do được.*”

Nguyên nhân thì nhiều nhưng dù sao đi nữa niềm tin cần phải được củng cố. Nhìn vào chính trường, ít có người dân Ba Lan nào hài lòng. Tham gia bầu cử nghị viện chỉ có 45% dân số (trước đây tổng bầu cử tổng thống số cử tri nhiều hơn)... Dân chủ sẽ thế nào nếu chính người dân không buồn nghĩ đến nó. Bầu cử tự do đã là một thắng lợi lịch sử, nhưng sau đấy các chính khách quên mất rằng người dân đang mang hy vọng cuối cùng trong chặng đường dài gian khổ đấu tranh đến tự do và phồn vinh. Hy vọng và niềm tin này rất mỏng manh và rất dễ bị phụ lòng.

### 3. Dân chủ cho Việt Nam

Người Việt chúng ta đấu tranh cho dân chủ và đang nói nhiều đến dân chủ trong cũng như ngoài nước. Dân chủ đã mang một ngữ nghĩa mù mờ khó hiểu. Cộng sản Việt Nam nói : “... mở rộng dân chủ”, ý như dân chủ thế nào là tùy tay “thắt mồ” của Đảng. Lãnh đạo Đảng và Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, dù vật đổi sao đổi vẫn đang ở vị trí “quan phụ mẫu” trên dân chúng, vì thế nói đến dân chủ xã hội chủ nghĩa thật đáng xấu hổ. Các đoàn thể hải ngoại ở vị trí đối lập cũng bàn nhiều về hai chữ dân chủ. Người viết bài này không có ý tranh luận với mọi người, vì việc cất nghĩa từ ngữ cao siêu như vậy nên để cho các bậc tài cao học rộng trong cộng đồng. Ở đây chỉ nêu ra một cái nhìn từ thực tế Đông Âu và Ba Lan, một nỗi lo cho số phận dân tộc đang trong những ngày tủi cực và một tương lai chưa xác định.

Điều trớ trêu của tình thế là đối lập Việt Nam chỉ mạnh ở nước ngoài, có thể gọi là “đối lập Việt kiều”. Trong nước đối lập mới vừa nhen nhóm, còn rất yếu ớt mang tính tư tưởng hơn là một lực lượng.

Để đi đến một thay đổi chính trị tích cực trong nước (dù gọi là cách mạng hay không cách mạng thì nó cũng sẽ chỉ như vậy) từng người Việt Nam tiến bộ phải đấu tranh thống nhất được đường lối đấu tranh và tập hợp được một lực lượng đã là thắng lợi lớn. Nhưng đấy mới chỉ là chặng đường nhu công đoàn Đoàn Kết đã đi trong gần 10 năm. Tiếp đó là bầu cử tự do sau khi bắt chính quyền cộng sản phải ngồi vào hội nghị bàn tròn. Nhưng bầu cử tự do không phải là chiếc chìa khóa vàng hay câu “*Vùng ơi mở ra!*”, sau cánh cửa chặng

chờ một kho báu mà là một căn bếp bể bôen đổ nát. Dọn sạch rồi mới cùng nhau nấu cho ra một món. Một cuộc cãi vã chọn thực đơn không làm đồ nấu và dụng cụ nhà bếp (vốn chất lượng chưa cao) thay đổi.

Xét cho cùng tuy màu sắc còn đôi chút nhưng nhà cầm quyền Việt Nam thực tế đã chuyển từ dạng công sản quân phiệt sang dạng mafia chính trị-kinh tế. Họ cũng đưa ra những khẩu hiệu hấp dẫn : kinh tế thị trường, dân chủ, trong sạch bộ máy, chỉ thiểu mỗi hai chữ đa nguyên. Tuy thế tình hình cũng chẳng khác. Ở Ba Lan, chính phủ cộng sản thời thủ tướng Rakowski cũng nhăm nhe cải cách kinh tế mở rộng dân chủ, nhưng rồi phải vay cả tiền của Liên Xô chuyển qua KGB để làm kỳ đại hội lần chót, đưa ma đảng Công nhân thống nhất Ba Lan.

Ở Việt Nam không khí ngột ngạt, chính thể đang phải gắng sức chống lại ba sức ép ; từ thế giới : ý thức hệ, nhân quyền ; trong nước : mất niềm tin, đòi hỏi quyền lợi kinh tế và tự do của nhân dân, nạn tham nhũng, tội phạm hình sự ; trong vùng : yếu kém về làm ăn dẫn đến mất chủ quyền.

Quần chúng cần gì ? Đây là điều cả chính quyền và đối lập đều muốn biết. Đối lập chẳng nên tiếc rằng ở Việt Nam chưa thay đổi như Đông Âu, cái may duy nhất còn lại là đối lập có thời gian nghiên cứu tình hình, rút ra bài học đấu tranh, hoạch định đường lối đúng hơn...

Tất nhiên trong cùng một thời gian đó nhà nước cộng sản cũng xem xét và rút kinh nghiệm bảo vệ chính quyền. Cuộc chiến sẽ gay go hơn nhưng không vì thế mà phải khốc liệt hơn. Ở các nước Đông Âu và ngay trong Liên Xô cũ, tinh thần chống xô-viết của các dân tộc đấu tranh cho tự do đã là nguyên nhân lớn trong nhiều nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản. Vai trò của các tổ chức tôn giáo cũng không nhỏ. Ở nước ta, tinh thần bài Xô không giữ vị trí quan trọng trong tư duy đối kháng của nhân dân. Có chăng là bất công xã hội và sự thối nát của bộ máy nhà nước gây nên căm phẫn.

Làn sóng chống đối chỉ có thể nổi lên cùng các mâu thuẫn trong nước. Theo con đường của Đông Âu và gần đây là Trung quốc, phong trào dân chủ Việt Nam cần một đối lập mạnh trong nước. Các đoàn thể hải ngoại cần giúp đỡ hết sức mình cho một lực lượng đối lập bằng xương bằng thịt ở nước nhà. Cùng lúc trí thức Việt Nam cần dấn thân đối thoại với các tầng lớp khác. Một cuộc thay đổi ở trên nếu xảy ra, sẽ chỉ dẫn đến một cuộc xây dựng dân chủ từ trên xuống. Như ở Ba Lan hiện nay, giữa giới chính khách, giới trí thức chuyên môn (khác trí thức tham chính) và dân chúng có đầy những bất đồng bắt nguồn từ phong trào công đoàn Đoàn Kết. Đó là một tam giác cản đường rất khó dù sẽ phải chuyển sang một hình tròn có khả năng lăn đi. Mọi lối phân bè kéo cánh mang danh dân chủ chỉ có hại cho nhân dân và cho bản thân. Mọi lời hứa hão đều độc hại và dễ biến anh hùng thành anh hề. Người viết bài này hết sức mong đối lập Việt Nam sẽ hợp thành một lực lượng mạnh, ngược với sự tan rã của công đoàn Đoàn Kết từ 1 thành 250 đảng. Chúng ta có thời gian suy nghĩ và hành động. Đã dành là chậm hơn người nhưng biết đâu vì thế sẽ lại hiệu quả hơn.

L. T.

Tưởng nhớ Phạm Văn Ký và Nguyễn Mạnh Hà

## **đôi điều về hai người vừa ra đi**

Nhà văn Phạm Văn Ký đã từ trần tại Paris tháng 4.1992, thọ 77 tuổi. Tang lễ đã cử hành trong vòng thân mật ngày 27.4.1992.

[*Phạm Văn Ký sinh ngày 10.7.1916 tại Quảng Nam trong một gia đình đông anh em (trong các em trai của ông, có thể kể nhà thơ Phạm Hổ và nhạc sĩ Phạm Thế Mỹ). Trước khi sang Pháp năm 1938, Phạm Văn Ký đã tham gia phong trào Thơ Mới. Tại Pháp, sau ngày giải phóng, ông phụ trách chương trình phát thanh hướng về Việt Nam của đài RTF. Ông tập trung sáng tác bằng tiếng Pháp nhiều tiểu thuyết và vở kịch. Tác phẩm chính : Frères de sang (Seuil), Celui qui régnera (Grasset), les Yeux courroucés (Gallimard), Perdre la demeure (Gallimard, Giải thưởng lớn của Viện hàn lâm văn học Pháp 1961).*]

Ông Antoine Nguyễn Mạnh Hà đã từ trần ngày 4.5.1992, thọ 80 tuổi. Lễ tang đã cử hành tại nhà thờ Saint-Pierre-Saint-Paul (Ivry-sur-Seine) ngày 11.5.1992, với sự có mặt của gia đình và đồng đảo bạn bè Việt Nam, Pháp và các nước.

[*Sinh năm 1913, quê tại Hải Hưng, trong một gia đình Công giáo lâu đời, ông Nguyễn Mạnh Hà đã du học tại Pháp, tốt nghiệp tiến sĩ kinh tế. Ông sáng lập phong trào Thanh Lao Công. Năm 1945, tham gia chính phủ đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, ở cương vị bộ trưởng kinh tế, ông đã đóng vai trò quyết định trong việc tổ chức cứu đói. Là một người Công giáo yêu nước nhiệt tâm, Antoine Nguyễn Mạnh Hà đã cống hiến trọn đời cho sự hòa nhập của cộng đồng Kitô vào cộng đồng dân tộc, cho sự cải thiện quan hệ giữa giáo hội Công giáo và chính phủ cách mạng và cho sự thiết lập quan hệ giữa Vatican và Việt Nam. Cho đến những năm tháng chót của cuộc đời, ông không ngừng tìm cách đóng góp vào công cuộc dân chủ hoá (tháng giêng 1990, ông là một trong 32 người đầu tiên ký tên vào Tấm thư gửi các nhà lãnh đạo Việt Nam, đồng bào trong nước và ngoài nước) và giúp Việt Nam mở cửa về kinh tế.*

Tại Pháp, ông đã cùng ông Louis Moulinet, người bạn thân đã hoạt động trong phong trào Thanh Lao Công Pháp, thành lập hội 13e sans frontières. Hội này đã hoạt động tích cực giúp cộng đồng người Đông Dương ở quận 13 Paris hội nhập vào xã hội Pháp.

Nhắc lại cuộc đời và sự nghiệp của Antoine Nguyễn Mạnh Hà, không thể không nói tới người bạn đời chung thuỷ của ông : bà Renée Nguyễn Mạnh Hà, nhũ danh Marrane (con gái ông Georges Marrane, thị trưởng cộng sản đầu tiên của thị xã Ivry-sur-Seine)].

Cùng một tuần, nhận được hai tin buồn dồn dập, làm dậy lên những ân hận vì những cuộc hẹn không thành, những việc làm chưa xong.

Tôi cũng không nhớ lần chót được gặp anh Phạm Văn Ký là vào năm nào. Rất có thể cách đây gần đúng 20 năm, trong buổi diễn vở kịch *La Pluie* (Mưa) của anh, do đạo diễn Antoine Vitez dàn dựng, tại Ivry-sur-Seine, cách không xa ngôi nhà của ông bà Nguyễn Mạnh Hà. Hồi ấy, anh Ký ở Maisons-Alfort. Vì có nỗi buồn riêng, anh tránh tiếp xúc bằng điện thoại. Mấy năm gần đây, dọn nhà về Maisons-Alfort, có ý đi tìm anh, thì lại nghe nói anh đã dọn ra Paris. Nỗi buồn mà tôi vừa nói, thực ra cũng là nỗi buồn mà những ai thiết tha với văn nghiệp của Phạm Văn Ký đều muốn chia sẻ. Năm 1970, Phạm Văn Ký về thăm miền Bắc, từ Nam Quan qua Hà Nội, đến bờ bắc sông Bến Hải, để mường tượng ra quê hương Quảng Nam của anh, phía bên kia chân trời. Lần ấy là lần đầu tiên sau 32 năm, anh về nước, cũng là lần cuối : anh chỉ gặp một người em trai là nhà thơ Phạm Hổ, còn nhạc sĩ Phạm Thế Mỹ, em út của anh, anh chỉ gặp qua những bài nhạc vang lên trong phong trào đô thị miền Nam. Sau chuyến về nước đầy xúc động ấy, Phạm Văn Ký đã viết rất nhanh một tập bút ký, với một mạch văn và văn phong tắt nhiên rất khác *Perdre la demeure* (Mất nhà), mà nhiều nhà phê bình chờ đợi sẽ được giải Goncourt năm 1961, nhưng không may nó lại bị... được giải Viện hàn lâm " phỗng tay trên " — hồi đó, giải thưởng văn học chưa phải là một nguồn lợi kinh tế ghê gớm, nhưng cũng đã là đối tượng phân tranh giữa mấy nhà xuất bản lớn ở Paris. Tập bút ký nóng bỏng viết xong năm 1971 của Phạm Văn Ký đã bị xếp trong ngăn kéo của nhà xuất bản, với lời khuyên ân cần " Anh nên trở lại dòng văn vẫn có ". Từ đó, không một tác phẩm nào của Phạm Văn Ký còn xuất hiện trên văn đàn. Tôi hiểu rằng anh không chịu khuất phục lời định hướng ân cần đó. Phạm Văn Ký đã ứng xử như một nho sĩ trong *Perdre la demeure*, cuốn tiểu thuyết mà anh đã chọn khung cảnh là nước Nhật thời Minh Trị, nhưng thật ra vượt khỏi khuôn khổ này, vì nó làm sống lại thế giới nội tâm của tầng lớp trí thức Đông phương trong cuộc đổi mới cách đây 200 năm.

Mấy dòng về Phạm Văn Ký để ghi lại đôi điều về một nhà văn Việt Nam viết tiếng Pháp. Dòng văn học này không nhiều người, và ít được biết tới (đến mức cuốn từ điển Robert 2, in năm 1974, mà còn viết Phạm Văn Ký là một bút hiệu của... Phạm Duy Khiêm).

Về ông Nguyễn Mạnh Hà, mà tôi xin gọi bằng bác, vì quen gọi như vậy, tôi thấy không cần viết nhiều : tôi tin rằng nhiều người khác, có khả năng hơn, sẽ viết về ông. Đặc biệt tôi nghĩ tới nhà nghiên cứu trẻ tuổi Trần Thị Liên, đã bắt đầu tìm hiểu hoạt động của Nguyễn Mạnh Hà giữa những năm 1954-1955 ở Phnom Penh.

Chỉ xin ghi lại đây ấn tượng mạnh nhất mà mỗi lần nói chuyện với bác Nguyễn Mạnh Hà càng khắc thêm sâu trong tôi. Nếu được nói vui trong giờ phút buồn này, thì có thể nói gọn : Nguyễn Mạnh Hà là gạch nối của hai tôn giáo, hai giáo hội. Giáo hội Công giáo — ông đã sinh trưởng trong lòng giáo hội này — và Đảng cộng sản Việt Nam, với những nét rất tôn giáo (ngọn lửa của niềm tin, của Tin Mừng sáng thế — phần sáng, cũng như hoả ngục của thời Inquisition — phần tối). Lịch sử hai ngàn năm đầy âm thanh và cuồng nộ của Công giáo đã cung cấp cho ông một cách hiểu đặc đáo, thấu đáo mà thông cảm, lịch sử chưa đầy trăm năm của chủ nghĩa cộng sản, qua chiếc chìa khoá hiếm có là mối quan hệ mật thiết với chủ tịch Hồ Chí Minh và hai ông Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp.

Nguyễn Ngọc Giao

Đọc

# Nỗi Buồn Chiến Tranh (Thân phận tình yêu)

của Bảo Ninh (NXB Hội Nhà Văn 1991)

Giải thưởng Hội Nhà Văn năm 1991

Hoài Văn

Một năm sau ngày hòa bình, Kiên, một người lính Trường Sơn có dịp trở lại trận địa cũ, nơi có những địa danh không thể nào quên được : truông Gọi Hồn, hồ Cá Sấu, sông Sa Thầy, đèo Thăng Thiên, Ngọc Bơ Rây... Tại đây anh đã từng chiến đấu, đã từng mục kích những cái chết của đồng đội, của bạn bè, và bây giờ, cũng tại đây, anh sẽ bắt đầu một cuộc hành trình trở về quá khứ.

Kỷ niệm sẽ ập đến anh, ròn rập, không theo thứ tự thời gian, đan cài với nhau, kỷ niệm về chiến tranh, về tình yêu, về những con người, những số phận trước và sau chiến tranh.

Thực ra, nỗi buồn chiến tranh đã xâm chiếm lấy tâm hồn anh ngay từ ngày đầu bước vào hòa bình, một nền hòa bình chẳng có gì để hứa hẹn với anh cả :

"Hào quang choáng ngợp buổi đầu sau chiến tranh đã chóng vánh mai một trong từng thân phận. Những người đã chết đã chết cả rồi, người được sống tiếp tục sống song những khát vọng nồng cháy từng là cứu cánh của cả một thời, từng soi rọi cho chúng tôi nội dung lịch sử, thiên chức và vận hội của thế hệ mình, rủi thay đã không thể thành ngay hiện thực cùng với thắng lợi của cuộc kháng chiến như chúng tôi hằng tưởng. Đến bây giờ, đến lúc này đây, bạn hãy xem thực chất quanh ta có gì khác hơn ngoài cuộc sống tầm thường và thô bạo của thời hậu chiến" (NBCT, tr. 50)

Kiên ngược dòng thời gian để sống lại những kỷ niệm và chỉ thế thôi, anh không triết lý nhiều. Anh cũng như nhiều người khác cùng thế hệ đã lao vào cuộc chiến với một lý tưởng trong trắng, đã mất cả tuổi trẻ, nhưng rồi đã thất vọng. Trở về với cuộc sống trong hòa bình, lẽ ra là một cuộc sống bình thường, anh cũng không nhìn thấy được lối thoát nào hơn là sống lùi lại trong ký ức.

*Nỗi Buồn Chiến Tranh* không phải là một bản cáo trạng lên án toàn bộ cuộc chiến tranh. Nó chỉ là một " bài ca kinh hoàng " về chiến tranh, một " tiếng kêu thương ", một nỗi trăn trở của một nạn nhân chiến tranh.

Kiên không phải không có quan niệm gì riêng cho mình về chiến tranh, tuy rằng nó khá đơn giản : khi anh được xếp vào danh sách đi học dài hạn ở Trường sĩ quan lục quân anh đã từ chối, anh "... chắc chắn chẳng bao giờ chịu trở thành hạt giống cho những vụ mùa chiến tranh liên miên. Anh chỉ muốn được yên thân, yên với số phận con sâu cái kiến của chiến tranh... sẵn sàng chịu mọi tai họa của chiến tranh..." (NBCT, tr. 20), hoặc "... Bao thắng khốn nạn ưng dung hưởng lộc chiến tranh chỉ con các nông dân là phải dứt lòng ra đi bỏ lại đằng sau cảnh mẹ già màn trời chiếu đất..." (NBCT, tr. 22).

Tuy nhiên, ngay cả với những giới hạn của nó do hoàn cảnh bó buộc, hay cố ý, theo tôi *Nỗi Buồn Chiến Tranh* vẫn là cuốn tiểu thuyết viết hấp dẫn nhất, " ác liệt " nhất từ trước tới nay về chiến tranh và tình yêu.

Bảo Ninh có cái nhìn sắc bén của người từng trải đi đôi với một ngôn ngữ diễn đạt tinh tế và chính xác, một giọng văn trữ tình, thiết tha, sôi nổi.

Về cấu trúc, hay kỹ thuật kể chuyện, hai chủ đề lớn của tác phẩm : chiến tranh và tình yêu đan cài vào nhau, nhưng tất cả đều xoay chung quanh nhân vật chính là Kiên làm cho dòng kể đỡ tản mạn, rõ rắn.

Những câu chuyện và hình ảnh trong truyện để lại cho người đọc những ấn tượng khó quên : hình ảnh ba cô gái ở truông Gọi Hồn và bọn lính thám báo, cái chết của Can, Biền anh lính bị diên, hình ảnh cô Lan ở Nhã Nam, cô gái điên ở hồ Thuyền Quang, cô gái câm ở cùng nhà với Kiên, Hạnh cô hàng xóm, Hiền thương binh... và nhất là những hình ảnh về Phương, người yêu của Kiên.

Thêm vào đó là những câu chuyện quái đản, những chuyện dị đoan mà dân chúng thường say mê. Xu hướng hay phương pháp " hư cấu " này thực ra có trong truyền thống văn học dân gian và không phải chỉ riêng ở Việt Nam mới có mà khá phổ biến trong văn học nghệ thuật thế giới.

Hình ảnh các âm hồn lính của tiểu đoàn 27 " tụ họp trên trảng nhu là để điểm danh " không khác gì mấy với hình ảnh những oan hồn lính xuất hiện ở " Con đường hầm " trong phim " Những giấc mơ " (Rêves) của Akira Kurosawa (1989).

Tôi chỉ ước mong một ngày kia *Nỗi Buồn Chiến Tranh* sẽ được dịch sang tiếng Pháp hoặc tiếng Anh, để giới thiệu với người nước ngoài một áng văn hay về chiến tranh và về tình yêu.

quảng cáo

## Manoir d'Aubonne : Nghỉ mát tắm biển ở Trouville, tây bắc Paris

Vịnh Cam Tuyền Dã thư (1985)

Giao sư Hoàng Xuân Hãn

Một lối thênh thênh vượt cõng vào  
Giữa hàng hông tía dưới tùng cao  
Lối tường rộc rạc, nâu xén trắng  
Sân sỏi bao quanh, bạc lấp ló  
Gác nấp cây um, chim riu rít  
Song nhìn biển thấp, sóng lao xao  
Kìa dã thư Cam Tuyền thư  
Thú nhất là đây Việt diệu sáo.

Hoạ thư Cam Tuyền Dã thư (1992)

Nghệ sĩ Xuân Hải

Trời biển núi dồi hoạ sắc vào  
Cam Tuyền dã thư cảnh thanh cao,  
Tường vương giắc mộng bình minh rạng  
Sân nhô xuân nào nắng ưng đào.  
Đất Việt trời Tây, người lãnh đậm,  
" Nước Lành " bể nát, dạ xôn xao.  
Đa mang ai hối cùng ta với  
Góp sức chung tay ứng chịu sao.

Cam Tuyền Dã Thư (Manoir d'Aubonne " Nước Lành " ) có gập nhiều khó khăn, hư hỏng. Nay đã khắc phục được khá, và cần người giúp ý kiến, cần người ra nghỉ mát, cần người giúp sức. Nay có bốn appartements có đủ tiện nghi. Mỗi appartement ở được bốn, năm người, giá trung bình Juillet-Août vào khoảng 1500F một tuần.

Liên lạc điện thoại số 60 10 42 25, N.X. Hải.

# Đặng Tiến đọc

## nghĩ trong mùa xuân

của  
Thế Uyên

*Nghĩ trong mùa xuân* là tác phẩm của Thế Uyên vừa xuất bản tại Hoa Kỳ, gồm mươi hai tiểu luận, bút ký liên quan đến tình hình Việt Nam và đời sống người Việt nước ngoài, qua nhận định của một người Việt ở Mỹ.

Thế Uyên là nhà văn nổi tiếng tại miền Nam trước đây ; trước 1975 anh đã có trên hai mươi tác phẩm, chủ yếu là truyện ngắn, bút ký. Đặc biệt anh đứng ra chủ trương nhóm văn hóa *Thái Độ* (khoảng 1965), ra báo và in sách, trong tham vọng tìm cho miền Nam một thể chế chính trị lành mạnh, không theo cộng sản và cũng không theo Mỹ. Là sĩ quan trừ bị cấp úy, anh bị bắt đi học tập trong ba năm, rồi về sống vất vưởng tại Sài Gòn. Rời Việt Nam năm 1987 trong diện đoàn tụ gia đình, anh định cư tại Hoa Kỳ, tiếp tục đi học mặc dù tuổi đã quá năm mươi, và tiếp tục viết sách, viết báo, đã xuất bản ba tác phẩm, chưa kể những tác phẩm in lại.

Từ ba mươi năm nay, trừ giai đoạn không được viết, Thế Uyên luôn luôn là ngòi bút tiên phong trong những vấn đề chính trị, xã hội. Ngòi bút lúc nào cũng nhạy bén, sắc sảo, dũng cảm, luôn luôn cương lại thời đại. Thế Uyên được cảm tình của nhiều người đọc, thường là thiểu số trí thức, và anh cũng bị nhiều người căm ghét, từ thời Thiệu đến thời cộng sản. Ra đến nước ngoài, anh vẫn giữ vững tiết tháo, và mới đây bị nhiều hội đoàn di tản chụp mũ, mạ lỵ và hăm doạ, như *Diễn Đàn* đã đăng số trước.

Thế Uyên đã hướng những ý *Nghĩ trong mùa xuân* về nhiều đề tài khác nhau :

Về chính trị, anh mong mỏi có sự thay đổi nhanh chóng và toàn diện ở chế độ Việt Nam hiện tại. Sự thay đổi ấy sẽ xảy ra trong nước và do người trong nước thực hiện. Vai trò của người Việt nước ngoài rất từ tốn, và dừng lại ở mặt khoa học kỹ thuật « về điểm này thì cộng đồng hải ngoại có vốn rất khéo, nhưng vốn này lại bao gồm đa số là những người trẻ đi sau hoặc thuộc thế hệ di dân đời thứ hai. Sẽ có những thanh niên đầy lý tưởng từ khắp các nơi trên thế giới trở về... Nhưng rồi họ sẽ ra đi. Bởi vì một con người lớn lên ở nơi nào thì nơi đó mới là quê hương đích thực để mà tha thiết tưởng nhớ » (tr.15-16). Ngoài ra,

người Việt nước ngoài không nên nuối một ảo tưởng nào về vai trò chính trị của mình, vì « chính trường chính là nội địa Việt Nam. Thắng được hay thua thêm một lần nữa cũng tại phần đất này mà thôi. Đâu có thể ngồi ở hải ngoại mà mơ màng một ngày đẹp trời, nhân dân nội địa vùng lên được, thay đổi chế độ, mình chỉ có việc đáp phi cơ tiện nghi, quần áo đẹp, tiền đầy túi, bước xuống phi trường Tân Sơn Nhất để làm Tỉnh Trưởng, Bộ Trưởng, Dân Biểu, Thượng Nghị Sĩ được » (tr.11). Chưa kể « đã là công dân Mỹ rồi, chúng ta đâu còn quyền hoạt động đấu tranh gì về chính trị nữa trong khuôn khổ một chế độ đa nguyên mà chúng ta mong ước sẽ có ở Việt Nam » (tr. 12). Nhưng trở ngại trầm trọng nhất là : « Hơn mười sáu năm trôi qua rồi mà nếu chúng ta không thực hiện được bình đẳng với nhau, không tôn trọng tự do của nhau, không giải quyết được mọi bất đồng theo tinh thần và thể chế dân chủ, thì thử hỏi chúng ta sẽ mang lại cái gì cho bà con đồng bào mình bên kia biển Thái Bình Dương » (tr. 177).

Mới sang Mỹ được vài ba năm, Thế Uyên đã có những nhận xét tinh tế về thái độ một số người cao tuổi ở đây. Lê ra tuổi tác và tư thế của họ phải tạo ra sự chùng mực và hoà nhã, thì ngược lại một số người trẻ thành quá khích và thô bạo — trái với truyền thống Việt Nam, các bô lão thường là lực lượng hoà giải trong hương thôn. Thế Uyên giải thích : « Óc da số đã khép kín với mọi biến chuyển bên ngoài, từ chối tiếp thu kiến thức mới, thậm chí đến cả sinh ngữ Anh Pháp Đức cũng không học nổi (...) Dĩ nhiên có những người già hiện nay và sắp già trong mươi năm tới rất ghét cộng sản và có huyết hải thân cùu với chế độ này. Thành phần này thà làm một người di tản buồn, người tị nạn sầu bi, chết già nơi quê người còn hơn là đội trời chung với cộng sản... » (tr. 17). « Các ông bố già mất dần vị trí gia trưởng, quyền uy vẫn có từ hồi ở bên nhà. Nhìn ra ngoài xã hội da trắng nơi mình mới định cư, thì thân phận mình càng lại không khéo gì hơn. Từ hoàn cảnh đó, nếu có những người già có nhiều mặc cảm thì cũng là điều dễ hiểu. Và khi đã có mặc cảm như thế thì phản ứng đương nhiên là tìm cách bù trừ. Và khi phản ứng bù trừ, thường thường con người dễ cực đoan, độc tôn và độc đoán » (tr. 169). Những cụ này đứng ra lãnh đạo những hội đoàn « tự cho mình là trưởng lão khôn ngoan... những đồng bào khác chỉ có việc thi hành theo kỷ luật quân đội. Ai không đồng ý, không nghe theo thì sử dụng ngay tới bạo lực trong ngôn ngữ, hay đôi khi tệ hơn, bạo lực trong thực tế » (tr. 171).

Hào khí của quý vị trưởng lão kia đã chuyển lửa sang hùng tính của giới tăng sĩ Phật giáo. « Kể từ khi tới Hoa Kỳ, tôi cũng có thấy cảnh các tăng sĩ áo vàng xách thiền tượng đi cả bầy, liên kết với năm môn phái khác, kéo tới Quang Minh Đỉnh để tiêu diệt Minh giáo lúc đó bị chụp cho cái mũ ma giáo. Các tăng sĩ Thiếu Lâm ấy trước khi động thủ, bao giờ cũng than : “ Thiện tai ! Thiện tai ! Bần tăng hôm nay phải khai sát giới ”. Nhưng đó là chuyện xảy ra trong phim chưởng (...) Dĩ nhiên các vị tăng ni kiêm tướng lãnh cùng các tăng binh của họ chẳng buồn hô thiện tai ! thiện tai ! gì hết ráo trước khi khai sát giới. Những tài liệu tôi được đọc về hiện tượng tăng binh này không thấy nói tới chuyện sau khi khai sát giới thì các vị tăng binh có khai sắc giới không. Nhưng tôi phỏng đoán là có » (tr. 75-76). Và Thế Uyên, vừa thế tục vừa uyên thâm, viện dẫn kinh sử để chứng minh khai luân cả sắc giới đã

xảy ra với tăng sĩ... Nhật Bản. Thật là quá quắt !

Thế Uyên cho ta biết không khí trong một giới nào đó tại Hoa Kỳ : « *Gần đây có một người viết đã hô hào “ Không có một đạo lý nào cao hơn chống Cộng ” (...) để tha hồ bạo lực ngôn ngữ, bạo lực bạo hành, những người theo chủ trương này đã vượt ra ngoài vòng luật pháp của Việt Nam cộng hòa xưa kia đã dành, mà còn vi phạm luật pháp của quốc gia đang cư ngụ nữa »* (tr. 176).

Bạo lực nuôi ảo tưởng của người này bằng quyền lợi thiết thực của người kia. Khi “ *Uỷ ban chống kinh tài cộng sản đốt nhà, đốt xe phá hoại một loạt năm cửa hàng chuyển tiền, gửi quà của người Việt tại tiểu bang California (...) thì (người Hoa) cứ việc kinh doanh thoải mái tiếp tục, và lần này độc quyền, một mình một chợ* » (tr. 224). Đây là đoạn kết của bài *Thế lực kinh tế của người Hoa*, trong đó, tác giả kể lại khá chính xác lịch sử của người Hoa định cư tại Việt Nam từ thời Trịnh Nguyễn đến nay, đặc biệt là những thăng trầm sau 1975. Một tư liệu quý.



Thế Uyên mang trong tâm tư khuynh hướng hoà hợp, hoà đồng. Suốt đời anh phải chịu đựng một cuộc chiến dai dẳng và tàn khốc với những hậu quả dài hạn ; cuối đời anh lại phải lưu vong. Từ đó cái nhìn của anh về lịch sử nói chung là hiếu hoà và chủ hoà. Theo Thế Uyên : “ *Không ai chối cãi sự cần thiết của chín năm chống Pháp giành độc lập, nhưng Đảng Cộng sản Việt Nam đã vô cùng lầm lẫn khi phát động cuộc chiến chống miền Nam và Mỹ* » (tr. 228). Đối với các sĩ phu chủ trương chống Pháp thời Tự Đức, anh gọi họ là *bảo thủ diều hâu*, chỉ biết hô hào có đánh, đánh và đánh. Càng đánh càng thua vẫn cứ hô hào đánh, và hô hào bất hợp tác với Pháp như Nguyễn Đình Chiểu, Phan Văn Trị, « *được hỗ trợ bằng những tay kiếm sĩ có những lưỡi kiếm sắc nỗi danh như Nguyễn Trung Trực, Trương Định (...)* *Thậm chí đến khi mất cả nước luôn, cũng còn các cụ Phan Đình Phùng, Đề Thám hô hào đánh tiếp* » (tr. 203). Theo Thế Uyên, hai chế độ Tây Sơn và Gia Long đều tàn ác, tàn nhẫn như nhau ; Nguyễn Ánh thắng cuộc vì được lòng dân Nam Việt, « *yếu tố trợ giúp của người Pháp không quan trọng* » (tr. 131). Theo anh, « *người Việt không quá kỳ thị chủng tộc và không hiếu sát, nhưng với các quý vị nông dân thì lại khác* » (!) (tr. 153).

Những quan điểm cực đoan này có lẽ là phản ứng đối với những lập luận quá khích của những sử gia Hà Nội hoàn toàn dựa trên quan điểm chính trị, không cần tôn trọng luận lý và tư liệu, mà Thế Uyên đã phải chịu đựng mười hai năm. Nói chung, Thế Uyên chủ hoà giữa nhiều hình thái bạo lực — bóp méo lịch sử là một bạo lực trí thức — vì chủ hoà mà có lúc anh mất sự ôn hoà.

Tâm hồn hoà đồng đưa Thế Uyên đến gần những người khác anh, từ những người Việt gốc Hoa đến người Công giáo, thậm chí những người Cộng sản đã chửi bới và đày đoạ anh. Bài *Nguyễn Văn Trung và những người Công giáo bạn tôi* nói lên tinh thần hoà hợp đó. « *Tại nơi tôi chưa bao giờ tôi nhìn những người Công giáo như những người xa lạ...* » (tr. 134). Chúng ta không ngạc nhiên khi anh kể : « *Sau này một lần Lý Chánh Trung có nói với tôi : toa là là nhà văn Bắc duy nhất mà*

*moa đọc được, và tôi chơi thân dễ dàng với rất nhiều bạn bè gốc miệt vườn* » (tr. 90). Theo hiểu biết giới hạn của tôi, thì Thế Uyên là nhà văn Bắc nếu không duy nhất thì cũng hiếm hoi đã viết những trang đầm thắm nhất về Trịnh Công Sơn và những người bạn tranh đấu miền Trung khoảng 1964 đăng trên *Bách Khoa* (1970) tuy rằng anh không tán thành. Miếng ngon nhớ lâu, cơ cầu nhớ dai. Với Lữ Phương, nhà phê bình đã từng lên án anh chuyên “ *viết chuyện dâm ô câu khách* ”, người khác phe, khác phía, Thế Uyên đã tán dương : « *Những năm gian khổ ngoài rừng núi và chức tước không làm thay đổi con người Lữ Phương. Anh vẫn là một trí thức ngay thẳng và bản chất nồng nhiệt (...), người trí thức đầu tiên dám công khai trên báo chí chê chính sách của Đảng là sai lầm và Đảng đã mất lòng dân rồi* » (tr. 119). Về Nguyễn Văn Trung, anh cũng ghi lại thật nhiều kỷ niệm thiết tha, « *Nguyễn Văn Trung, con người trí thức Công giáo đầy lòng yêu thương dân tộc và quê hương ấy* » (tr. 133). Với những bạn bè thân thiết, những lời xưng tụng chưa cảm động bằng những nhận xét chính xác : « *Về già anh nóng nảy hơn xưa* » (tr. 124). Thật đúng ; và người chịu đựng những cơn nóng nảy ấy và những hậu quả dài hạn của nó là chí Nguyễn Văn Trung — tiếc rằng Thế Uyên không một lần nhắc đến.

Thế Uyên đi gần người Công giáo, lại thường lai vãng chùa chiền với tư cách phật tử dù không thuần thành, vì trong người anh có tinh thần hướng thượng. Tuy rằng anh rất trần tục, ham nói chuyện tình dục và thế sự, thích tranh cãi sâm sỉ ; tuy rằng trong tư tưởng Thế Uyên không bày tỏ một băn khoăn siêu hình nào ; nhưng anh vẫn hướng về một lý tưởng siêu luân (*métamorale*) để hoá giải những quyền lợi và dục vọng đã hoà nhịp với chiến tranh để chia rẽ và tàn phá con người. Anh nhiều lần bày tỏ niềm tin ở vai trò các tôn giáo tại Việt Nam, bây giờ và mai sau, trong việc hoá giải thù hận và dựng lại tình thương, giúp con người dù không thoát tục được, thì cũng đi vào trần thế với một ít từ bi, bác ái.



Về mặt biên khảo văn học, bài *Nghị về văn chương phản kháng* là một đóng góp lớn, căn bản, một tiểu luận xuất sắc vận dụng được nhiều tinh anh của Thế Uyên nhà văn, nhà báo, nhà giáo, người trí thức ba mươi năm thao thức với những vấn đề văn học và chính trị. Hoàn toàn làm chủ đề tài, nên Thế Uyên viết rất ung dung : từ hiện tình văn chương nội địa đến những phản ứng tại hải ngoại, đặc biệt từ những người “ *phản phản kháng* ” trực tiếp và gián tiếp, những phản ứng ngoài da và gan ruột, Thế Uyên đã đi đến một tổng hợp hàm súc như sau : « *Chính vì nền văn chương phản kháng hiện đại, kiểu mới, phải nằm trong một chế độ độc tài, chuyên chính nên thứ văn chương này cũng mang những đặc tính như giới hạn, gián tiếp và trường kỳ* » (tr. 152). Ta tìm thấy ở đây khoa sự phạm của nhà giáo. Câu văn cô đúc là đầu đề lý tưởng của một bài luận văn ở lớp tú tài hay dự bị đại học. Hàm súc nhất là chữ “ *giới hạn* ”, giới hạn trong một chế độ độc tài, và trong lòng chế độ đó, nó còn giới hạn trong hoàn cảnh, không gian, thời gian và ngay trong cả đề tài và ngôn ngữ. Thế Uyên thêm : « *Có thể nói rằng trong các chế độ cộng sản, chỉ cần không ca tụng cái mà Đảng và chế độ ca tụng cũng là một thứ phản kháng rồi* » (tr. 153). Muốn là nhà văn, thì anh phải có tác

phẩm trước đã : « *Chính tác phẩm của tôi làm cho tôi thành nhà văn, chứ không phải những tần phong và xưng tụng (...)* Muốn viết thì đương nhiên phải còn sống mới viết được, phải được ở ngoài nhà tù, trại cải tạo, mới viết được (...) không cho nói mười, thì tôi nói năm, không cho nói năm, thì tôi nói ba, nói ba không cho thì tôi không nói thẳng nữa mà nói bằng ngôn ngữ, châm biếm... Bởi vì nói kiểu nào viết kiểu nào chẳng nữa cũng còn tốt hơn là im lặng » (tr. 155) dù rằng sự im lặng, ở một nhà văn đã nổi tiếng, đôi khi cũng có nội dung. Gần đây, trong một buổi nói chuyện về thơ, nhà thơ Phan Khắc Khoan, một trong những người đi tiên phong trong phong trào Thơ mới, được mời phát biểu. Ông trả lời : từ bốn mươi năm nay tôi im lặng, bây giờ tôi xin được quyền tiếp tục im lặng. Nhưng đây là biệt lệ vì nói như Nguyễn Ngọc Lan : đã làm người thì không thể làm thinh. « *Khi viết về văn chương phản kháng, chúng ta không nên đặt vấn đề nhà văn này có thể đáng, nhà văn kia là đại tá, nhà văn nọ là công chức của chế độ đó. Vấn đề là xét thái độ, nội dung và giá trị văn chương của những bài văn đó mà thôi (...). Phản kháng hay không phản kháng... gì gì thì cũng phải hay trước đã, phải đạt tới một giá trị tối thiểu* » (tr. 159-160). Trường hợp Nguyễn Chí Thiện « *ném tập thơ duy nhất vào Toà đại sứ Anh* » (tr. 154) thì chỉ đạt được « *mục tiêu tố cáo* », một hành động chính trị, hơn nữa « *nghệ thuật không cao (thì) mặc dù báo chí hải ngoại ca tụng liên miên cũng không làm Nguyễn Chí Thiện trở thành một đại thi hào của Việt Nam được* » (tr. 160). Lập luận chính đáng, nhưng nhất định là làm phật lòng nhiều người, nhất là những người tôn vinh Nguyễn Chí Thiện, không phải vì tác giả mà để giải tỏa cho mình một số ẩn ức nào đó.



Trước khi là nhà văn, Thế Uyên là nhà giáo tìm cách thuyết giáo và thuyết phục. Lối viết của anh không mô phạm nhưng rất sư phạm, ít nhất ở hai điểm : lúc nào cũng lý luận phân minh và rạch ròi bao biện, như làm bài mẫu cho học trò ; và để cho học trò khỏi chán, anh thường đổi đê tài, thường đổi giọng văn. Kết quả là đọc Thế Uyên rất thoải mái dù phải thường xuyên va chạm vào những vấn đề gay gắt, nhờ lối bình giải trong sáng, bình dị và duy lý.

*Nghĩ trong mùa xuân* gồm có những đoạn văn đa dạng ; từ những vấn đề tình dục đến văn chương, từ kinh tế đến tôn giáo, chính trị đến ngôn ngữ, từ những kỷ niệm đầm thắm, với gia đình, bạn bè đến những biện luận nghiêm túc về thế sự, Thế Uyên hướng người đọc về tương lai dân tộc trong viễn tượng hoà giải và hoà hợp, tự do và dân chủ, hiện đại và phồn vinh, trong tình người, công lý. Vậy sao có người chống Thế Uyên ? Trước hết, theo thường tình, không phải ai ai cũng đồng quan điểm về công lý ; tiếp theo, người Việt chúng ta còn nuôi quá nhiều thù hận, tị hiềm, ảo giác và hi vọng riêng tư ; cuối cùng vì lối viết của Thế Uyên rạch ròi, rõ ráo, phá vỡ những huyền thoại, những ảo tưởng ở những người sống bằng những thứ đó. Thế Uyên sức yếu thế cõi, mà lại nói có lý có tình nên đẩy những kẻ có bạo lực, và chỉ có bạo lực thôi, phải sử dụng vũ khí của họ. Truyện Tàu đầy rẫy những Nẽ Hành, Dương Bưu chết chỉ vì sức yếu mà muốn có lý. Thế Uyên cứ đòi đối thoại với những người không có thoại nào hết để mà đối thì họ đối... chơi. Họ sống bằng những ẩn ức và không thoát ly ra nổi :

nay Thế Uyên nói đúng phoc vào tim phổi họ, họ thù oán thì cũng dễ hiểu, và điều này không hề làm anh chùng chân. Ngược lại dường như kích thích anh thêm. Cuối sách, anh khẳng định *Chỗ đứng và trách nhiệm nhà văn trong xã hội* bằng ba điểm :

— « *Trách nhiệm đầu tiên của nhà văn là viết văn ra văn chương trước đã. Và viết càng hay càng tốt.*

— *Trách nhiệm thứ hai của nhà văn là phải ngay thẳng, ngay thẳng với bản thân mình, với độc giả cũng như cuộc đời.*

— *Trách nhiệm thứ ba, đối với xã hội anh đang sống bên trong, thì tuỳ theo thái độ văn học và lập trường chính trị. Nếu anh chọn thái độ dấn thân thì anh hãy cố gắng dùng văn chương mình để làm đẹp con người, làm đẹp cái xã hội anh đang sống bên trong. Nếu vì đi con đường này anh phải dả phá cái cũ, cái lỗi thời, cái xấu và bị các thế lực này phang lại tối tăm mặt mũi, thì cũng dành phải chấp nhận thôi* » (tr. 270).



Cái thời chúng tôi còn trẻ, cái thời đã quá xa xôi, trên báo Bách Khoa (Sài Gòn) số 327 ngày 15.8.1970, Thế Uyên có viết một bài về *Trịnh Công Sơn, cuộc hành trình làm người Việt Nam* và trong kết luận, anh mơ ước : « *Lần cuối cùng gặp nhau trước khi Trịnh Công Sơn (từ Sài Gòn) trở về Huế, trong gác xếp mưa dột đầy một góc, ngồi trên chiếc chiếu rách, anh có hỏi tôi : khi đất nước thanh bình, tôi sẽ làm gì. Tôi không thể trả lời câu hỏi ấy, nhưng tôi biết khi thanh bình tôi sẽ làm gì. Tôi sẽ ra Huế, kiểm Trịnh Công Sơn và sẽ rủ anh làm như trong một bản nhạc anh đã đặt tên Tôi sẽ đi thăm : ...Đi chung cuộc mừng và quên chuyện non nước mình* » .

Giờ đây, tại Pháp tôi viết những dòng này về Thế Uyên, bên bờ sông Loiret mà Sơn lúc say gọi là sông An Cựu, thì Trịnh Công Sơn trong chuyến ngao du có lẽ đang ngồi tại một café terrasse nào đó ở Canada, còn Thế Uyên thì gươm đòn nửa gánh tại Hoa Kỳ. Mộng dời dở dang. Mười bảy năm sau, “ *khi đất nước tôi thanh bình* ”, “ *cái ngày đi chung cuộc mừng* ” vẫn còn xa lăng lắc. Trong chúng tôi, Thế Uyên là người gian truân nhất — có lẽ vì anh dũng cảm nhất, về già vẫn còn mải “ *chọn lối đoạn trường mà đi* ”. Người khác ở tuổi anh, khi đã ra lập nghiệp nước ngoài, có thể an thân thủ phận, khuây khoả với dăm ba bài báo, vài trăm trang sách, để nuôi dưỡng chút tài hoa và danh vị mà cuộc đời còn lưu lại. Nhưng anh thì không, anh vẫn hăm hở lao mình vào những cuộc chiến đấu mới, hoàn toàn vì lý tưởng, dù bị cô đơn, và cô lập. Bạn bè có người cho anh là một thứ Don Quichotte thời đại nào cũng đi tìm những cối xay gió. Với nhiều người khác, Thế Uyên là một hiệp sĩ, một Thái Sứ Từ của tự do và công lý. Tôi ước ao anh vẫn giữ được bình an, và đủ thư thái để tiếp tục làm một nghệ sĩ, mê say vẻ đẹp trong cuộc đời, trong tình người và ngôn ngữ.

Đặng Tiến  
Pâques 1992

*Nghĩ trong mùa xuân*, 1992, nhà xuất bản Xuân Thu, PO Box 97, Los Alamitos, CA 90702, USA, 12 US\$. Có thể mua thêm truyện ngắn, đoạn văn : *Saigon sau 12 năm* (10 US\$), *Con đường qua mùa đông* (11 US\$).

# Văn hóa và phát triển\*

theo Lê Thành Khoi

Cho đến những năm gần đây, khi bàn về phát triển, người ta chỉ nhấn mạnh đến khía cạnh kinh tế và thường quên đi các kích thước xã hội, văn hóa chính trị. Mục đích của *Văn hóa, tinh sáng tạo và phát triển*, vì thế, là đề nghị một sơ đồ về phát triển có khả năng thoả mãn những nhu cầu cơ bản của con người nhờ quan tâm đúng mức đến cả bốn kích thước nói trên.

Giả thiết nền tảng của tác giả là văn hóa, nếu được diễn dịch với tinh thần phê phán và năng động, cũng là một lực lượng sản xuất.

Muốn thế, văn hóa cần được quan niệm như là toàn thể những gì mà một dân tộc sáng tạo ra để sống với thiên nhiên và với những dân tộc khác ; nó bao gồm cả ký ức tập thể làm cho một dân tộc trở thành chính mình.

Xem con người ta là “ tài nguyên chính yếu ” , tác giả biện hộ cho “ tinh sáng tạo nội sinh ” (créativité endogène) được định nghĩa như là khả năng tự duy độc lập nhằm tự tìm ra những giải pháp thích đáng cho những vấn đề của chính mình. Về mặt trí thức đó là sự từ chối mọi mô hình có sẵn.

Thẩm nhuần những giá trị của quá khứ nhưng vẫn sẵn sàng tiếp thu những đóng góp đến từ bên ngoài – với óc phê phán trong cả hai trường hợp – , tinh sáng tạo nói trên cần được kết hợp với niềm tin ở khả năng của nhân dân cũng như với ý thức về sự cần thiết phải hành động vì nhân dân và cùng với nhân dân.

Trong một thời gian khá dài, nhiều người cứ tưởng là chỉ cần phát triển các lực lượng sản xuất, rồi thì mọi vấn đề sẽ được giải quyết tiếp theo. Nhưng thực tế đã chứng minh là sự sao chép đúng theo nguyên bản những mô hình xây dựng theo quan niệm nói trên, dù là tư bản hay cộng sản, đều đưa đến thất bại. Chính trong bối cảnh đó đã xuất hiện khuynh hướng xem những giá trị văn hóa như là chìa khóa của phát triển.

Tác giả đã dành cả chương I để giới thiệu và phê bình ba khái niệm : tính đích thực (authenticité), tính nội sinh (endogénéité) và bản sắc văn hóa (identité culturelle).

Theo tác giả, nhược điểm lớn nhất của các quan niệm về tính đích thực (như của Senghor hay Mobutu) là đều xem văn hóa là cái gì tuyệt đối, bất biến và không chú trọng đúng mức đến những mâu thuẫn kinh tế, xã hội, văn hóa. Dẫu thế, cần thừa nhận rằng sự khẳng định nhân cách và văn hóa của chính dân tộc mình trước sự thống trị hay khuynh loát của ngoại bang là một nhu cầu chính đáng.

Về tính nội sinh, đây là khái niệm thường gặp trong các văn kiện, sách báo của UNESCO. Khi nói đến tính nội sinh người ta thường chỉ chú trọng đến nguồn gốc của hành động và không quan tâm đúng mức đến nội dung và cốt cách của nó.

Thông qua kinh nghiệm của Ấn Độ và Trung Quốc, tác giả đi đến nhận định là một sự phát triển nội sinh chưa hẳn đã đem lại công bằng và bình đẳng cũng như chưa hẳn đã phục vụ quyền lợi của quặng đại quần chúng.

Từ ít lâu nay bản sắc văn hóa đã trở thành một khái niệm thời thượng.

Theo một số nhà nghiên cứu, nếu Nhật Bản đã thành công trong chính sách vừa mở cửa vừa kháng cự lại được với phương Tây chính là nhờ họ có một bản sắc văn hóa mạnh mẽ. Vấn đề đặt ra là tại sao Trung Quốc, Việt nam mà bản sắc văn hóa cũng chẳng thua chi Nhật Bản lại mất độc lập hoặc thất bại trong nỗ lực phát triển.

So sánh Trung Quốc với Nhật Bản, tác giả cho rằng giữa hai nước này ít nhất có hai điểm khác nhau chính yếu.

Trước hết giai cấp lãnh đạo ở Nhật không phải là giới quan lại như ở Trung Quốc mà là những người võ sĩ đạo. Vì Khổng giáo gắn chặt với sự hình thành và tồn tại của giai cấp quan lại nên họ xem nó như là một hệ thống giáo điều bất biến, thiêng liêng và có giá trị đến muôn đời. Trái lại đối với những người võ sĩ đạo, Khổng giáo chỉ là một phương tiện cai trị. Mặt khác, vốn chú trọng đến hiệu quả của hành động hơn giới quan lại, những người võ sĩ đạo ý thức được khá nhanh và khá sâu sắc sự ưu việt về quân sự và kỹ thuật của Tây phương.

Sau nữa, Nhật Bản lại có một truyền thống vay mượn văn hóa của nước ngoài khá lâu đời : từ thế kỷ thứ VI, họ đã tiếp thu của Trung Quốc Phật giáo, Khổng giáo, chữ viết và một số định chế chính trị. Do đó, ngay từ thế kỷ XVIII, nhiều võ sĩ đạo đã bắt đầu học tập phương Tây.

Khi sự đe dọa của những chiến thuyền của Perry (1853) bắt buộc phải chọn lựa hướng đi, bộ phận năng động nhất của giai cấp thống trị Nhật đã kịp thời đưa ra chủ trương “ Kết hợp tinh thần Nhật với kỹ thuật của Tây phương ”.

Về mặt lý luận khái niệm bản sắc văn hóa cũng đặt ra khá nhiều vấn đề.

Thật vậy, làm sao có thể nói đến bản sắc văn hóa của một nước như Việt Nam chẳng hạn, với 54 dân tộc có tiếng nói khác nhau và có ý thức lịch sử phát triển không đồng đều ? Ngay cả đối với một dân tộc đã phân hóa thành giai cấp, việc sử dụng khái niệm này cũng không dễ dàng gì. Tuy thế, tác giả vẫn nghĩ là nên dùng nó trước hết như là “ khái niệm khám phá ” (notion heuristique) để nghiên cứu so sánh các nền văn hóa và, tiếp theo, như là khái niệm chính trị, nhằm kích thích tình cảm thống nhất và nỗ lực phát triển.

Trong chương II, tác giả tập trung phân tích nội dung của phát triển, những thành phần của văn hóa và những tác nhân (agents) của phát triển.

Theo ông, phát triển là một quá trình phức tạp và mâu thuẫn vì bao gồm nhiều kích thước (kinh tế, xã hội, văn hóa, chính trị) phát triển không theo cùng một nhịp, lại thêm tác động qua lại lẫn nhau, khi thì bổ sung khi thì đối nghịch.

Do ảnh hưởng của những yếu tố bên trong và bên ngoài, phát triển còn là một quá trình luôn luôn biến đổi.

Trong số những thành phần của văn hóa tác động nhiều

nhất đến phát triển phải kể đến ngôn ngữ, hệ tư tưởng, tôn giáo, khoa học và kỹ thuật.

Theo tác giả, một nước không thể phát triển một cách trọn vẹn thông qua việc dùng một ngoại ngữ và trong nhiều thập kỷ, dự phỏng xã hội chủ nghĩa đã sai lầm khi xem hệ tư tưởng – bao gồm cả tín ngưỡng, tôn giáo – như là một biến số phụ thuộc vào phương thức sản xuất, hoặc khi coi thường sự kiện dân tộc (*fait national*) mà lịch sử đã chứng minh là sẽ còn tồn tại lâu dài.

Nhiều người cho rằng các nước thuộc Thế giới thứ ba, nếu muốn đuổi kịp phương Tây, cần phải nắm lấy khoa học kỹ thuật như người Nhật đã làm từ thời Minh Trị.

Vấn đề đặt ra là phần lớn các nước này không có được những điều kiện của Nhật vào giữa thế kỷ XIX : một dân chúng tương đối có học, một nền văn hóa đủ mạnh để có thể chủ động vay mượn từ bên ngoài mà không bị thống trị và nhất là sự độc lập, cho phép chọn lựa những gì hay, đẹp nhất của nhiều nước trên thế giới vào một thời đại mà khoa học và kỹ thuật còn chưa quá phức tạp như ngày nay.

Sau khi phê bình những lý thuyết về kỹ thuật “ít tố kén” , kỹ thuật “mềm” (douce), kỹ thuật “thích hợp” (approprié), kỹ thuật “thay thế” (alternative) và nhất là kỹ thuật “trung gian” (intermédiaire) của E. F. Schumacher, ông nhấn mạnh đến tầm quan trọng của thông tin, vừa là toàn thể những tri thức vừa là ngành công nghiệp phát xuất từ điện tử và tin học.

Những tác nhân của phát triển bao gồm dân tộc (peuples, ethnies), cá nhân, tổ chức (công ty, nhà nước, giáo hội), giai cấp và giai tầng xã hội (catégories sociales).

Theo tác giả, trong những nước thuộc Thế giới thứ ba, nhân cách của những nhà lãnh đạo đóng vai trò đặc biệt quan trọng vì lẽ, ở đây, nhà nước hiện đại mới được thành lập nên tổ chức hành chính và chính trị không theo những quy tắc và thủ tục khách quan, trái lại chịu ảnh hưởng sâu sắc của quan hệ họ hàng, dân tộc hay tôn giáo, của tình bằng hữu... Cuộc đời chính trị của các nhà lãnh đạo thường rất dài (cầm quyền cho đến chết) nên ảnh hưởng của họ khi thì tiêu cực khi thì tích cực, như trường hợp của Mao Trạch Đông.

Chia sẻ quan niệm của N. Poulantzas, ông cho rằng, trong Thế giới thứ ba, giới “viên chức” (bureaucratie) đóng vai trò của giai cấp thống trị. Poulantzas gọi họ là “tư sản nhà nước” (bourgeoisie d'Etat) bao gồm những công chức cao cấp trong guồng máy hành chính, quân sự cũng như trong những xí nghiệp quốc doanh. Trái với giai cấp tư sản Tây phương, họ không chiếm hữu những phương tiện sản xuất mà chỉ kiểm soát chúng. Cũng cần nói thêm rằng họ ít năng động và ít có khả năng kinh doanh hơn những người tư sản chính cống.

Nhận định này cũng khá đúng với tình hình kinh tế, xã hội Việt nam : từ ba bốn năm nay giai cấp tư sản nhà nước (hầu hết nếu không nói tất cả đều là đảng viên) phát triển và làm giàu nhanh chóng bằng cách chiếm đoạt tài sản công cộng hoặc sử dụng chúng nhằm phục vụ tư lợi. Liên minh mật thiết với những người tư sản nằm ngoài chính quyền (thường là người Hoa), hợp tác với tư bản ngoại quốc, họ có thể trở thành bộ phận quan trọng của giai cấp tư sản đúng nghĩa trong tương lai như ta thấy hiện nay ở Đông Âu.

Định nghĩa trí thức như là “những người sản xuất tư tưởng” (producteur d'idéologie), tác giả cho rằng trong những nước cộng sản không có trí thức mà chỉ có lao động trí thức :

với tư cách là nhà văn, nghệ sĩ, giáo sư, nhà nghiên cứu, kỹ sư, kỹ thuật gia, họ chịu sự lãnh đạo của đảng về mặt tư tưởng.

Nói như Gramsci, ta có thể xem họ là những “nhà trí thức hữu cơ” (intellectuels organiques) mà bộ phận được ưu đãi nhất và có thế lực nhất cũng là thành viên của giai cấp tư sản nhà nước như đã trình bày trên đây.

Trong chương III, tác giả nghiên cứu mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển chính trị.

Theo ông, mặc dù là “diều kiện cần thiết cho việc phục hồi nhân phẩm của dân tộc cũng như cá nhân” giải phóng dân tộc chưa chắc đã đem lại tự do, dân chủ : kinh nghiệm cho thấy là ở hầu hết các nước vừa giành được độc lập những nhà giải phóng hôm qua đều biến thành những “nhà” áp bức hôm nay !

Tác giả giới thiệu với rất nhiều cảm tình vai trò của Gandhi và Hồ Chí Minh trong công cuộc giải phóng Ấn Độ và Việt Nam.

Chỉ trong 5, 6 trang đầy hứng khởi, ông đã nêu bật lên được những bài học cao quý của Gandhi. Ở nhân vật phi thường này, nguyên tắc bất bạo động luôn đi đôi với lẽ phải, sức mạnh tinh thần, sự sáng suốt về chính trị và tình yêu công bằng : nó đòi hỏi cứu cánh phải có cái giá trị của phương tiện vì Gandhi không tách rời phương tiện ra khỏi cứu cánh.

Qua Gandhi, ta có thể nghĩ rằng sự thất bại của chủ nghĩa xã hội trước hết có tính chất tinh thần, đạo lý : nó bắt nguồn từ chủ trương dùng bất cứ phương tiện nào, kể cả sự đối trả và bạo lực, miễn là đạt được thắng lợi tức là giành lấy và duy trì quyền lực.

Qua Gandhi, ta cũng thấy được rằng “một lãnh tụ chỉ được mọi người tôn trọng nếu mình nêu được gương trong sạch, chân thành và hy sinh” (tr. 93).

Theo tác giả, tư tưởng Hồ Chí Minh có thể tóm gọn trong câu “trung với nước, hiếu với dân”. Cũng như Gandhi, Hồ Chí Minh nhấn mạnh rất nhiều đến đạo đức, đến những giá trị truyền thống chịu ảnh hưởng sâu sắc của Khổng giáo như nhân, nghĩa, trí, dũng, cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư, được diễn dịch theo nhu cầu đấu tranh cách mạng.

“Nếu những phẩm chất đạo đức nói trên đã có tác dụng kỳ diệu trong đấu tranh giải phóng, chúng không đủ để xây dựng Nhà nước của hôm nay. Điều này đòi hỏi những tri thức khoa học kỹ thuật mà văn hóa truyền thống không cung cấp được” (tr. 99).

Trong chương IV, tác giả dành nhiều trang để giới thiệu quan điểm của Morishima về vai trò của Khổng giáo trong sự phồn vinh của Nhật cũng như quan niệm của L. Vandermersh về ảnh hưởng của văn minh Trung Hoa đối với sự phát triển của “thế giới hán hóa” (monde sinisé) ngoại trừ Việt Nam (Trung Quốc, Nhật, triều Tiên, Đài Loan, Xinh ga po).

Theo ông, Morishima và Vandermersh đã hoàn toàn quên việc phân tích xã hội học về Khổng giáo. Hơn nữa “mọi học thuyết đều chứa đựng những giá trị có thể được diễn dịch theo hướng này hay hướng khác, tùy theo môi trường, thời đại và nhất là theo giai cấp cầm quyền”, bởi vì chính giai cấp này ép đặt những quan niệm và định hướng đời sống chính trị” (tr. 160)

Let đợt về kinh tế, rệu rã về chính trị xã hội, nghèo nàn về văn hóa, Việt Nam hiện nay rõ ràng là “bệnh nhân” của “thế giới hán hóa”. Sở dĩ có tình trạng đáng buồn này, theo tác giả,

không phải vì Việt Nam là một trường hợp ngoại lệ (atypique) như Vandermersch đã nhận định mà chính vì Việt Nam còn thiếu một đội ngũ lãnh đạo năng động và có khả năng xây dựng trong thời bình (dĩ nhiên đây là điều kiện cần thiết nhưng chưa đủ).

Dù có mục đích và cơ chế khác nhau, chủ nghĩa tư bản cũng như chủ nghĩa xã hội đều theo cùng một mô hình công nghiệp hóa và đô thị hóa, dựa trên sự tổ chức theo thứ bậc, trên sự phân biệt lao động chân tay và trí thức, trên sự tích lũy ban đầu chủ yếu bằng cách giảm tiêu dùng của quần chúng. Cả hai đều xem con người là “ ông chủ ”, là “ kẻ chiếm hữu thiên nhiên ” (maître et possesseur de la nature). Quan niệm này đưa đến việc khai phá bừa bãi thiên nhiên và việc tàn phá môi trường.

Từ nhận định cơ bản đó tác giả đề nghị một sơ đồ phát triển khác xây dựng trên một triết lý khác chủ trương làm dịu bớt những ham muốn và tạo ra sự thăng bằng giữa con người và thiên nhiên. Triết lý này lấy cảm hứng từ những tư tưởng đông phương (Ấn Độ giáo, Phật giáo, Lão giáo, Khổng giáo) đều gặp nhau ở chỗ xem hạnh phúc và tự do rất cuộc ở trong mỗi con người nếu biết chấp nhận, biết kiềm chế những lo âu và những xung động (impulsions) Con người tự tạo nên mình không phải chỉ bằng lao động như Marx đã nhận định mà nhất là nhờ sự hiểu mình (connaissance de soi).

Nếu ta không lầm thì đường như tác giả muốn bổ sung cách đặt vấn đề thuần kinh tế của Marx bởi đạo lý (sagesse) đông phương nhằm giải phóng con người ra khỏi không những sự áp bức, bóc lột giai cấp mà cả sự chế ngự của kỹ thuật, sản xuất, nhà nước.

Khởi đi từ mục đích thỏa mãn những nhu cầu và những quyền cơ bản của con người (ăn uống, sức khoẻ, nhà ở, giáo dục, thông tin, tư tưởng...) sơ đồ do tác giả đề nghị chú trọng trước hết đến tiêu dùng (consommation) như là điều kiện để phát triển khả năng lao động, và, trên cơ sở đó, mới xét đến những vấn đề sản xuất, đầu tư và đào tạo : nó chỉ có thể được thực hiện trong một bối cảnh dân chủ, dựa trên sự tự trị (autonomie) của những cộng đồng cơ sở (communauté de base).

Tác giả dành nhiều trang để triển khai nội dung của mỗi nhu cầu cơ bản.

Là một chuyên gia giàu kinh nghiệm về giáo dục, những ý kiến của ông về vấn đề nghiêm trọng hàng đầu ngày nay của Việt Nam hiện nay có sức nặng đặc biệt.

Theo ông, giáo dục trước hết phải có tính chất dân tộc và vì thế không thể tách rời khỏi tiêu chuẩn dân chủ.

Tiếp theo, cần phải gắn liền giáo dục với phát triển. Điều đó có nghĩa là phải dạy cho học sinh, sinh viên nắm vững tinh thần, phương pháp khoa học chứ không phải chỉ nhồi vào đầu chúng càng nhiều tri thức càng hay ; ngoài ra còn phải kết hợp việc học và lao động sản xuất, phải hòa nhập vào môi trường.

Sau hết giáo dục cần đem lại cho giới trẻ những công cụ tri thức để phân tích và phê phán xã hội chứ không phải những giáo điều khô cứng, lỗi thời chẳng còn ai tin nữa kể cả người dạy. Chỉ có thể giáo dục mới có thể góp phần xây dựng dân chủ và giải phóng con người.

Đi từ tiêu dùng sang sản xuất và đầu tư, ông nói rõ là sơ đồ của ông khác mô hình cổ điển, tư bản cũng như xã hội chủ nghĩa, ở 3 điểm :

1. Sự phát triển được thực hiện thông qua việc tăng tiêu

dùng chứ không phải giảm đi.

2. Yếu tố con người quan trọng hơn vốn.

3. Văn hóa dân tộc, nếu được diễn dịch lại theo chiều hướng phát triển, có thể đóng vai trò sức đẩy (rôle d'impulsion).

Điều quan trọng hơn cả là sơ đồ này nhằm thỏa mãn những nhu cầu vật chất và tinh thần của dân chúng hiện nay chứ không phải nhằm xây dựng hạnh phúc hão huyền của những thế hệ tương lai.

Như tác giả tự nhận, có thể đây chỉ là một “ không tưởng ” (utopie), nhưng lầm khi chúng ta cần có nó để hướng dẫn hành động và chuẩn bị tương lai.

Đọc xong quyển sách ta có cảm tưởng là tác giả đã hoàn thành nó cách đây ít nhất hai, ba năm, đúng vào lúc lịch sử thế giới phát triển cực kỳ nhanh. Vì thế, ông đã không có thể chiêm nghiệm một cách rốt ráo hơn về sự phản toàn diện của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở khắp nơi trên thế giới cũng như những vấn đề hậu - cộng sản, rõ ràng là vô cùng phức tạp, khó khăn, và rồi từ đó rút ra những bài học cập nhật hơn cho phát triển.

Theo ông điều kiện cơ bản để thực hiện sơ đồ do ông đề nghị là phải có một chính quyền xã hội chủ nghĩa, tức là một chính quyền nhằm thỏa mãn những nhu cầu vật chất và tinh thần của dân chúng hiện nay chứ không phải xây dựng một hạnh phúc hão huyền cho các thế hệ tương lai. Như thế là ông mới chỉ nói tới mục đích của xã hội chủ nghĩa chứ chưa đề cập nội dung của nó.

Tuy nhiên, dựa trên những ý kiến về nhiều vấn đề được trình bày trong quyển sách, ta có thể nghĩ là tác giả hướng đến một chủ nghĩa xã hội dân chủ (socialisme démocratique) vừa chấp nhận kinh tế thị trường được điều chỉnh bởi kế hoạch và những chính sách nhằm thực hiện công bằng xã hội vừa bảo đảm khả năng luân phiên cầm quyền giữa những lực lượng chính trị.

“ Biến đổi xã hội bao hàm sự hiểu biết về nó, đặc biệt về những mâu thuẫn của nó ”. Nhận định đó của tác giả bao hàm việc thừa nhận một thực tế có lẽ sẽ còn tồn tại đến muôn đời là mọi xã hội – cũng như mọi tổ chức, cộng đồng – đều chứa bên trong những mâu thuẫn, những đối kháng, bắt nguồn từ sự khác biệt về quyền lợi hay quan niệm.

Một xã hội “ lý tưởng ” vì vậy không thể là một xã hội không có mâu thuẫn – điều không thể có được – mà là một xã hội biết giải quyết tốt nhất những mâu thuẫn của nó bằng luật pháp, đối thoại hay thương thuyết chứ không phải bằng bạo lực, trấn áp.

Với sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội toàn trị, nhiều người đã vội vã cho rằng chủ nghĩa tư bản là chân trời không vượt được của thời đại chúng ta.

Nhưng chừng nào trên thế giới còn bất công, còn nghèo đói, còn áp bức... thì khát vọng về chủ nghĩa xã hội vẫn còn, ít ra như là “ một tiếng kêu đau thương và, đôi khi phẫn nộ, từ miệng những người cảm nhận mãnh liệt nhất nỗi bất bình tập thể của chúng ta ”. (E. Durkheim)

“ Văn hóa, tinh sáng tạo và phát triển ” không phải là một tiếng kêu thống thiết như thế mà là một tiếng nói từ tốn, nhưng chứa đựng một sự xúc động nén lại : đó là tiếng nói của một nhà khoa học nghiêm túc và đồng thời cũng là một nhà trí thức, tự do và công chính.

N.T.N.

\* Lê Thành Khôi ; *Culture, créativité et développement*, Paris, L'Harmattan, 1992, 224tr.

Một buổi sáng mùa đông nắng ấm, có một con chim nhỏ lao vút vào trời xanh. Nó vừa đập cánh vừa kêu những tiếng thất thanh. Con người bất giác nhìn theo thảng thốt. Không hiểu sao có chuyện lạ như vậy. Bóng chim đã tan trong trời xanh, nhưng tiếng kêu còn vọng lại ai oán.

Ở những phố vắng cạnh những bến tàu bến xe thường là nơi tụ hội của những kẻ lang thang. Những người này, họ kiếm sống vừa lương thiện vừa bất lương. Nghề lương thiện như đi bốc vác thuê, gánh nước, đạp xích lô. Còn bất lương thì khỏi phải kể. Những người này họ thường mê cờ bạc. Đàn ông thì ba cây, tố tôm, xóc đĩa... Đàn bà đánh tam cúc. Giấc mơ của những canh bạc thường lớn hơn giấc mơ nơi cuộc đời. Vâng! ... Họ mê cũng phải.

Con người ở môi trường nào cũng vậy. Chúa sinh ra con người, loài nào cũng phải có tình yêu. Lẩn trong những kẻ lang thang có những bé thơ nhem nhuốc, chập chững chạy theo họ.

Một buổi chiều, tại một phố vắng, gần bến ô tô. Ba người đàn bà đứng tuổi ăn mặc lem nhem đương chui đầu vào một cổ tam cúc.

- Tao kết tốt đèn - Bà béo nhất vừa cười vừa đặt dôi đèn xuống đồng bài.

- Đen quá. - Một bà gầy lên tiếng.

- Tại mày ăn non... Không chặn kết. - Bà còn lại mặt rỗ lầu nhau nói.

Hai bà gầy cáu kỉnh móc tiền trong cặp quần ra trả. Ván tam cúc lại tiếp tục. Cạnh đó, một đứa bé cởi truồng mặc một cái áo xin màu, khoảng một tuổi đương ngủ. Tiếng cãi nhau của những con bạc khát nước làm nó khóc thét lên. Nó cũng chẳng phải vừa. Giữa hai cặp giò đèn dủi là một con chim nhỏ bằng quả táo. Con chim nhỏ cứng giận dữ, nó tức giận phun nước hình cầu vồng. Tiếng khóc của nó làm ba con bạc khó chịu. Bà béo nói :

- Nay, mày dỗ con đi. Đau đầu chết khiếp.

- Kệ nó. - Bà mặt rỗ lên tiếng.

Thằng bé không được đoái hoài, nó khóc càng to hơn. Ván tam cúc bị gián đoạn. Bà mặt rỗ cáu kỉnh nhìn nó, nhưng thằng bé đâu biết. Nó khóc tím tái cả người. Tiếng khóc nghe như tiếng của xe cắp cứu. Bà mặt rỗ vừa thua bạc. Bà quay lại đưa bàn tay gầy gò đèn dủi, nhưng móng tay lại được đẽ dài và sơn màu hoa muối giờ tươi rói, nghiến răng phát vào đít nó một cái. Lần này thằng bé rú lên. Hai bà kia khó chịu nhìn bà rỗ cau có :

- Hay mày gọi cho thuê đi. Để nó kêu thế này, không chơi được đâu.

Bà béo lên tiếng. Bà mặt rỗ quay mặt hép vọng về phía sau :



## Giấc ngủ mỗi trần thế

Truyện ngắn của  
Nguyễn Thị Ám

"Này Thủyơi... Tao cho thuê này..."

Vừa nói, bà đưa tay vẫy. Gần đó, có một đám người đương lúi húi nấu ăn trên mấy chiếc nồi méo. Một cô gái khoảng hai mươi tuổi lách thêch vừa đi vừa xốc quần tiến lại. Đầu cô úp một chiếc ménón rách. Cô ấm thằng bé lên. Cô nói :

- Chị còn Xêduxen không?

- Còn.

Bà mặt rỗ vừa trả lời, vừa móc cặp quần. Ở trong bao tiền thò ra một vỉ thuốc ngủ đương dùng dở. Bà đưa vỉ thuốc cho cô gái. Cô gái bóc lấy một viên thuốc ngủ, rồi trả vỉ thuốc cho bà. Thằng bé vẫn khóc ngần ngặt. Cô bế thằng bé ra máy nước công cộng gần đấy. Máy nước chỉ còn rỏ tong tong như nước giọt gianh. Cô quỳ xuống chum tay hứng nước. Lâu quá, chẳng ăn thua. Cô đưa tay cậy mồm thằng bé. Viên thuốc màu trắng được tọng vào họng nó. Tay kia cô vót nước ở vũng dưới vòi máy, đưa vào họng thằng bé. Thằng bé sặc nước, nhưng rồi viên thuốc ngủ cũng trôi vào ruột. Cô bế nó đi.

Bà mặt rỗ từ nãy đến giờ chui đầu vào ván tam cúc, bây giờ mới ngẩng mặt lên. Tiếng bà vọng theo : "Này!... Năm nghìn đấy nhé. Bao giờ nó tỉnh, nhớ mua cho nó đồng cháo". Cô gái không nói gì. Cô đi về phía đầu phố...

- Kết mā đèn - Bà mặt rỗ vừa nói vừa vỗ đùi đánh đét một cái.

Hai bà kia sững sờ móc tiền ra trả. Thằng bé lúc này đã bị ngấm thuốc. Nó ngủ trên tay cô gái như một chiếc tã rách. Trời tối dần. Một cô gái quê với đứa con như vậy, nó làm động lòng trắc ẩn của con người. Bà mặt rỗ sực nhớ ra điều gì. Bà đứng dậy hép với theo :

- Nay... Khoảng mười giờ về nhá. Năm nghìn đấy!... Giá cả được nhắc lại lần nữa. Cô gái ngoảnh lại gật đầu. Cô bước đi, trời bắt đầu nổi gió. Những cơn gió lạnh buốt từ phương Bắc thổi về. Ông mặt trời vàng, nắng vàng đã biến mất tự lúc nào. Mây đen kéo đến, mưa nhỏ bắt đầu rơi. Những hạt mưa rơi xuống đường nhựa tung toé. Cô gái bế thằng bé đi trong mưa. Cái mè nón chỉ che cho cô từ phần ngực trở lên. Tất cả người cô, đùi thằng bé bắt đầu bị nước mưa chảy. Bên hè phố có những người trú mưa ái ngại gọi cô vào. Cô không vào. Mọi bi kịch của cuộc đời đều phải cần có mưa. Cô cũng vậy...

Ga Hà Nội. Kim đồng hồ điện tử chỉ sáu giờ kém mười lăm. Giờ khắc của buổi tối bắt đầu. Mỗi ngày của thành phố có hàng vạn người đi qua. Trong hàng vạn người đây, có hàng trăm người chưa được xem bi kịch. Cô gái len lỏi giữa những người dân ngồi chờ tàu. Trời bây giờ đã tạnh mưa. Cô vừa đi vừa khóc. Nước mắt cô chảy chậm chạp. Thỉnh thoảng qua chỗ đông người cô lại đứng lại. Một ông già, thấy cảnh như

vậy không chịu được, quay mặt đi. Mấy người dâng thành phố trông thấy cô, họ cười. Cô không thèm xin họ. Dân thành phố sống với nền văn minh, họ lả gì vở của cô. Không khéo, họ còn bóc vở của cô cho những người khác xem. Tuy vậy, với hành trang như vậy, cô hy vọng.

Một người đàn ông đứng tuổi mặc quân phục nhà binh, tóc hoa râm, khoẻ mạnh, nhìn cô ái ngại. Ông hỏi :

– Sao cô không thay quần áo khô đi. Ướt thế ! ... Bị cảm lạnh chết.

– Vâng. Hai mẹ con cháu năm nay mất mùa. Cháu chẳng có gì để ăn. Mẹ con cháu cố gắng xin ít tiền để sống.

– Chồng cô đâu ?

– Anh ấy hy sinh tại Campuchia.

– Thế còn gia đình cô ?

– Gia đình cháu nói làm gì... – Cô khóc.

Người đàn ông ái ngại. Nghĩ một lúc, ông nói :

– Tôi cho cô ít tiền đây. Mua cho cháu bộ quần áo mặc. Cho cháu ăn, kẻo nó cảm lạnh.

Ông mở cái cặp da của mình. Lấy ra một xấp tiền nhỏ.

Ông tách đôi đưa cô hai chục ngàn. Cô gái chùi nước mắt đưa tay đỡ.

– Cảm ơn ông. – Cô gái nói.

Cô đi ra cửa. Người đàn ông châm thuốc hút. Lòng thoáng buồn. Cô gái này trạc tuổi con gái đầu lòng của ông. Sao số phận nó vậy.

Năm phút sau, tại một phòng đợi tàu bên cạnh. Một cụ già, dáng vẻ nhà giàu xứ quê, mở hầu bao cho cô năm nghìn.

Một tiếng sau. Tại cửa đón khách vào ga, mấy anh lính trẻ về phép cho cô năm nghìn nữa.

Hôm nay trời sụt sùi, lúc mưa lúc tạnh. Hai cô gái “bán hoa” ở ga ế khách. Các cô vừa hút thuốc, vừa nói chuyện với nhau bằng giọng ghen tị.

– Mẹ kiếp ! ... Con nhà quê kiếm bãm thật.

– Từ tối đến giờ, tao để ý, có lẽ nó kiếm gần một trăm nghìn.

– Từ giờ tối sáng, có lẽ nó phải kiếm được hai trăm nghìn.

Trời lại bắt đầu mưa. Cái giờ khắc lao động quên mình trôi đi nhanh lấm. Chiếc đồng hồ trên nóc nhà ga đạo một khúc nhạc. Ba kim đồng hồ chập một chỉ vào số mười hai. Giờ làm việc đã hết. Cô hốt hoảng rời khỏi nhà ga trở về. Thằng bé bắt đầu tỉnh. Lần này nó quá mệt vì đói và thèm thuốc ngủ. Nó mở mắt thao láo nhìn cô. Cô định bế nó vào một hàng cháo hoa bán đêm. Nhưng cô lại sợ muộn. Cho nó ăn xong mới về thì con mụ mặt rõ kia lại phạt tiền cô.

Cô đi về qua những phố vắng tùng đến một mái hiên. Ở đó, có bóng hai người trùm áo mưa kín mặt ngủ. Cô khẽ tóm chân họ lay lay. Áo mưa động đậy. Người đàn bà mặt rõ thò đầu ra.

– Tiền đâu ? ... Sao về muộn thế ?

Cô gái đưa tờ năm nghìn đã cầm s n trong tay.

– Cho nó ăn chưa ? – Bà mặt rõ hỏi tiếp.

– Có... Em cho nó ăn rồi.

Thằng bé đưa mắt nhìn mẹ nó. Mặt nó chẳng buồn chẳng vui. Cảnh mù đàm bà là một gã đàm ông. Vẻ mặt của dân dao búa. Hắn cầu nhau vì bị mất giấc ngủ. Thằng bé được bà mặt rõ đưa tay đón lấy. Nó được đưa vào nằm giữa hai người. Và ngủ ấm áp trong vòng tay của mẹ, và của gã kia.

Cô gái bước đi. Mảnh áo mưa được trùm kín. Họ lại tiếp tục giấc ngủ.

Thời gian vẫn trôi đi. Một giờ... Hai giờ... Ba giờ... Năm giờ sáng. Trời thành phố sáng dần. Bà mặt rõ lục đục trong cái áo mưa rồi tỉnh dậy. Bà bế thằng bé. Thằng bé thông thuột. Nó đã chết. Người nó xám đen. Người mẹ nào mất con mà chẳng đau khổ. Bà rú lên như tiếng chó的大.

Một người... Hai người... Rồi ba người... Những người dân xúm quanh xem cái sự cố đặc biệt. Hai người cảnh sát tò mò tiến lại. Họ giải tán đám đông và gọi một chiếc xe xích lô đưa bà mẹ và đứa trẻ bất hạnh đấy đến bệnh viện.

Con chim xanh lúc nay, chính là linh hồn thằng bé. Những linh hồn đau khổ nơi trần thế thường được lên thiên đàng. Thằng bé lên tới thiên đàng và kể với các bạn nó rằng : “*Hơn một năm nó sống dưới trần gian, nó toàn được ngủ. Giấc ngủ liên miên nơi trần thế...*” .

Hà Nội, tháng mười hai năm 1991.

N. T. A.(Thanh niên 2.1992)

### Khúc ngâm đùa chơi

Đùa thôi nhé, thiên đường mộng ảo  
Thế giới vỡ tan ngoài chân mây  
Cầm giấc mơ xanh vàng đỏ tím  
Mở mắt nhìn - nắm mọc đầy tay

Ta đi hết một thời trai trẻ  
Tìm thanh gươm nghĩa khí nghìn thu  
Đùa thôi nhé, sắc cỏ vàng trên mồ  
Anh hùng xưa biệt dấu sương mù

Và tất cả những điều đã nói  
Bằng con tim máu nóng dâng trào  
Cũng đùa thôi, nhớ chi hoài mệt óc  
Chuyện nói cười một thuở gian lao

Ta sống lại trong hình hài hóa bướm  
Chút tự do quả thực trên đời  
Rũ sạch hết những đam mê hoang tưởng  
Núi thông nhiều, ta hãy rong chơi

Bác tiều, ơi bác tiều xưa cổ  
Lời du ca lảnh lót gọi ta về  
Cuộc phong trần ta may còn hồn rượu  
Để cùng người kết bạn sơn khê

Bác rằng đã từ lâu chẳng dài  
Kìa như tranh vân cát trên trời  
Những tấn kịch thánh thần sa nước mắt  
Thế gian này cũng chuyện đùa thôi

Còn cho ta một trời mây bay  
Một vầng trăng đợi sáng chân mày  
Mai bắc lại lên đồi hái củi  
Ta về rừng gối đá ngủ say

Huế, 9.1991  
Hoàng Phủ Ngọc Tường

## Bạn đọc viết (tiếp theo trang 2)

tùy có nhiều thành phần nhưng không có luật lệ bình thường, vì nạn hối lộ và tham nhũng<sup>2</sup>. Số lớn xí nghiệp, to, nhỏ, thuộc Nhà nước hay tư nhân, đều nằm trong tay đảng viên hoặc gia đình, bè bạn họ. Không có đối lập, không có bầu cử, đảng cầm quyền không có khả năng đấu tranh hữu hiệu chống nạn tham nhũng. Không có đối lập và không được dân chúng bầu ra, đảng cầm quyền làm mất uy tín của Nhà nước. Dù có chủ trương “tách rời Nhà nước và đảng”, chính thể độc đảng làm suy yếu Nhà nước. Một bài học của tình hình Liên Xô cũ là sự giải tán đảng cộng sản Liên Xô làm cho Nhà nước (và nền kinh tế) sụp đổ nhanh chóng một cách khủng khiếp.

Một đặc điểm của nền kinh tế này là Nhà nước, yếu mòn vì nạn tham nhũng, không bảo đảm thực hành được những luật lệ đề ra. Bao nhiêu lần chúng ta được nghe “đường lối chính phủ đúng, nhưng thực hành không được tốt”, như câu tục ngữ “phép vua thua lệ làng” thuở xưa !

Một đặc điểm nữa của “kinh tế tham nhũng” là sự mở rộng đầu tư với ngoại quốc không thông qua một sự kiểm soát dân chủ nào. Tiền vay nợ không ai rõ được ứng dụng ra sao. Hậu quả, như ở các nước châu Phi, Mỹ Latinh, là các nước ấy nợ ngày càng nhiều, hàng năm riêng tiền trả lãi cũng khủng khiếp xiết cổ. Ngày nào chưa giải quyết vấn đề chính trị, vay nợ tu bẩn ngoại quốc là hy sinh một phần tương lai.

“Kinh tế tham nhũng”, với sự hiện diện của nhiều thành phần kinh tế, với một số cạnh tranh nào đó, có thể là một bước phát triển, nhưng không phải là một đường lối phát triển vững bền và tiên tiến. Tuy rằng tình trạng ở một số nước châu Phi cho thấy nền kinh tế này có thể kéo dài 40 năm hay hơn nữa, nhưng họ không thoát khỏi nạn nghèo đói và kém mỏ mang. Muốn biến “kinh tế tham nhũng” thành một nền kinh tế thi trường tiên tiến, không sao thoát khỏi một chế độ đa đảng, có bầu cử thật sự dân chủ, chấp nhận đối lập, chấp nhận tự do ngôn luận, tự do thành lập các hội đoàn (kể cả các hội bảo vệ môi trường hay bảo vệ các khách hàng!). Một Nhà nước vững mạnh và tiên tiến khó thoát khỏi luật bầu cử thật sự dân chủ với nhiều đảng. Hạnh phúc của người dân là ấm no và được cầm lá phiếu.

Vũ Hồng Nam (Lyon)

1. Vũ Quang : “Tình hình đòi hỏi biện pháp đổi mới kinh tế quốc doanh”. Đoàn Kết số 436 (bộ mới), tháng 1.1992.

2. Grjebine André : “Ni plan ni marché. Economie de Corruption”. Le Débat n° 67, Novembre-Décembre 91.

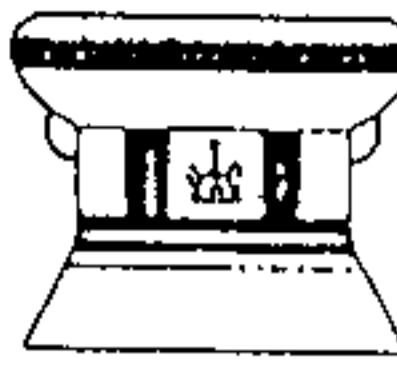
## DIỄN ĐÀN FORUM

*Chủ nhiệm:* Hà Dương Tường  
*Tổng biên tập:* Trần Hải Hạc

*Ban chủ biên:* Trần Hải Hạc, Nguyễn Ngọc Giao,  
Bùi Mộng Hùng, Hà Dương Tường  
*Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý:*

Vũ An, Mỹ An, Bác sĩ Aspirin, Lê Văn Cường, Hà Duy, Trần Đạo, Nguyễn Hải, Đơn Hành, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê, Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Văn Ngọc, Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Nguyễn Thành, Thanh Thanh, Vũ Thành, Nguyễn Thắng, Hàn Thuỷ, Đỗ Thống, Đặng Tiến, Nam Tân, Hoài Văn, Kiến Văn, Hải Văn, Hòa Văn

quảng cáo



**VIPHARCO**

*hợp pháp  
phát nhanh  
hối suất cao  
miễn thuế  
bảo đảm*

**CHUYỂN  
TIỀN  
VỀ**

**VIỆT NAM**

( Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh  
và các tỉnh lân cận ).

Muốn chuyển nhanh, xin gửi *mandat*  
hoặc *chèque de banque*

Làm việc từ thứ hai đến thứ sáu

Sáng : 8<sup>H</sup>30 – 12<sup>H</sup>30 Chiều : 13<sup>H</sup>15 – 17<sup>H</sup>

**ĐỀ BIẾT THÊM CHI TIẾT**

**XIN LIÊN LẠC VỚI CÔNG TY VIPHARCO**

12, avenue Charles De Gaulle, 91420 Morangis

☎ (1) 64.54.93.44 hay (1) 64.54.85.28

Fax : (1) 64.48.56.83

Phiếu mua dài hạn báo



Tên họ.....

Địa chỉ .....

..... ghi mua 1 năm báo Diễn Đàn kể từ số .....

Kèm theo dây ngân phiếu ..... FF để tên DIEN DAN gồm:

..... FF là tiền mua báo (Pháp : 250 FF ; Châu Âu ngoài Pháp : 280 FF ; DOM-TOM thuộc Pháp và các nước khác : 330 FF )

..... FF là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và séc (hoặc *money order*) về Diễn Đàn, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (France).

Chú ý : bạn đọc ở Đức có thể ký séc 80 DM, để tên TRAN (Bank : Stadt und Kreissparkasse, Sulzbach-Rosenberg, Konto N° 21 09 700 BLZ 752 517 80), và gửi về địa chỉ : TRAN, Am Stadtpark 6, 8458 Sulzbach-Rosenberg.